



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 66

Số: **39**

(2798)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 28 - 9 - 2013



Ảnh: PHAN HỮU ĐỒ

**TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG
LÀM VIỆC VỚI ĐẢNG ĐOÀN
UBTQ LIÊN HIỆP CÁC HỘI VHNT VIỆT NAM**

TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG LÀM VIỆC VỚI CÁC VĂN NGHỆ SĨ

SÁNG ngày 21-9-2013, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nguyễn Phú Trọng đến thăm và làm việc với Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam cùng đại diện các văn nghệ sĩ thuộc các hội chuyên ngành. Một số lãnh đạo các hội Văn học - nghệ thuật của các tỉnh, thành phố: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Phú Thọ... đã được mời tham dự buổi làm việc với Tổng Bí thư... Cùng tham dự buổi làm việc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có các đồng chí Đinh Thế Huynh - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương; đồng chí Nguyễn Thiện Nhân - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Thủ tướng Chính phủ; lãnh đạo các Bộ, ban, ngành liên quan; lãnh đạo Hội đồng Lý luận, phê bình Văn học - nghệ thuật Trung ương.

Trong chương trình làm việc, Tổng Bí thư và các đồng chí đại diện lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các cơ quan Bộ, ngành nghe báo cáo của Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam về công tác của Đảng đoàn trong việc lãnh đạo thực hiện Nghị quyết XI và các nghị quyết của TƯ, Bộ Chính trị về văn hóa, văn học nghệ thuật cùng ý kiến đóng góp của văn nghệ sĩ về tình hình hoạt động văn học, nghệ thuật trong thời gian gần đây; tiếp nhận những đề xuất, kiến nghị, giải pháp cho những khó khăn đang tồn tại để có thể xây dựng một nền văn học nghệ thuật phát triển toàn diện, đúng hướng.

Nhà thơ Hữu Thỉnh - Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học Nghệ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam thay mặt các văn nghệ sĩ trình bày báo cáo về tình hình hoạt động văn học nghệ thuật trong thời gian qua. Báo cáo nêu rõ: "Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa, 5 năm thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về văn học, nghệ thuật, nền văn học nghệ thuật nước ta tiếp tục có những bước phát triển, đạt được những kết quả quan trọng. Quyền tự do sáng tạo, không gian và điều kiện sáng tạo của văn nghệ sĩ được nâng lên; tiềm năng và cảm hứng của người nghệ sĩ được khơi dậy. Các giá trị văn hóa, nghệ thuật bền vững của dân tộc được kế thừa, phát huy. Sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng, số lượng tác phẩm tăng thêm nhiều hơn, chất lượng nghệ thuật, nội dung được nâng cao, có tính chất mới mẻ ở nhiều phương diện. Ba đề tài được đi sâu vào khai thác: đề tài lịch sử dựng nước và giữ nước để tài về các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc; đề tài về công cuộc đổi mới đất nước; đề tài quốc tế được mở rộng. Ngoài ra còn có nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật phản ánh sâu sắc, sinh động về những vấn đề đạo đức xã



Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam Hữu Thỉnh phát biểu tại buổi làm việc. Ảnh: HỮU ĐỖ

hội hiện nay. Văn học nghệ thuật đã thực sự làm tốt vai trò phát hiện cái mới, cổ vũ điều tốt đẹp, tiến bộ, đề cao tiếng nói của văn nghệ sĩ thể hiện lòng yêu nước; đồng thời phê phán những thói hư tật xấu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội, đấu tranh phản bác những thông tin, quan điểm sai trái, phản động, thù địch.... Đảng đoàn và lãnh đạo Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, lãnh đạo các hội thành viên đã phát huy vai trò là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tập hợp, đoàn kết, động viên hội viên và toàn thể văn nghệ sĩ nâng cao nhận thức chính trị, năng lực sáng tạo, trách nhiệm công dân qua những sáng tác và hoạt động quảng bá tác phẩm tốt. Cùng với sáng tác, lĩnh vực nghiên cứu lý luận, phê bình văn học nghệ thuật đang được tiếp tục xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống Lý luận, phê bình văn nghệ Việt Nam, đặc biệt là phát triển văn học, nghệ thuật trong cơ chế thị trường định hướng XHCN." Bên cạnh những thành tựu, kết quả đã đạt được, nhà thơ Hữu Thỉnh cũng đưa ra những điểm còn hạn chế, khiếm khuyết cần khắc phục trong sự nghiệp phát triển Văn học, nghệ thuật Việt Nam: "Việc tham mưu để thể chế hóa, cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng trong Nghị quyết 23-NQ/TƯ còn chậm và thiếu đồng bộ. Công tác lãnh đạo, quản lý ở một số hội còn nhiều bất cập, còn thiếu những lãnh đạo văn nghệ có năng lực, uy tín, có khả năng tập hợp, đoàn kết hội viên. Việc phát triển hội viên, nhất là hội viên trẻ, còn gặp nhiều khó khăn. Chúng ta chưa có nhiều tác phẩm có chất lượng cao, xứng tầm với bề dày văn hóa dân tộc, đáp ứng được mong muốn của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Một số văn nghệ sĩ còn xem nhẹ trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân mà chỉ đề cao cá nhân." Kết thúc bản báo cáo, nhà thơ Hữu Thỉnh đưa ra một số kiến nghị về công tác quản lý, đầu tư, hỗ trợ sáng tác để các văn nghệ sĩ có điều kiện thuận lợi hơn trong đời sống và sự nghiệp sáng tạo văn học, nghệ thuật.

Tiếp đó, các văn nghệ sĩ phát biểu ý kiến đóng góp và những đề xuất với

các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các cơ quan Bộ, ban, ngành liên quan. NSND Tiến Thọ - Chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam nêu vấn đề: "Làm thế nào để phát triển nghệ thuật biểu diễn truyền thống trong giai đoạn hiện nay" và đưa ra những kiến nghị: cần đưa nghệ thuật biểu diễn truyền thống và những loại hình nghệ thuật truyền thống khác thành mục tiêu quốc gia; tiếp tục thực hiện đề án phát triển văn học, nghệ thuật đến năm 2020; triển khai Nghị định 88 về nâng cấp các công trình văn hóa; chỉnh sửa chỉnh sách, chế độ đối với nghệ sĩ biểu diễn; giới thiệu nghệ thuật biểu diễn truyền thống sâu rộng hơn nữa trong đời sống... Nhà văn Vũ Tú Nam - nguyên Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam bày tỏ niềm lo ngại: "Dường như đang có sự 'nhạt nhạt' trong một bộ phận văn nghệ sĩ đối với công việc lao động sáng tạo hiện nay, những vấn đề cá nhân được đề cao quá mức mà không còn sự quan tâm đến đời sống chung. Hiện tượng phai nhạt về lý tưởng, xuống cấp về văn hóa, sai lệch về quan niệm sống đang diễn ra ngày càng nhiều. Trước những thực trạng này, hơn bao giờ hết chúng ta cần phải giữ vững và phát huy vai trò của văn nghệ sĩ, qua những sáng tác của mình góp phần xây dựng lý tưởng sống tốt đẹp, chống lại những biến thái, hướng tới những giá trị văn hóa bền vững của dân tộc."

Sau những ý kiến của các văn nghệ sĩ, đại diện các Hội chuyên ngành đóng góp vào bản báo cáo của Đảng đoàn, Hội nghị lần lượt lắng nghe ý kiến của các đồng chí đại diện các Bộ, ban, ngành có liên quan: Bộ Nội vụ, Bộ kế hoạch đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch. Những ý kiến này tập trung vào việc giải thích những điều còn vướng mắc trong quá trình thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để các Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống. Quá trình này trong thời gian qua còn nhiều vướng mắc, ách tắc

khiến những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước chưa được triển khai. Các cơ quan liên quan đều hứa sẽ cùng Đảng đoàn và Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các hội VHNT Việt Nam tháo gỡ càng sớm càng tốt.

Sau khi nghe tất cả các ý kiến góp ý vào bản báo cáo của Đảng đoàn và ý kiến giải trình của đại diện các Bộ Ban ngành có liên quan, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài phát biểu hết sức quan trọng. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ghi nhận và biểu dương những nỗ lực, thành tích mà Đảng đoàn và lãnh đạo Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, lãnh đạo các hội thành viên và các văn nghệ sĩ cả nước đã đạt được trong thời gian qua; đồng thời yêu cầu Đảng đoàn, lãnh đạo Liên hiệp các hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam và các hội chuyên ngành cần quán triệt và thực hiện thật tốt Chỉ thị số 27-CT/TƯ ngày 12-9-2013 của Ban Bí thư về đại hội các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương và đại hội Liên hiệp các hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam sẽ được tổ chức trong hai năm 2014 và 2015. Tổng Bí thư nhắc lại lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Văn hóa, nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy"; "văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị" và nhấn mạnh: "Cần coi trọng hơn nữa công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, công tác chuyên môn; đặc biệt là công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ cấp hội; nâng cao nhận thức chính trị, năng lực sáng tạo, trách nhiệm công dân, kỹ năng nghề nghiệp cho anh chị em văn nghệ sĩ. Đoàn kết, cổ vũ, tạo điều kiện để văn nghệ sĩ bám sát cuộc sống, đẩy mạnh các hoạt động sáng tạo, có thêm nhiều sáng tác có chất lượng cao về nội dung và nghệ thuật, phản ánh sâu sắc hiện thực đất nước, thành tựu công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN... Đảng, Nhà nước, các cấp các ngành sẽ cùng Đảng đoàn và lãnh đạo Liên hiệp các hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý; tạo điều kiện để văn học, nghệ thuật và văn nghệ sĩ có thêm những tác phẩm xứng đáng dân tộc, đất nước, nhân dân, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, tất cả vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh."

Sau hơn ba tiếng làm việc liên tục, buổi làm việc đã kết thúc trong không khí chân thành, cởi mở. Các văn nghệ sĩ được vinh dự có mặt tại buổi làm việc đều biểu lộ sự tin tưởng sâu sắc rằng: Khi Đảng đã thực sự quan tâm đến hoạt động văn hóa, văn nghệ thì sẽ sớm có những chủ trương, chính sách cụ thể để giải phóng tiềm năng sáng tạo của văn nghệ sĩ, tạo nền tảng cho một cuộc chấn hưng văn hóa trong tương lai không xa. ■

PHONG LAN

Thưa các bác, các anh, các chị cùng toàn thể các đồng chí,

Hôm nay, tôi và lãnh đạo một số ban, bộ, ngành rất vui mừng đến thăm và làm việc với Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam và đại diện lãnh đạo các Hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương; được gặp gỡ các đồng chí, những người hoạt động sáng tạo văn học nghệ thuật - một lĩnh vực tinh tế và đặc biệt quan trọng - trong đời sống tinh thần của đất nước ta. Trước hết, tôi xin gửi tới các bác, các anh, các chị và các đồng chí lời thăm hỏi chân tình và lời chúc tốt đẹp nhất.

Mới đây, nhân kỷ niệm trọng thể 65 năm Ngày thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam, tổ chức tiền thân của Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam ngày nay, tôi đã cùng một số đồng chí lãnh đạo các cơ quan của Đảng, Nhà nước tham dự buổi lễ và gửi lời chúc mừng nồng

này, nền văn hoá, văn học, nghệ thuật nước ta tiếp tục có bước phát triển, đạt được những kết quả quan trọng. Các hoạt động văn học, nghệ thuật từ Trung ương đến địa phương, với sự quan tâm của cấp uỷ đảng và chính quyền, đã có sự chuyển biến tích cực. Tuy nguồn kinh phí còn hạn hẹp, đời sống của đa số anh chị em văn nghệ sĩ còn khó khăn, nhưng với lòng say mê, tâm huyết sáng tạo, đã có nhiều tác phẩm đáng trân trọng. Nhiều cuộc triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh, nhiều tiết mục sân khấu, điện ảnh, công trình nghiên cứu lý luận, văn hoá, văn nghệ... thu hút được người xem, người đọc. Quyền tự do sáng tạo và điều kiện hoạt động của văn nghệ sĩ được bảo đảm và cải thiện; tiềm năng và cảm hứng sáng tạo được khơi dậy. Văn học, nghệ thuật nước ta tiếp tục kế thừa, phát huy các giá trị bền vững của dân tộc được hun đúc, chắt lọc qua hàng nghìn năm lịch sử. Đó là chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân văn; là bản sắc văn hoá

dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận văn nghệ Việt Nam, đặc biệt là định hướng phát triển văn học, nghệ thuật trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Đã củng cố, xây dựng được đội ngũ các cây bút trẻ trong lý luận, phê bình; tham gia đấu tranh phản bác các khuynh hướng, hành vi sai trái, cực đoan, bảo vệ và phát triển đường lối văn hoá, văn học, nghệ thuật của Đảng.

Đảng đoàn và lãnh đạo Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam, lãnh đạo các hội thành viên đã phát huy vai trò là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tập hợp, đoàn kết, động viên hội viên và đồng bào văn nghệ sĩ nâng cao nhận thức chính trị, năng lực sáng tạo, trách nhiệm công dân, sáng tác, quảng bá nhiều tác phẩm có giá trị. Đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị học tập, quán triệt và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội Đảng; Nghị quyết của Trung ương

và các hội thành viên có nhiều khởi sắc; tích cực, chủ động tham gia các hội nghị, hội thảo, liên hoan quốc tế về văn hoá, văn nghệ. Sự phối hợp công tác giữa Liên hiệp Hội và các hội chuyên ngành ở Trung ương với các ban, bộ, ngành Trung ương và các địa phương ngày càng tốt hơn.

Bên cạnh những nỗ lực và kết quả đạt được, phải thừa nhận rằng, lĩnh vực văn học, nghệ thuật nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Đó là văn học, nghệ thuật phát triển chưa tương xứng với tiềm năng sáng tạo và nhu cầu hưởng thụ của nhân dân; chưa có nhiều tác phẩm có giá trị cao về nội dung và nghệ thuật, chưa phản ánh sâu sắc, sinh động những hiện thực lớn lao của đất nước trong những giai đoạn lịch sử quan trọng, nhất là trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế. Điều đáng lưu ý là, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập, đã và đang xuất hiện xu hướng "thương mại hoá" cùng những biểu hiện "bất chuẩn, lai căng"... trên nhiều phương diện, làm hạ thấp hoặc méo mó những giá trị đích thực của văn học, nghệ thuật, ảnh hưởng đến việc giáo dục tư tưởng, thẩm mỹ trong công chúng người đọc, người xem; không động viên, khuyến khích được những văn nghệ sĩ tâm huyết với nghề, gắn bó với những giá trị văn học, nghệ thuật chân chính.

Hoạt động lý luận, phê bình nhìn chung còn thụ động, thiếu tính chiến đấu, tính định hướng. Công tác lãnh đạo, quản lý văn hoá, văn học, nghệ thuật còn nhiều hạn chế, bất cập. Cấp uỷ, chính quyền, các cơ quan liên quan ở Trung ương, các địa phương, lãnh đạo Liên hiệp hội và các hội chuyên ngành có lúc, có việc còn thiếu quán xuyến và sâu sát. Việc tham mưu để thể chế hoá, cụ thể hoá quan điểm, chủ trương của Đảng còn chậm và thiếu đồng bộ. Công tác lãnh đạo, quản lý ở một số hội còn nhiều bất cập, còn thiếu cán bộ lãnh đạo văn nghệ có năng lực, uy tín, khả năng tập hợp, đoàn kết hội viên. Việc phát triển hội viên, nhất là hội viên trẻ, gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh số đông văn nghệ sĩ gắn bó máu thịt và cống hiến hết mình cho sự nghiệp chung, cũng có những người phai nhạt mục tiêu lý tưởng cách mạng, xem nhẹ trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Tác phẩm của họ thường xa rời thực tiễn đời sống của đất nước, của nhân dân. Một số phát ngôn, viết hồi ký, sách báo, trang điện tử có nội dung thiếu xây dựng, thậm chí cực đoan, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, con đường đi của dân tộc. Cá biệt, có người còn lên tiếng đòi "hạ bệ", "giải thiêng", "bôi đen" các giá trị to lớn, thiêng liêng của đất nước, của chế độ.

Thưa các bác, các đồng chí,

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang nỗ lực phấn đấu thực hiện đường lối đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo tư tưởng của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, nhằm mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại và đến giữa thế kỷ này trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một sự nghiệp to lớn, vĩ đại. Bên cạnh thuận lợi cơ bản, đất nước ta cũng đang đứng trước không ít khó khăn, thách thức lớn. Tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp, khó lường. Hiện thực phong phú, sôi động của đất nước đang mở ra chân trời rộng lớn cho sự sáng tạo, đồng thời cũng đặt ra những vấn đề lớn và mới mà những người hoạt động văn hoá, nghệ thuật thông qua những tác phẩm sáng tạo của mình phải cắt nghĩa, trả lời và định hướng đi lên cho xã hội. Phải làm sao sáng tạo ra những tác phẩm, công trình văn hoá, nghệ thuật tương xứng với tầm vóc của dân tộc và đất nước. Đảng, Nhà nước và nhân dân chờ đợi, hy vọng ở những người hoạt động văn học, nghệ thuật, và biết rằng các đồng chí cũng rất day dứt và đầy khát vọng về điều này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: "Văn hoá, nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy". Người lưu ý: "văn hoá, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác,

VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT KHÔNG THỂ ĐỨNG NGOÀI KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ⁽¹⁾

(Bài nói của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại buổi làm việc với Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam)

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2013)



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng với các văn nghệ sĩ Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam.

Ảnh: HỮU ĐO

nhật về chặng đường vẻ vang; những thành tựu to lớn mà Liên hiệp hội cũng như các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành và toàn thể anh chị em văn nghệ sĩ cả nước đã đạt được trong mấy chục năm qua.

Hôm nay, được nghe Báo cáo của Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam do đồng chí Hữu Thịnh, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam trình bày, và nghe ý kiến phát biểu đầy tâm huyết của các bác, các đồng chí, tôi càng hiểu thêm về tình hình văn học, nghệ thuật nước ta và công tác của Đảng đoàn. Tôi nhiệt liệt hoan nghênh những nỗ lực lớn lao, những sáng tạo bền bỉ, những kết quả nổi bật của các đồng chí và xin chia sẻ, thông cảm với những khó khăn, thách thức và cả những hạn chế, bất cập mà Đảng đoàn cùng cán bộ, hội viên và toàn thể anh chị em văn nghệ sĩ nước ta đã và đang trải qua.

Qua thực tiễn hoạt động văn hoá, văn học, nghệ thuật, nhất là sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII, 5 năm thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TƯ của Bộ Chính trị khoá X về lĩnh vực công tác

dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại; là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; là trọng trách xây dựng nhân cách, đạo đức, lối sống, tâm hồn, cốt cách con người Việt Nam.

Các sản phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng, phần lớn trong số đó có nội dung lành mạnh, tích cực; hình thức thể hiện có nhiều đổi mới. Để tài lịch sử hào hùng của đất nước; những trang sử vẻ vang chống các kẻ thù xâm lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tiếp tục thu hút các văn nghệ sĩ, cả cao niên và trẻ tuổi tham gia. Để tài về công cuộc đổi mới đất nước, ca ngợi Đảng quang vinh, Bác Hồ vĩ đại, nhân dân anh hùng cũng được anh chị em văn nghệ sĩ trân trọng và có những thành công trong tác phẩm của mình. Văn học, nghệ thuật tích cực phát hiện, cổ vũ cái mới, cái tốt đẹp, tiến bộ; biểu dương, nêu gương những nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong lao động, học tập, rèn luyện, phấn đấu; phê phán thói hư, tật xấu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội. Lĩnh vực nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cũng có những chuyển biến rõ nét, góp phần tiếp tục xây

Đảng; tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; góp ý kiến vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992; kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, 70 năm Đế chế Văn hoá Việt Nam, 70 năm tác phẩm "Nhật ký trong tù" của Bác Hồ; 55 năm Bác Hồ gửi thư cho các họa sĩ và giới văn nghệ nước nhà; động viên văn nghệ sĩ tham gia các Giải thưởng sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"... Liên hiệp hội và các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương và các địa phương đã tổ chức nhiều trại sáng tác, hội diễn, liên hoan, triển lãm, tọa đàm, gặp gỡ, giao lưu trong nước và quốc tế, trao thưởng, quảng bá các tác phẩm xuất sắc. Nhiều đơn vị, nhiều văn nghệ sĩ được Đảng, Nhà nước trao các loại huân chương bậc cao, trao Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật và phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú.

Công tác đối ngoại của Liên hiệp hội

(Xem tiếp trang 4)

VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT...

(Tiếp theo trang 3)

không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị". Đó cũng là quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta đối với văn hoá, văn học, nghệ thuật. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII khẳng định: "Văn hoá là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng". Thực tế những năm qua, lĩnh vực văn hoá, văn học, nghệ thuật đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới, trong đó có cuộc đấu tranh quyết liệt về tư tưởng, văn hoá. Đó là cuộc đấu tranh giữa chân, thiện, mỹ với cái giả dối, cái ác, cái xấu xa; giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu.

Nhận rõ vị trí, vai trò, đóng góp to lớn của văn hoá, văn học, nghệ thuật, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng công tác xây dựng, bổ sung hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về lĩnh vực này, cố gắng tạo điều kiện để anh chị em văn nghệ sĩ phát huy hết tài năng. Định hướng đúng đắn cho văn học, nghệ thuật phát triển phù hợp với con đường đi lên của dân tộc; đề ra chính sách đầu tư, bảo đảm tự do sáng tác đi đôi với nêu cao trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của văn nghệ sĩ, các nhà văn hoá; đồng thời chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho văn nghệ sĩ làm việc; chú ý bồi dưỡng, đào tạo lớp văn nghệ sĩ trẻ....

Thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TƯ của Bộ Chính trị, Chính phủ đã ban hành Nghị định 45/2010/NĐ-CP; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định "Hỗ trợ cho các công trình văn học, nghệ thuật và báo chí giai đoạn 2011 - 2015". Nguồn kinh phí tuy chưa nhiều (khoảng 80 tỉ/năm) nhưng đã góp phần tháo gỡ khó khăn trong hoạt động của các hội văn học nghệ thuật cả nước. Ngày 9-4-2013, Ban Bí thư ra Kết luận số 59-KL/TƯ về việc tạm thời thực hiện việc hỗ trợ cho một số nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ tiêu biểu có khó khăn trong cuộc sống. Chính phủ tiếp tục phê duyệt "Dự án Công bố, phổ biến tài sản văn hoá, văn nghệ dân gian Việt Nam". Mới đây, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị về đại hội các hội văn học - nghệ thuật chuyên ngành Trung ương và Đại hội Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam nhiệm kỳ sắp tới, v.v....

Những dấu sao, đó vẫn chỉ là những yếu tố khách quan. Với văn học, nghệ thuật thì không gì có thể thay thế được tài năng và tâm hồn chủ thể những người trực tiếp sáng tạo, tức là các văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ là những người có năng khiếu đặc biệt, lại có khả năng thu nhận tri thức, tiếp cận thực tiễn cuộc sống, trau dồi bản lĩnh chính trị và nghệ nghiệp, là người sáng tạo ra tác phẩm. Sự nghiệp sáng tạo văn học, nghệ thuật đòi hỏi phải có những người có tài năng, có tâm hồn, có nhân cách, bản lĩnh, đặc biệt là có chỗ đứng và cách nhìn đúng đắn, khách quan, khoa học.

Nhân đây, tôi có đôi điều muốn trao đổi tâm tình thêm với anh chị em văn nghệ sĩ trẻ. Chúng ta đều đã biết, thời đại chúng ta, cuộc sống quanh ta có rất nhiều điều để nói, để viết, nhưng quan trọng là nói như thế nào, viết như thế nào? Nhiều người thường bảo văn nghệ phải chiếu sáng cuộc sống, chứ không chỉ là nơi cuộc sống hiện hình; văn nghệ bồi dưỡng, nâng cao con người chứ không phải chỉ là nơi giải bày tâm trạng cá nhân, hạ thấp con người. Mong sao các văn nghệ sĩ thể hiện thật rõ điều đó để xứng đáng là niềm hy vọng mới của nhân dân; đừng để cho sự tầm thường dễ dãi ám ảnh mình. Các đồng chí cần thường xuyên học hỏi, rút những bài học tốt từ những thế hệ trước để tiếp tục đi xa. Bài học đó là: Khát vọng lớn lao, lý tưởng cao cả, hoà nhập đập trái tim mình với nhịp đập trái tim toàn dân tộc, gần gũi với thực tiễn vĩ đại của cuộc sống nhân dân, chứ không phải chỉ đi vào tâm trạng cá nhân, gặm nhấm tâm tư, yếm thế, lấy tiểu xảo thay cho tài năng, nhìn đời bằng góc nhìn chật hẹp, thậm chí coi văn nghệ như là thú vui, giải trí hoặc một cuộc chơi, một đam mê tầm thường. Thực tế đời sống

văn học ở nước ta và trên thế giới cho thấy, những tác gia lớn là những tác gia có khát vọng và hoài bão lớn, có tầm nhìn xa rộng, có tư duy sâu sắc. Chỉ có khát vọng và hoài bão lớn về sự sáng tạo thì mới đi xa và bền vững được. Mục đích cuối cùng là tác phẩm hay, tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao. Nó phản ánh tâm hồn và tính cách dân tộc, những điều lớn lao, mạnh mẽ của con người.

Văn học - nghệ thuật vốn có chức năng cao quý là khám phá, sáng tạo, phản ánh chân thực, sinh động, hấp dẫn hiện thực cuộc sống - hiện thực vĩ đại của dân tộc; phản ánh hiện thực có chiều sâu, từ trong bản chất của nó. "Nhà văn là kỹ sư tâm hồn", "là người thư ký của thời đại" (Ban-đắc). Mỗi văn nghệ sĩ cần bám sát hiện thực cuộc sống để sáng tạo, làm sao cho mỗi tác phẩm của họ phản ánh chân thực cuộc sống, làm sao cho người đọc sau khi gặp sách lại đều cảm thấy "mạch đập dưới da" như mạch máu đập dưới làn da" (Ka-li-nin).

Với tài năng và tâm huyết của đội ngũ văn nghệ sĩ, chúng ta tin là sẽ có nhiều tác phẩm phản ánh chân thực cuộc sống, ngợi ca cái tốt, cái thiện, cái tích cực; đồng thời phê phán, đấu tranh với cái ác, cái xấu, những tư tưởng sai trái đi ngược lại truyền thống đạo lý và lợi ích của Tổ quốc và dân tộc, những thói tệ nảy sinh từ mặt trái của kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập quốc tế. Nghiên cứu lý luận, phê bình cần phải thẳng thắn, trung thực, khách quan, tinh tế, góp phần định hướng, giới thiệu cho công chúng tiếp nhận những giá trị văn hoá trong và ngoài nước, loại trừ những cái phi văn hoá, phản văn hoá; chống xu hướng "lai căng", thương mại hoá hoặc chạy theo thị hiếu thấp kém của một bộ phận công chúng, đảm bảo sự phát triển lành mạnh của đời sống văn học, nghệ thuật, nâng cao trình độ nhận thức và thị hiếu thẩm mỹ của nhân dân.

Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam, Đảng đoàn Hội Nhà văn Việt Nam, các hội văn nghệ cần giúp Đảng đoàn kết, tập hợp đồng bào anh chị em văn nghệ sĩ, tạo điều kiện để anh chị em làm tốt thiên chức sáng tạo của mình. Đồng thời cũng cần quan tâm hơn nữa đến công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, công tác chuyên môn ở Liên hiệp hội và các hội thành viên từ Trung ương đến các địa phương. Đặc biệt là công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ các cấp hội; chăm lo việc nâng cao nhận thức chính trị, năng lực sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp, trách nhiệm công dân cho anh chị em văn nghệ sĩ. Đoàn kết, cổ vũ, tạo điều kiện để văn nghệ sĩ bám sát cuộc sống, đẩy mạnh các hoạt động sáng tạo, có thêm nhiều tác phẩm hay, có chất lượng cao về nội dung và nghệ thuật, phản ánh sâu sắc hiện thực của đất nước ta, nhân dân ta, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thân yêu của chúng ta.

Tôi đề nghị Ban cán sự đảng Chính phủ, đại diện lãnh đạo các ban, bộ, ngành có mặt hôm nay, trên cơ sở ý kiến góp ý và kiến nghị của Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam và lãnh đạo các hội văn học, nghệ thuật thành viên, ghi nhận đầy đủ, quan tâm sâu sắc, tập trung tháo gỡ các khó khăn, các bất cập về chính sách, cơ chế, điều kiện hoạt động cho Liên hiệp hội, các hội chuyên ngành và của anh chị em văn nghệ sĩ.

Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành sẽ cùng Đảng đoàn và lãnh đạo Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam, các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý; tạo điều kiện để văn học nghệ thuật và anh chị em văn nghệ sĩ có thêm điều kiện hoạt động, sáng tạo, có nhiều tác phẩm xứng đáng với dân tộc, đất nước, nhân dân, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tất cả vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trân trọng cảm ơn.

(1) Nhân đề do tòa soạn đặt.

BÚT KÝ - PHÓNG SỰ

Đầu tháng 7 vừa rồi tôi lại lên thăm làng Toong. Làng Toong là một làng người Thổ của xã Nghĩa Lâm. Xã này ở mạn đông bắc huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, giáp với huyện miền núi Như Xuân của tỉnh Thanh Hóa. Phương tiện cũng như đường đi bây giờ rất thuận lợi. Xe máy có, đường tốt, lại không xa, muốn đi lúc nào được lúc đó. Chẳng bù cho ngày trước, từ Quỳnh Lưu quê tôi lên đó phải ba nhăm bảy nhót, đi xe đạp mất một buổi, đi bộ hết cả ngày, phải leo lên trong rừng, hết khe suối lại đèo dốc. Từ làng tôi, đi chừng tiếng đồng hồ giữa đồng lúa là đến rừng. Bắt đầu là những quãng rừng thấp. Đó là những đồi sim mua, muồng muồng. Tiếp đó là rừng, rừng bạt ngàn, càng đi lên rừng càng rậm. Màu xanh của cây rừng phủ kín mọi nơi mọi chốn. Quỳnh Thăng là xã cuối của Quỳnh Lưu, tiếp giáp với đất Nghĩa Đàn rừng đã bị bứng, và lúc đó cũng chỉ mấy bản dân tộc rải rác khuất lấp giữa mênh mông rừng. Người miền xuôi đi nông trang lên đây chỉ mới lúc đầu ba xóm dựng trại, phát rẫy dọc lối mòn. Phần đất Nghĩa Đàn bắt đầu từ đội 6 Nông trường 1 tháng 5. Nông trường 1 tháng 5 chỉ có một ít diện tích trồng cam, trồng cao su. Qua hết trung tâm nông trường, là lại vào rừng. Đi tiếp một đoạn đường đất heo hút nữa là tới sông Sào âm u. Xã Nghĩa Lâm bắt đầu từ làng Quạ bên kia sông Sào. Làng Quạ cách làng Toong một thung lũng ẩm ướt, có suối chảy rì rầm, có sóc có chồn ra đứng bên đường trông mắt nhìn người... Còn bây giờ, lên làng Toong, tôi đi xe máy chỉ hết tiếng rưỡi đồng hồ. Từ Cầu Giát cứ theo đường 48. Lên đến dốc Đông Hiếu, gặp ngã tư đường Trường Sơn thì rẽ về hướng Bắc. Đi tiếp độ mười lăm phút nữa sẽ tới.

Làng Toong ở ngay bên trái, đường dẫn vào làng đã được lát bê tông chìm giữa hai hàng cây lá um tùm. Đất đỏ ba zan gặp mưa nên cây cỏ tốt bởi bờ và xanh ngát. Đây là nơi mà cách nay gần nửa thế kỷ gia đình tôi từng sinh sống. Đạo đó mấy bay Mỹ bắt đầu đánh phá ra miền Bắc, cùng với mấy gia đình khác, chúng tôi dắt diu nhau lên chốn rừng già, nổi tiếng ma thiêng nước độc này tìm kế sinh nhai. Lúc đó rừng núi còn bít bùng, hướng nào cũng cây rừng, suối khe vẫy vẫy. Làng Toong chỉ có mười ba nóc nhà sàn. Ra khỏi làng mấy bước chân là bước vào rừng nguyên sinh tầng tầng lớp lớp...Người không quen, một mình không dám vào rừng, bởi nhìn vào đâu cũng thấy u u minh minh, thăm thẳm tối, cây cối tầng tầng lớp lớp dang dật ẩn hiện.

Người Thổ nói riêng, người dân tộc nói chung có tính tương trợ rất cao. Người hết ăn có thể đi sang các làng, vào nhà ai cũng có thể được nhà đó cho gạo, cho ngô. Vì vậy mà khi chúng tôi lên, dân làng Toong người chặt cho cây cột, người giúp vác nứa, gánh củ tranh... giúp chúng tôi dựng ngôi nhà nhỏ đầu làng. Nhà lợp tranh, vách thưng nứa, nền đất. Bố mẹ tôi phát một đám rẫy trước nhà. Đám rẫy vuông vắn lọt thỏm giữa mênh mông rừng già, chung quanh rập rình chốn sóc, gà rừng...Trên đám rẫy chúng tôi trồng đủ loại, sắn, ngô, khoai, viễn chung quanh là những bụi chuối, khóm dứa tốt rộ. Ngồi trong nhà nhìn xuôi, thấy đám nương hút tầm mắt. Nhà tôi phải nuôi một bầy chó ba con. Mỗi bận, hề nghe tiếng gà oác là mẹ tôi huýt một tiếng, cả bầy chó lao xuống như tên bắn để đuổi chồn đuổi cáo ra bắt gà.

Làng Toong có cánh đồng nhỏ cấy lúa nước, có nương làm lúa rẫy, trồng sắn trồng ngô...Gặp năm mưa thuận gió hòa lúa ngô tốt bởi bờ. Làng Toong đạo đó nhà nào cũng có vài con trâu, ba bốn con lợn, và gà thì đầy chuồng...Thích nhất là những đàn gà... Đất rừng sắn giun sắn mối, sắn ngô sắn nên gà vịt rất chóng lớn. Những chú gà thiên lồng óng mượt và béo múp. Những mẹ gà mãi luôn miệng tục tục gọi bầy con dưới những gốc mít, gốc bưởi quanh nhà kiếm ăn. Người Thổ làm ruộng làm nương chủ yếu đàn bà. Công việc của đàn ông là vào rừng săn bắn, chặt tre nứa, làm sơn tràng, làm nhà cửa... Việc làm ăn có phần nhàn nhả, bởi có thiếu ăn thì đã có

rừng. Rừng cho khoai mài, cho măng, nấm, cho các sản vật khác như củ nâu, sa nhân, mây tre, mộc nhĩ... Ai có thiếu ăn cứ việc vào rừng lấy các thứ ấy mà đổi lấy gạo. Hợp tác xã Yên Khang của làng Toong chỉ vài ba chục xã viên, quản lý và tổ chức rất lỏng lẻo... Tôi còn nhớ những mùa thu hoạch, mỗi nhà cho một người lên nương. Đi cắt lúa ai cũng mang một cái gùi và một con dao nhỏ cầm tay. Lúa cắt từng bông, hết buổi thì về. Ai cắt, bẻ được chừng nào thì mang về nhà chừng đó, không cần kéo đo đếm gì hết. Hợp tác xã cũng có ghi chép nhưng cũng chỉ qua loa cho có cỡ mà thôi. Chẳng ai thắc mắc, chẳng sợ tham ô tham nhũng gì cả. Cuộc sống cứ thế diễn ra, đơn sơ bình dị như chính tâm hồn con người vốn bao đời sống giữa núi rừng bao la khoáng đạt này.

Làng Toong lúc đó như một bức tranh đẹp. Sớm sớm, chim chóc khi vườn hú hét inh ỏi, náo động, như muốn đánh thức những mái nhà sàn đang yên ngủ. Làng Toong với những mái nhà sàn luôn rợp bóng của những cây mít, cây bưởi cổ thụ. Làng có đủ loại cây ăn quả. Mít, cam, bưởi, quýt hồng bì và mơ, đào... Mùa xuân, hoa mơ hoa mận hoa đào trắng, hồng... như những đám mây vẩn vút bóng bệnh... Tháng 4 tháng 5, các loại quả sai trĩu cành, la đà quanh mái nhà, sà xuống tận chạn trước chạn sau. Quanh làng là những đám mận mận ngút ngút xanh. Sáng sáng, khi sương còn dâng mờ mờ thì dưới gầm nhà, chỗ đầu cầu thang nhà nào cũng đã loang loáng những cánh tay trần vùng chạy giã gạo. Cùng với bếp lửa bập bùng từ trên nhà hắt xuống, tiếng chạy giã gạo thậm thịch vọng ra, tạo nên một bức tranh về cuộc sống vùng cao thật rộn ràng náo nức.

Huyện Nghĩa Đàn lúc đó, ra khỏi thị trấn Thái Hòa là đã bước chân vào rừng. Các bản làng của người địa phương đều khuất trong rừng. Đường vào các bản làng phải xuyên giữa rừng già. Làng nào cũng toàn nhà sàn. Đầu làng có suối nước trong dưới cội bóng cây rừng. Suối được người ta chặn lại cho nước dâng cao để đặt những cây bương bó đôi làm máng cho tiện dùng. Người ta gọi đó là đon. Chiều chiều, người đi nương đi rừng về đều dừng lại. Đàn bà thì rửa măng rửa rau. Đàn ông thả dao thả riu, thả những thứ kiếm ở rừng về như mấy vòng mây, vác nứa xuống đất rồi đứng đỉnh bước xuống rửa rây. Có người cởi phăng áo ngồi xuống cho nước dội lên đầu lên lưng mà kỉ cọ...

Chúng tôi quen dần với nếp sống của bà con, quen dần với nếp sống núi rừng nương rẫy. Cuộc sống nơi núi rừng thật bình dị, hồn nhiên. Trong không gian của đại ngàn thăm u, thì thoảng từ đâu đó vọng về tiếng bình bông của công chiêng. Tiếng huýt huýt của đám thợ sơn tràng giục đoàn trâu kéo gỗ về làng...

Tôi lúc đó một buổi đi học, một buổi vào rú Vàng thả trâu. Rú Vàng là ngọn núi lớn nhất vùng. Ngồi trong nhà nhìn ra, cả một dải xanh thăm thẳm cao hơn bức tường thành chắn mạn tây nam. Rú Vàng rậm rì toàn cây cổ thụ, khe suối bao quanh rì rầm nước chảy và những rừng tre rừng mét trùng trùng như vô tận. Tôi thường được theo mấy người già vào rú Vàng đi săn. Rú Vàng có nhiều chồn, mang, lợn, nhím... Làng Toong hầu như nhà nào cũng có một khẩu súng bắn đạn ria. Rừng có rất nhiều những lùm găm sum suê trái. Ban ngày, hề thấy lùm găm chín nào có quả rụng nhiều là biết chồn đã tới ăn. Vậy là đêm đến người ta chỉ việc mang súng đến. Chồn gặp ánh đèn, hai mắt trở lên nhìn vàng rực như hai hòn than nên rất dễ bắn... Ngồi ở làng, hề nghe tiếng súng nổ là y như rằng đã có thịt chồn ăn. Hễ ai đó bắn được con chồn, con mang hay con lợn là cả làng vui... Nếu nghe tiếng hú hầy nhanh chân ra rừng mà khiêng thú về hui, làm thịt... Những đêm đông rét mướt, bên bếp lửa giữa nhà, mấy cụ già ngồi uống chè chat, kể chuyện rừng chuyện núi, chuyện làm ăn. Câu chuyện của người già cứ rù rì, rì rầm như mạch sống nơi núi rừng hoang dã...

Đạo đó tôi đã mười sáu mười bảy tuổi. Cái tuổi mà tâm hồn đang như một tờ giấy trắng trong để thu nhận hết thấy những gì mà cuộc sống nơi đây đang diễn ra... Sống ở làng Toong hai năm, tôi

NHỚ RỪNG

Bút ký của NGUYỄN NGỌC LỢI

đi học và ra công tác. Cùng lúc hòa bình thống nhất, nhà tôi trở về quê. Tuy không trở lại sinh sống ở đó nữa nhưng tôi vẫn thi thoảng lên thăm. Tôi lên thăm ông Duyên, ông Cát, thăm ông bà Giáo... những người từng dạy tôi những kiến thức về rừng, dạy tôi kĩ năng sống với rừng, thăm các bạn từng chăn trâu, hái nấm... Đã ngót nửa thế kỷ, tất cả những gì ở đó đã in đậm trong tôi. Tôi nhớ đến quay quắt đám bạn chăn trâu. Nhớ vạt rẫy mới đốt thơm mùi tro. Vạt đất mới lợt thỏm giữa rừng già có những mầm lúa, mầm ngô, những mầm cây mới chồi, những mầm măng mới nhú long lanh sương và có những chú gà rừng thấp thò ẩn hiện... Tôi nhớ ông Cát, ông Giáo, ông Duyên... Những người dạy tôi cách gài bẫy, đưa tôi đi bắn chồn, dạy tôi cách chặt tre, dạy cách đan lồng mốt lồng hai... Làng Toong chỉ sau năm năm sống ở đó mà như đã trở thành máu thịt trong tôi... Tôi chợt nhận ra rằng, lâu nay mình chăm về thăm làng Toong không chỉ vì tình cảm với người làng Toong mà còn vì tình yêu với rừng. Tôi nhớ rừng!

Bây giờ thì tôi đang ngồi ở làng Toong. Một làng Toong đã khác hẳn. Cả làng toàn nhà đất, rải rác giữa những đám mía đám ngô. Cái giếng ngày xưa quanh năm ngập nước đã bị lấp, con khe Toong sau làng cũng đã bị san phẳng lấy đất trồng ngô trồng mía... Ông Cát, ông Duyên... mất đã lâu rồi. Già nhất làng bây giờ chỉ còn ông Giáo. Hồi đó ông Giáo đã bốn mươi, người thấp nhỏ nhưng săn chắc, nhanh nhẹn, rất thạo việc rừng, bà Giáo lúc đó cũng chỉ mới ngoài ba mươi, da trắng, tóc dài và chăm lam chăm lười. Cả ông và bà đều là người sống chuẩn mực, tình cảm. Cả nhà tôi đều quý mến gia đình ông. Tình cảm hai nhà giữ mãi cho tới hôm nay.

Khi tôi vừa dắt xe máy vào sân và lên tiếng, trong nhà đã có tiếng lục cục. Rồi ông Giáo bước ra: "Anh mới lên à?". "Vâng, ông khỏe không?". Tôi hỏi. "Không được khỏe, đau suốt..." Cùng lúc đó, bà Giáo cũng từ đầu sau nhà bước vào. "Ồ, chú mới lên. Dưới nhà bà, các cháu, các cháu khỏe giá...?" (Dưới đó bà, các cháu các cháu khỏe chứ).

Gọi "ông Giáo" là lấy tên cháu nội của ông, chứ tên ông là Điện - Trương Văn Điện. Năm nay ông Điện đã sang tuổi tám tư. Ngồi trên chiếc chiếu trải giữa nhà, ông Điện run run rót nước mời tôi. Đang lúc giữa trưa, nắng vàng lóa mảnh sân nê, chung quanh loi loi bóng buổi, bóng na... Quanh nhà chẳng còn dấu vết gì của rừng nữa. Ngay ngôi nhà cũng vậy. Nhà ông bây giờ cũng như bao nhiêu ngôi nhà khác của người miền xuôi, cũng vì gỗ, mái ngói, đóng trần, nền lát gạch hoa. Và đồ đạc cũng xa lộng, ti vi... Tôi nhớ, đầu đao đầu năm 80 của thế kỷ trước, bên cạnh ngôi nhà này ông còn giữ lại nếp nhà sàn nhỏ. Ở giữa nhà cũng có bếp, có chạn sau chạn trước, vách nhà cũng treo mấy con dao, cái nĩa, cái riêu... Ông giữ nó như một sự níu dằng với dĩ vãng, với nguồn cội tổ tiên... Cái nhà sàn cuối cùng ở làng Toong, có thể là cuối cùng của cả huyện miền núi Nghĩa Đàn lúc đó, nó gợi nhớ một đời sống dân dã, thô sơ, có cái gì như gần gũi với núi rừng... Lúc đó tôi đã thấy mừng. Nhưng rồi cuối cùng ông vẫn không giữ được nó.

Ngồi nói chuyện, bà Điện không ngừng tay chuốt gai bện võng. Tôi nhớ rằng mẹ tôi cũng đã được bà Giáo bày cho bện võng gai. Hồi đó hai bà thân nhau lắm. Đi lấy măng lẫn nhau cũng gọi nhau, lên nương cũng chờ nhau... Giờ nhìn cái võng tôi mới nhớ... Vẫn cái võng gai hồi đó, hai đầu võng được bện rất khéo. Thân võng là những ô hình quả trám đẹp mịn như một tấm thổ cẩm được dệt bằng những sợi gai trắng ngà, nhỏ mịn. Võng gai nằm êm và mát lưng, rất dễ đưa người ta vào giấc ngủ trưa hè. Giữa hai cột cạnh cửa sổ giáp mái tranh có gió nồm phe phẩy, đặt lưng xuống võng gai mà đứng đưa, mắt mơ màng ngó nhìn vườn mít vườn chè, xa hơn nữa là núi là rừng, là tiếng chim xa vắng vọng về thì giấc ngủ sẽ đến ngay trong chớp lát. Ngày đó, người Thổ nhà nào cũng có một đám gai trên nương. Cây gai mọc thành đám, thân nhỏ, gập đất tốt cũng chỉ cao ngang thắt lưng. Lá gai mặt trên xanh mặt dưới bạc màu phấn, hình quả tim to cỡ bàn tay. Cây già lấy được sợi người ta chỉ cần chặt gốc tước lấy vỏ rồi

cạo cho bong lớp xanh bên ngoài rồi tước ra. Sợi gai lúc này chẳng khác gì sợi tóc hay sợi râu của người già, dài độ hơn vài gang tay và rất bền. Lúc bện, người ta chap các sợi ngan lại rồi dùng bàn tay se xoắn lại với nhau thành một thứ sợi dai và bền như cước... Đàn bà Thổ hề rảnh tay là cầm lấy cuộn dây gai. Gai được bện thành võng, thành những cái túi lưới nhỏ. Người Thổ ra khỏi nhà bao giờ cũng có cái túi lưới sợi gai đeo vai, đàn ông thì thêm một bao dao bên hông nữa. Đàn bà dùng túi gai để đựng trâu cau, khi vào rừng thì đựng măng, đựng nấm, đựng khoai mài, lên nương thì đựng sắn, rau, bầu bí... Đàn ông đeo túi ra khỏi nhà tức là ông ta đã có một công việc ở một làng nào đó... Hình ảnh thân thuộc thường gặp vùng này là những người đàn ông hoặc đàn bà mang túi, đeo dao thông thả bước trên những đoạn đường rừng thanh vắng... Gặp người, dù quen hay lạ, thế nào cũng dừng lại chào hỏi nhau rất tình cảm... Cuộc sống nơi núi rừng thật bình dị, hồn nhiên.

Tôi hỏi bà Điện, võng gai bây giờ có bán được không? Bà bảo không ai mua nữa. Mà có mua người ta cũng trả giá rẻ. Bện được cái võng gai phải mất cả mấy tháng trời, có khi cả năm nhưng bán cũng chỉ được mấy trăm ngàn. Bây giờ ít người nằm võng. Mà có nằm thì người ta dùng võng vải, võng dù... Bà làm vậy là vì cái tay đã quen, dù làm ra rồi để đấy....

Ông bà Điện có sáu người con. Bây giờ thì ai cũng đã có vợ có chồng, sống tứ tán... Ở cùng ông bà bây giờ là vợ chồng chú Sáu. Hồi chúng tôi mới lên, cụ Sáu còn bé tí, cổ đeo cái vòng bạc, tha thần nơi chân cầu thang... Vào nhà ông Điện chơi lần nào tôi cũng bế Sáu rồi beo má, cù cho Sáu cười sằng sặc mới thôi...

Tôi và ông bà chuyện trò được một lúc thì Sáu vừa đi đâu đó về. Sáu bây giờ đã là người đàn ông ngoài bốn mươi, một vợ ba con. Chào tôi xong thì miệng Sáu cầu nhàu rằng, đám màn màn sau nhà rồi cũng phải chặt thôi...

Cây màn màn giống cây hóp, cho măng đắng ăn rất dễ nguồn. Làng Toong

hồi đó màn màn mọc khắp nơi. Tháng giêng, tháng hai, cùng với măng tre măng vầu, măng màn màn mọc tua tua như chông. Cùng với rau sắng, nấm mối..., măng đắng góp thêm vào một thứ đặc sản của núi rừng, hề ai một vài lần được ăn sẽ nhớ mãi... Tôi hỏi Sáu rằng làm sao phải chặt đi, giữ lại để có măng đắng ăn cho đỡ nhớ chứ... Sáu bảo, chặt đi lấy đất trồng mía, để rác vườn...

Nghe Sáu nói ông Điện chỉ im lặng rồi lắc đầu. Cái nhà sàn ông muốn giữ cũng không giữ được cũng vì Sáu. Bây giờ, còn một chút nữa của "ngày xưa" là vạt màn màn Sáu cũng muốn chặt. Đường Trường Sơn xuyên thẳng qua làng. Nhiều nhà được đền bù mấy trăm triệu cuối cùng cũng chỉ xây lên được vài gian nhà, còn bao nhiêu nương hết vào bài bạc, rượu chè. Làng Toong ngày trước sống quần tụ, nay tứ tán, người ra đồng Múc, người xuống đồng Toong. Mệnh mông quanh làng, cũng như rú Vàng đều trở từ từ chân lên đỉnh. Tất cả đều được trồng mía, trồng ngô. Sáu cũng vậy, mấy ếch ta mía mỗi vụ, đầm bảy chục triệu cũng hết veo... Ông bà Điện đã già yếu, có nói mấy thì Sáu cũng không nghe. Chúng nó bây giờ khác lắm rồi, nhắc tới núi rừng khe suối chim chóc là thấy xa lạ, cứ như chuyện cổ tích, không thích.

Sáu là thế hệ mà lớn lên chẳng còn nhớ gì bom đạn. Lúc Sáu lớn lên cũng là lúc mà đột nhiên, ở cái vùng âm u giữa làng Qua phía dưới và làng Toong phía trên xuất hiện những tốp người miền xuôi. Họ hạ trại ở đó, thế rồi dao, riêu, cuộc xéng...thì nhau đồn cây, phá đất. Để rồi chỉ sau mấy tháng, cả một mái phía đông rú Vàng thâm u rậm rịt thế trở nên tan hoang, để lại trên mặt đất lồi lõm rãnh đất, ụ mồi, lõm chõm gốc cây, cành ngọn đốt cháy và những túp lều dựng vơi. Thế rồi như vết dấu loang, mấy tháng sau, mái phía bên kia rú Vàng, dọc đường ra đồng Dăm đồng Múc cũng chịu số phận như thế... Những lần lên làng Toong, tôi đã được nghe ông Điện kể chuyện người ta phá rừng nghe mà hải hùng. Không ai ngăn được đám người

kia. Rừng lúc này như của vô chủ, ai muốn phá muốn đốt ra sao cũng mặc... Để đến hôm nay, làng Toong cũng như cả huyện Nghĩa Đàn không thể tìm đâu một cây rừng có thể làm được... cán cuộc nữa. Cả huyện Nghĩa Đàn bây giờ không tìm đâu ra một bóng nhà sàn. Đã mất hẳn một Nghĩa Đàn xưa. Mất hẳn Nghĩa Đàn của những làng bản bình yên với những con người thuần phác, mất hẳn tiếng cồng tiếng chiêng âm vang trong những dịp tết đến xuân về, mất hẳn tiếng hát tiếng khèn dưới trăng của những lứa đôi tình tự. Mất hẳn những tiếng chày thậm thịch của những sáng sớm tinh sương. Làng Toong bây giờ cũng karaoke, cũng áo phông quần bò, gái trai cũng vào Đồng Nai, Sài Gòn, cũng đi Hàn, đi Đài Loan... Thế mới biết, văn hóa là một cái gì đó của đời sống còn lại với thời gian nhưng rồi cũng có thể mất theo thời gian khi không gian sống thay đổi.

Tôi đã được đi qua rất nhiều những khu rừng của Tổ quốc. Cả một vệt xanh đậm kéo dài suốt từ bắc chí nam trên sống lưng của đất nước hình chữ S chúng ta. Ấy là cả một dải rừng già trùng điệp, là mái nhà chở che bao thế hệ người Việt suốt mấy ngàn năm. Những khu rừng già ấy là nguồn sống, nguồn nuôi dưỡng muôn đời cho các thế hệ tương lai. Rừng Việt Bắc, rừng Tây Bắc giúp chúng ta đánh thắng giặc Pháp. Rừng Trường Sơn che chở chúng ta thắng Mỹ...

Nhưng than ôi, những cánh rừng già ngày xưa đâu còn nữa. Việt Bắc ngút ngàn giờ đây chỉ còn những rừng chồi, những đồi keo, đồi tràm...Tây Bắc với "rừng che bộ đội rừng vây quân thù" cũng đã trở thành đất đỏ. Đọc quốc lộ 6, qua Sơn La, khe suối nào cũng đục ngầu bùn đất và chỉ thấy những núi trọc ngang trời đỏ ối màu đất đỏ tria ngô, tria lúa. Đọc đường 14 Tây Nguyên cũng vậy. Một Tây Nguyên "thăng ba mùa con ong đi lấy mật, mùa con voi xuống sông hút nước" cũng đã không còn. Các tỉnh miền Trung còn lại một ít rừng nguyên sinh cũng đang trở thành miếng mồi ngon khiến bao kẻ làm le... Con người cứ vô tình, cả vô tâm và cả tham lam nữa, đã phá đi những gì thiên nhiên ban tặng.

Rừng nguyên sinh phải mất hàng triệu triệu năm mới được hình thành. Kho tàng thiên nhiên vô cùng phong phú đủ để con người sống hồn nhiên và bình dị như cây cỏ. Vậy mà chỉ cần mấy chục năm đã bị con người thanh toán. Con người thật độc ác, ăn sang cả phần của con cháu và tự mình đánh mất đi tất cả những gì mà biết bao thế hệ đã chắt chiu, dành dụm... Lan man thế rồi tôi chợt cảm thấy thương ông bà Mậu, lớp người còn lại của làng Toong xưa. Rồi đây, khi những người như ông bà không còn, thử hỏi lớp con cháu còn biết gì về mảnh đất mình đang sống nữa không?■



Minh họa của THÀNH CHUÔNG

1.

BẮN MĂNG là nơi quần tụ của người Mường, người Thái. Nhưng chẳng biết từ bao giờ, khi Sín Lủ lớn lên đã thấy có hàng chục ngôi nhà của người H-Mông nằm chênh vênh trên sườn núi Lanh, trong đó có nhà của gia đình Sín Lủ và gia đình Thảo Sếnh. Ngay từ lúc sáu, bảy tuổi, Sín Lủ đã được mẹ dạy thổi kèn lá dựa theo những bài dân ca H-Mông truyền thống. Cho đến khi Sín Lủ mười sáu tuổi thì tiếng kèn lá của Sín Lủ đã làm ngơ ngẩn biết bao chàng trai, cả người H-Mông lẫn người Mường, người Thái. Nhưng Sín Lủ chưa để ý đến ai, nàng chỉ say sưa với tiếng sáo Mông của người bạn hàng xóm Thảo Sếnh, mỗi khi tiếng sáo cất lên từ sườn đồi phía đông thì ở sườn đồi phía tây Sín Lủ cũng đưa lá lên môi. Tiếng kèn lá của Sín Lủ quẩn quýt, đan quện cùng tiếng sáo của Thảo Sếnh trầm bổng, âm vang đến từng nhà khắp cả bản Măng.

Năm 1946, trung đội tự vệ đầu tiên của xã Lai Đồng được thành lập nhưng mọi hoạt động vẫn còn nằm trong bí mật. Đêm của phía bên này, ngày của phía bên kia. Hầu hết đám trai làng bản Măng đều tham gia đội tự vệ nhưng Thảo Sếnh thì lại trở thành lính nguy trên Đồn Mù. Từ đấy, chiếu chiếu dân bản Măng không còn được nghe những âm thanh của kèn lá hoà trộn với sáo Mông nữa. Sín Lủ giận Thảo Sếnh lắm, sao không vào đội tự vệ của làng lại đi với Tây. Sín Lủ là thành viên của Mặt trận Tổ quốc xã, có nhiệm vụ vận động trai làng không đi lính cho Tây. Thế mà chính người hàng xóm, chưa đến lúc bàn chuyện bày trò cướp nhau nhưng cái bụng đã ưng, cái lòng đã thuận, Thảo Sếnh lại đi theo đồn Tây, không giận sao được...

Tết Síp xí của người Thái năm ấy, đồn trưởng Đồn Mù Benjamin Fouché dẫn một toán lính xuống bản vừa để lấy lòng dân, vừa được xem con gái Thái múa xoè. Trước khi vào quân đội, Fouché vốn đã từng học qua một trường nghệ thuật nên khi sang Việt Nam, Fouché rất chú ý đến những tài sản văn hoá của các tộc người bản xứ. Trong toán lính đi cùng có cả Thảo Sếnh. Buổi chiều, sau khi dự tết Síp xí ở nhà chánh tổng Mường Kịt, Fouché cùng Trùm Mun đi thăm, tặng quà một số gia đình trong bản rồi tất cả kéo ra bãi soi bên bờ suối Khắc. Theo tập tục, sau mỗi điệu múa, những vị khách danh dự thường đứng lên cầm hai ly rượu đến mời và cùng uống với một cô trong đội múa mà mình thích. Do có nhiều đội nên sau một vài điệu múa, Fouché đã đến lúc ngất ngáy. Đám trai làng yêu cầu tạm dừng múa để nghe Sín Lủ thổi kèn lá. Thảo Sếnh đưa mắt ra hiệu cho Sín Lủ dừng thổi, nhưng Sín Lủ không những không hiểu ý của Thảo Sếnh mà nàng lại càng thấy giận Thảo Sếnh hơn. Mấy trai làng nhanh nhẹn chạy đi vật hẳn cả chùm lá cho Sín Lủ. Khi tiếng kèn lá của Sín Lủ cất lên, Fouché bỗng dưng bừng tỉnh. Trong các loại hình nghệ thuật, ông ta vốn đam mê và rất am hiểu về âm nhạc. Chính vì vậy nên Thảo Sếnh được ông ta yêu mến bởi có tài thổi sáo. Mặt khác, mới chỉ lên đồn tiếp xúc với người Pháp có nửa năm trời mà Thảo Sếnh đã có thể sử dụng tiếng Pháp trong các trường hợp giao tiếp. Thực ra điều đó cũng dễ hiểu, bởi thanh ngữ của người H-Mông thuộc loại đa âm, tương tự với thanh ngữ của người Âu châu nên người H-Mông thường học tiếng của các nước châu Âu dễ dàng hơn người Kinh, người Mường và nhiều tộc người khác sử dụng thanh ngữ đơn âm. Nhờ sự hướng dẫn của Thảo Sếnh, Fouché còn có thể thổi được một vài bài sáo Mông, tuy chưa hay nhưng cũng đã đúng thanh, đúng nhịp. Fouché gọi Thảo Sếnh lại gần nói:

- Toa lấy sáo cùng thổi để tạo ra hợp âm, sẽ hay hơn nhiều!

- Thưa sếp, em lại không đem cây sáo đi rồi!

- Ôi! Thật đáng tiếc. Đêm nay cho toa ở lại, ngày mai mời bằng được cô gái thổi kèn lá lên đồn.

- Dạ thưa sếp, cái đó không được đâu, con gái người H-Mông không bao giờ tự ý đi theo con trai!

Lý trưởng Đinh Văn Lánh vốn là người được học hành, thành thạo tiếng Pháp. Ông ta lại ngồi cạnh Fouché nên nghe rõ những lời trao đổi của hai người. Đợi cho Thảo Sếnh quay trở lại vị trí cũ, ông ta ghé vào tai Fouché nói nhỏ:

- Người H-Mông có tục Háy pú (bắt vợ). Nếu sếp thích, có thể cho lính đồn bắt nó đi. Có điều để trai làng

SÍN LỦ?

Truyện ngắn của NGUYỄN ĐỨC SƠN

và dân bản không cản trở thì phải công khai ai là người đàn ông bắt, người ấy sẽ là chồng của nó nếu cái bụng nó ưng. Còn không, sau vài ngày lại cho người đem trả về tận nhà tử tế và nói với gia đình là nó không chịu. Biếu cho cha mẹ nó mấy đồng bạc trắng để cúng tổ tiên gọi ma nó về là xong.

Ngay ngày hôm sau, nghe theo lời lý trưởng Lánh, Fouché cử mấy người lính dân địa phương đi bắt Sín Lủ rồi gọi Thảo Sếnh lên phòng chỉ huy đồn trao đổi:

- Móa cho người đi bắt cô Sín Lủ về làm vợ cho toa. Toa nghĩ sao?

- Ấy chết! Dạ thưa sếp, việc bắt vợ không làm thế được. Nói là bắt chứ thực ra cả hai người đều đã ưng nhau. Việc bắt chỉ là vờ thế thôi!

- Toa thổi sáo, vợ toa thổi kèn lá, chẳng hạnh phúc lắm sao?

- Không được đâu, thưa sếp, đúng là không chỉ mình em mà trai làng nhiều người thích Sín Lủ, nhưng chưa bàn gì với nhau mà đi bắt là không được.

- Ấy là móa có ý tốt với toa, còn toa không đồng ý thì thôi.

Rất may cho đám lính, khi xuống đến bản Măng thì Sín Lủ đang đẩy cỏ một mình ở nương ngô. Một người lính nói:

- Sín Lủ à, ngài đồn trưởng cử cái mình cho bắt mày lên đồn.

- Cái mình có tội gì mà bị bắt?

- Mày không có tội gì cả, là ngài đồn trưởng sai cái mình đi bắt mày theo tục Háy pú của người H-Mông ta thôi.

- Thế đũa nào bắt cái mình?

- Chỉ biết ngài đồn trưởng sai cái mình đi bắt mày về làm vợ thôi, còn là do thằng Thảo Sếnh hay là ngài đồn trưởng thì cái mình không biết đâu.

Sín Lủ thấy như có cả một cục hơi nghẹn lên tận cổ. Thảo Sếnh mới lên đồn Tây chưa đầy một năm mà đã thành người khác rồi ư. Có bàn bạc gì đâu mà dám nhờ lính tráng đi bắt người ta... Nhưng nếu do Thảo Sếnh thì phải có nó ở đây chứ. Chẳng lẽ lại do ngài đồn trưởng? Người Tây cũng có tục Háy pú hay sao, mà đâu có tục ấy thì cũng phải hỏi người ta đã chứ?... Cái đầu Sín Lủ như nghe thấy cả một bầy ong rùng rờ tổ, cả cái nương ngô, cả con suối Khắc như nhào đi, như quay cuồng trước mắt... Thôi thì đành cứ đi theo bọn nó lên đồn gặp Thảo Sếnh, gặp ngài đồn trưởng của nó xem sao.

Lên đến đồn, Sín Lủ được đưa thẳng vào phòng chỉ huy. Fouché đã đợi sẵn ở đấy. Bằng những cử chỉ rất lịch sự, Fouché chia tay mời Sín Lủ ngồi sang chiếc ghế đối diện với ông ta rồi quay sang nói với một người lính bằng tiếng Pháp:

- Anh ở lại một chút dịch tiếng cho tôi!

Fouché rót một cốc nước đặt trước mặt bàn phía Sín Lủ ngồi rồi nói bằng một thứ tiếng Việt ngọt ngào lơ lớ

- Mọi cơ uong nước!

Đến tận khi ấy, vẫn chưa hết ảm ức, Sín Lủ nhìn

thẳng vào mặt Fouché hỏi một câu gay gắt:

- Ngài đồn trưởng, tại sao mày cho bắt cái mình?

Sau khi người lính dịch lại, Fouché vừa cười vừa ôn tồn trả lời Sín Lủ:

- Ô không! Bởi vì tôi yêu nghệ thuật thôi! (*Oh non! Parce que J'aime l'art!*)

Trong hoàn cảnh đồn trưởng vừa cử mình đi bắt Sín Lủ với nội dung theo tục Háy pú của người H-Mông. Và lại anh lính người địa phương cũng không hẳn thành thạo tiếng Pháp cho lắm nên chưa phân biệt được những thanh âm tương tự đã dịch nhầm cho Sín Lủ là:

- Ô không! Bởi vì tôi yêu em thôi! (*Oh non! Parce que je t'aime!*)

Không còn gì để phải nghi ngờ, bản khoản thêm nữa. Cứ nghĩ nó nhờ đồn trưởng đi bắt mình, làm như thế dù có thô bạo nhưng dẫu sao cũng vẫn còn cái tình. Hoá ra nó lại dâng mình cho quan thấy nó. Cái bụng thằng Thảo Sếnh thật dơ dáy thôi tha. Như giọt nước tràn ly, Sín Lủ thấy trời đất tối sầm ...cổ gục xuống, ngất sủu...

Fouché luống cuống cho gọi "đốc tờ" đến cấp cứu. Nhưng rồi cũng không sao, chỉ sau vài phút súc đầu, bấm huyết, Sín Lủ đã tỉnh táo trở lại... Đến nước này thì còn gì nữa để mà nuối tiếc. Thảo Sếnh ơi, mày đã đi theo người Tây, mày bán rẻ cả lương tâm, danh dự, tình người. Bây giờ, dẫu sao thì tao cũng đã bị trai nó bắt, ma của tao đã ra khỏi nhà tao rồi, cổ quay trở về thì cũng vất vưởng, lắt lay. Cái bụng mày đã xấu như thế thì tao sẽ làm vợ của sếp mày để rồi xem mày xử sự ra sao. Cùng lắm thì chỉ cần vài cái lá ngón là đủ. Con gái người H-Mông ta đâu có ngại gì nắm lá ngón... Sín Lủ quay về phía người lính:

- Mày nói với nó là cái mình đồng ý ở lại, sau ba ngày nữa hãy hay.

Fouché mừng rỡ rít, sai người sắp xếp chỗ ở, chăm sóc và thực hiện những yêu cầu của Sín Lủ. Ngay buổi tối hôm ấy, Sín Lủ đồng ý thổi kèn lá và cổ tình tỏ ra rất vui vẻ. Fouché cho gọi Thảo Sếnh để cùng thổi sáo nhưng Sín Lủ không những không thổi cùng Thảo Sếnh mà còn không thêm nhìn mặt và nói gì với Thảo Sếnh nữa. Thảo Sếnh thì quá bất ngờ, hoá ra là hai người này đã có hẹn hò bàn bạc với nhau rồi nên Sín Lủ mới vui vẻ đến thế. Thôi thì biết làm sao khác được, mình đã là cái gì của Sín Lủ đâu. Mà ngài đồn trưởng uy quyền, thế lực như thế, họ thích nhau thì ai làm gì được họ. Tiếng kèn lá của Sín Lủ cất lên lần này sao mà nhấp nhò, dữ dội và cay đắng đến thế!

Biết Fouché cũng thổi được sáo Mông, trong mấy ngày ở đồn, Sín Lủ ra sức kèm để tiếng sáo của Fouché hoà hợp, nhịp nhàng với tiếng kèn của Sín Lủ. Sín Lủ phải có được một người chồng thổi sáo không thua gì Thảo Sếnh, phải làm sao cho Thảo Sếnh đau xót, hổ thẹn và tiếc nuối.

Vốn dĩ đã là người có kiến thức về âm nhạc lại say mê, lại được tập tành chung với người đẹp nên kỹ năng thổi sáo của Fouché tiến bộ rất nhanh. Chỉ sau hai ngày, tiếng sáo, tiếng kèn của họ đã đan quện, nhịp nhàng, vắn vít, hài hoà... Thế rồi, từ trong tâm can sâu kín, Sín Lủ như thấy có ngọn lửa thấp lên làm ấm lại cái lạnh giá của sự cay đắng, ê chề hôm mới bị bắt. Sín Lủ thấy Fouché cũng xứng là một người đàn ông đáng yêu, đáng mến. Còn Fouché thì hoàn toàn bị hút hồn bởi cô gái mười bảy tuổi người H-Mông xinh đẹp có giọng kèn lá đến mê hồn... Và thế là... Đám cưới của ngài trung uý đồn trưởng Đồn Mù người Pháp Benjamin Fouché với cô gái người H-Mông. Giàng Sín Lủ đã làm xôn xao dư luận khắp cả xứ Mường Kịt.

2.

Mặc dù được Fouché yêu quý, nhưng rồi Sín Lủ cũng biết chẳng qua Fouché chỉ là người bị động trong việc phải cưới Sín Lủ vì sự hiểu lầm của anh lính phiên dịch. Nếu không có sự nhầm lẫn ấy thì chắc rằng sự việc đã khác. Lúc đầu Fouché cũng lúng túng vì ông ta đã có vợ, có con ở bên xứ sở của mình. Nhưng rồi suy đi nghĩ lại, ông ta thấy cũng đầy những sĩ quan xa xứ như ông ta có vợ bé. Thôi thì chậc lưỡi cho qua, được cô vợ bé vừa xinh, vừa trẻ lại cùng sở thích về âm nhạc thì cũng là một niềm hạnh phúc. Sín Lủ thấy ân hận và thương cho Thảo Sếnh, thương cho thân phận mình phải làm lẽ mọn dưới con mắt kỳ thị của cả bản, cả mường. Nhưng sự đã rồi, thôi thì nhắm mắt mà bước.

Thân phận đàn bà H-Mông vốn dĩ là vậy. Bước chân về làm dâu nhà nào thì phải theo nền nếp nhà ấy. Sín Lũ học tiếng Tây nhanh đến nỗi ngay cả Fouché cũng phải kinh ngạc và sung sướng, tự hào về cái sự nói năng và phong cách giao tiếp với bạn bè, với cấp trên của chồng ở cô vợ trẻ. Mỗi dịp sên bản, sên mường Sín Lũ vẫn về quê nhưng không phải trong trang phục váy áo màu chàm có in hoa văn bằng sếp đủ các màu mà nàng vận đồ Tây, đi giày Tây cao gót. Duy chỉ có mái tóc thì nàng không "phi dê" như những bà đầm Tây, cũng không độn thêm tóc rụng để làm Pô ló ho như người H-Mông Hoa mà nàng cứ để nó buông dài đến tận gần gót chân như những cô gái người Kinh.

Sín Lũ ra thị xã phố tỉnh thăm và chu cấp cho đứa em trai mình là Giàng A Trư và cả em trai Thảo Sếnh là Thảo A Lénh mà mấy năm trước Sín Lũ đã đưa chúng ra học, hai đứa vốn cùng tuổi, lại là bạn thân với nhau. Đời mình coi như đã xong. Nếu ai bảo mình sung sướng, nhưng lựa trắng trong, ừ thì sướng! Nếu ai bảo mình tủi nhục, vợ tạm chồng hờ, ừ thì tủi nhục! Nhưng còn chúng nó, phải cho chúng nó đi học để thành người. Không thành người nhà họ Thảo nhưng Sín Lũ sẽ mãi mãi coi người họ Thảo như người họ Giàng, chứ còn cái họ Tây Fouché là cái mượn, cái bám, cái nhờ như kiếp phù du bèo bọt. A Lénh xin chị Sín Lũ mua và coi như là quà của nó cho anh trai Thảo Sếnh một cái đèn lò sử dụng nguồn điện bằng pin dùng để đeo trên đầu khi đi săn bắn ban đêm. Mãi đến nửa buổi chiều Sín Lũ mới về đến nhà. Sau khi lau rửa qua loa, Sín Lũ đi ngay lên đón tìm gặp Thảo Sếnh để đưa quà. Thấy Thảo Sếnh đang ngồi nhặt rau dưới bờ suối với anh lính nấu bếp Hà Văn Thành. Sín Lũ đi xuống bếp, đang định ra để gặp họ thì nghe Thảo Sếnh nói:

- Đi ngay đi rồi không quay trở lại đón nữa. Coi như đã bị lộ. Gấp lắm rồi, nhớ lời tôi dặn.

- Tôi nhớ rồi, để tôi bảo thằng Hùng là đi mua thêm rau cho nó có cái cố.

Sín Lũ vội nhẹ nhàng quay trở lại. Hoá ra họ là người do phía Việt Minh cài cắm. Khổ cho Thảo Sếnh quá, bị biết bao nhiêu người hiểu sai. Ngay cả mình mà nó cũng ngậm miệng không cho biết để ra đến nông nỗi này. Sín Lũ bỗng ứa nước mắt. Không biết lại có việc gì sắp xảy ra nữa đây. Từ đầu năm, liên tiếp du kích của Việt Minh bẻ gãy các cuộc càn quét ở đối Lỏ Rên, đối Nà Réo. Họ còn tấn công cả đồn Quéo bên xóm Phát gây thiệt hại lớn cho quân đội Pháp. Sín Lũ bỗng thấy lo cho Thảo Sếnh. Người Pháp đã có ý nghi ngờ trong đội ngũ lính Việt có người của Việt Minh. Họ đang ngấm ngấm theo dõi. Mặt khác, họ cũng có người được cài cắm từ phía bên kia nên nếu không cẩn thận thì sẽ rất dễ bị lộ. Ngay như cuộc trao đổi vừa rồi để Sín Lũ nghe thấy cũng thể hiện là họ còn quá thiếu kinh nghiệm...

Vinh viễn Sín Lũ không bao giờ còn có cơ hội trao được món quà là cái đèn lò cho Thảo Sếnh nữa. Theo mặt lệnh của thiếu tá đồn trưởng Fouché, ngay đêm hôm ấy, Thảo Sếnh được lệnh chỉ huy một tốp lính bắt ngờ đánh úp để bắt gọn toàn bộ đảng viên của chi bộ Thu - Kiệt - Lại nhóm họp tại một cái trại trồng nương thuộc xóm Lèn. Đúng 8 giờ 30 phút buổi tối, nhóm của Thảo Sếnh phải có mặt tại khúc đường mòn dưới chân đồi đi lên trại để phối hợp với các mũi khác bất ngờ ập vào vây bắt. Cũng vào đúng cái giờ định mệnh ấy, bốn người trong nhóm của Thảo Sếnh đã lọt vào tầm ngắm của ổ phục kích bên Việt Minh và bị tiêu diệt toàn bộ.

Thảo Sếnh chết đã làm cho Sín Lũ ngơ ngác như mất hồn. Mặc dù cô là người thông minh, biết kín đáo che giấu cảm xúc, suy nghĩ của mình, nhưng vẫn không qua được mắt Fouché. Một buổi tối, sau gần nửa giờ đồng hồ Fouché cùng Sín Lũ hoà tấu sáo, kèn. Bằng giọng nói và thái độ trịnh trọng, Fouché bảo Sín Lũ hãy yên lặng để nghe ông ta nói:

- Trong mấy năm chúng ta sống với nhau. Anh liên tục được thăng tiến phải kể đến công lao không nhỏ trong cách xử sự, giao tiếp của vợ anh. Điều đó anh cảm ơn em nhiều. Nhưng anh lại còn biết, trong lòng em chưa lúc nào nguôi về tình yêu và sự nuối tiếc với Thảo Sếnh. Có điều em cũng đã biết dừng đúng chỗ. Nếu Thảo Sếnh chỉ là người lính giỏi về thổi sáo không thôi thì hẳn cũng sẽ cứ tiếp tục được thăng chức. Nhưng rất tiếc, hẳn lại là người của Việt Minh. Những thất bại liên tiếp của quân đội Mầu quốc gần đây là có bàn tay hẳn

và có cả sự tiếp tay vô tình của em. Nếu bắt hẳn thì chính anh cũng phải ra hầu toà án binh. Thông minh như em, không nói chắc em cũng hiểu cái chết của hẳn là do đạn từ phía bên nào. Thực lòng anh vẫn tiếc và thương cho hẳn. Nhưng anh là quân nhân, anh có nhiệm vụ phải trung thành với quân đội và Tổ quốc mình. Trả giá cho cái chết, hẳn sẽ được tuyên dương là người hùng của quân đội Quốc gia. Riêng về em, bây giờ phải về Hà Nội. Anh đã mua nhà, em hãy chọn một nghề gì đó kiếm sống. Anh sẽ về thăm mỗi khi có dịp. Giờ không cần nói gì, cứ suy nghĩ vài ngày rồi trả lời anh.

Nói rồi, Fouché đứng dậy cắm cây sáo mông đưa lên miệng. Tiếng sáo lại gổ ghề, khấp khểnh như núi rừng Tây Bắc.

Cứ nghĩ đơn giản Fouché chỉ là một gã chơi bởi đam mê nghệ thuật. Bây giờ mới thấy ông ta cũng là một nhà quân sự lão luyện, thâm sâu. Chẳng có cuộc họp chỉ bộ nào cả, Thảo Sếnh đã bị sập bẫy. Không những thế, cấp trên trực tiếp của Thảo Sếnh là cụ chánh tổng Trùm Mun cũng bị Fouché cho bắt về tạm giam dưới tình cờ ngày ra toà. Duy chỉ còn Hà Văn Thành là con cá sán



sắt được thả để lộ diện con cá rô Trùm Mun. Rõ thật là nham hiểm và tinh quái. Tự nhiên Sín Lũ thấy lợm giọng, thấy tanh nồng những máu me, khét lẹt những lửa đạn khi phải nghe tiếng sáo của Fouché. Tai nàng ủ đi, choáng váng...

Mấy ngày sau, hết giờ làm việc, từ đồn quay về nhà. Không thấy Sín Lũ đâu, Fouché vào buồng ngủ thấy một mảnh giấy đặt ngay ngắn trên bàn phấn của Sín Lũ:

Kính gửi Benjamin Fouché!

Xin phép từ bây giờ được gọi là ngài thiếu tá Fouché. Thưa ngài! Sín Lũ đã làm được nhiều việc cho gia đình, cho xóm bản là nhờ từ ngài. Ngài cũng là người rộng lượng, hào hoa và có lòng vị tha đáng kính trọng. Về cá nhân, Sín Lũ rất biết ơn ngài. Tuy nhiên, như ngài đã nói, ngài có nhiệm vụ trung thành với quân đội và Tổ quốc của ngài. Sín Lũ cũng có quê hương và rất yêu quê hương. Vậy, cũng như ngài, Sín Lũ phải có trách nhiệm trung thành với làng bản, quê hương mình. Sín Lũ không thể theo ý ngài về Hà Nội được. Sín Lũ phải ở lại quê hương mình thôi. Khi ngài đọc những dòng chữ này thì Sín Lũ đã đi xa. Tuy nhiên, ngài vẫn có thể gặp được Sín Lũ lần cuối cùng, đồng thời cũng là để ngài tiếp tục làm nốt một số việc nhằm đảm bảo bí mật như những gì bí mật mà ngài đã từng làm. Ngài nhìn thấy chỗ nào có hình bông hoa đào nằm cạnh được vẽ bằng son môi thì đi theo nó. Cần phải giải thích để ngài hiểu thêm, đối với những cái họ của người H-Mông, đều có những linh vật tương ứng, ví dụ như họ Sùng là con gấu, họ Giàng là con dê... còn họ Thảo là bông hoa đào...

Vĩnh biệt!

Sín Lũ

3.

Sau giải phóng, đoàn Khảo sát của Bộ Canh Nông về Mường Kịt làm đề án thành lập và xây dựng các nông, lâm trường quốc doanh. Đoàn được chính quyền địa phương bố trí ở khu vực sân bay Đồng Thân. Ở đấy còn một số căn nhà làm trại lính, nhà điều hành sân bay và một dãy nhà khu gia binh đang bỏ không. Đội Thiết kế của Nguyễn Thế Vĩnh được bố trí ở tại khu gia binh.

Đội Thiết kế cần tuyển một số người địa phương thông thạo địa hình. Được sự đồng ý của đoàn trưởng, Vĩnh đến Ủy ban hành chính xã đặt vấn đề xin người. Vĩnh được bố trí làm việc trực tiếp với đồng chí chủ tịch:

- Báo cáo đồng chí chủ tịch xã, Đoàn chúng tôi cần tuyển dụng khoảng ba người là thanh niên địa phương có đủ sức khoẻ làm việc cho đội Thiết kế. Nếu có trình độ học vấn cao càng tốt, còn không thì cũng phải biết đọc, biết viết và làm những con tính thông thường.

- Chúng tôi đang phải lo tập trung xóa mù chữ, ngay như tôi đây cũng mới chỉ biết đọc, biết viết mà đôi lúc còn phải đánh vần. Lấy đâu ra lắm người nhiều chữ thế

- Cũng có đấy bác ạ! - Một bác chừng tuổi trung niên đang rít dở thuốc lỏ nói xen vào.

- Là ai thế?

- Thằng Thảo A Lénh và Giàng A Trư chẳng đã học hết "đít lỏm" rồi hay sao?

- Nhắc gì đến hai thằng ấy. Gia đình chúng nó thuộc diện gia đình nguy quân, anh chị chúng nó là lũ phản động. Ngay cả bây giờ dân quân du kích vẫn còn phải để mắt theo dõi chứ đừng nói cho nó chui vào cơ quan Nhà nước để chúng phá hoại à.

Việc tìm người không thành. Đoàn trưởng cho phép đội của Vĩnh thuê người dẫn đường theo nhu cầu của từng ngày làm việc. Ngay từ ngày đầu, nhóm của Vĩnh có một cô thanh nữ người H-Mông tự xưng tên là Thảo Nhénh xin đi dẫn đường. Thảo Nhénh không những thông thạo núi đồi, khe rạch mà cô còn tỏ ra rất thông minh. Những khi nhóm ngồi nghỉ, cô còn có khả năng tư vấn để Vĩnh phác thảo sơ đồ địa hình toàn khu vực. Có cô, nhóm của Vĩnh làm việc nhanh và chính xác hơn các nhóm khác. Cả nhóm ai cũng mến cô. Riêng Vĩnh hôm nào không gặp cô lại thấy nhớ, hình như có cái gì gần gũi, gần bó lắm...

Bấy giờ muốn đo đếm một diện tích rừng nào đó, người ta phải đạc lần rồi về về ra giấy ô ly để tính diện tích. Một lần làm nội nghiệp, thấy có một lỗ sự sai số lớn quá mức cho phép, theo nguyên tắc thì cả tổ phải đi đạc lại. Thảo Nhénh bảo: "Em biết các anh bị sai ở chỗ nào rồi. Chỉ cần anh Vĩnh đi cùng em đến chỗ ấy em sẽ chỉ

(Xem tiếp trang 8)

SỐ TAY THƠ

THANH ĐẠM

Nhà tranh thi sẵn đấy
Vợ xấu có làm sao
Cuộc kêu dài bãi sậy
Hoa súng nở đầy ao.

Vườn mấy sào đất mới
Trồng dâu và trồng cam
Không ngại xa người tôi
Thăm tôi tôi cảm ơn.

Làng bên có rượu ngon
Đêm nay ta đối ẩm
Tre già đang cũ ẩm
Tha hồ là măng non.

Đường làng không tiện xe
Sớm mai người hãy ngược
Cây nguyệt nằm suồng mại
Tôi xin đàn người nghe.

NGUYỄN BÌNH

Lời bình của LÊ HUY HÒA

Cứ tưởng nhà thơ sẽ nói trực tiếp về cảnh sống thanh đạm của mình. Hóa ra là không, thi sĩ lại nói sang chuyện ông tiếp bạn đến thăm

và qua đó "nhất cử lưỡng tiện" nói chuyện tiếp khách và để qua cái cung cách tiếp bạn mà nói cảnh sống thanh đạm của mình.

Bắt đầu là một lời bộc bạch pha chút hài hước:

Nhà tranh thi sẵn đấy
Vợ xấu có làm sao
Cuộc kêu dài bãi sậy
Hoa súng nở đầy ao.

Nhà tranh thi không ngại, bạn có thể cảm thông, chia sẻ. Nhưng vợ xấu? Có ngại không? Có đấy! Trong thực tế ời người "ngại" mời bạn đến chơi nhà khi vợ mình già, xấu, quê mùa. Thi sĩ Nguyễn Bình không sợ (sự thật thì, theo chỗ tôi biết qua các bạn thơ Nam Định, vợ Nguyễn Bình rất đẹp). Có lẽ ông nói cho vui, tếu táo thế, hoặc nói để trêu người khác (người có vợ không đẹp) chăng. Còn cảnh: *Cuộc kêu dài bãi sậy/Hoa súng nở đầy ao* thì đích thực là cảnh nông thôn của làng quê Nguyễn Bình và cái *nhà tranh* lúc nào cũng sẵn đích thị là nhà của thi sĩ rồi! Cả:

Vườn mấy sào đất mới
Trồng dâu và trồng cam

Chúng ta cũng có thể tin là tài sản cố định của nhà thơ! Kể cả tre đang ẩm

bụi cũng của nhà thơ nốt. Tất cả thật thanh đạm. Tuyệt nhiên không có một thứ tài sản nào đáng giá. Cái sự đáng giá, đáng trân trọng xuất hiện trong sự thanh đạm ấy là người bạn, tình bạn của thi sĩ.

Thăm tôi, tôi cảm ơn

Hoàn toàn không có gì khách sáo trong những lời cảm ơn đó. Rất thật và chân thành. Cảm tấm lòng của bạn không ngại ngần đường đất cách trở, không nề hà hoàn cảnh khó khăn của nhà thơ.

Và "tiệc chiều dài" bạn của thi sĩ Nguyễn Bình rõ là quá đậm bạc:

Làng bên có rượu ngon
Đêm nay ta đối ẩm
Tre già đang cũ ẩm
Tha hồ là măng non.

Có rượu ngon, nhưng thức nhắm chỉ là măng tre (không biết ông lược măng dài bạn hay là làm món nộm măng, măng xào...). Nhưng dẫu có tài chế biến thế nào đi nữa thì măng cũng không thể biến thành đậu, thành thịt được. Nhưng không sao, vì tôi biết anh sẽ không đến thăm tôi, nếu như anh luôn coi trọng: "mâm cao cỗ đầy". Anh đã đến thăm tôi khi biết hoàn cảnh

"thanh đạm" của tôi thế này, thì rõ ràng anh là bạn thứ thiết của tôi rồi!

Và *rượu ngon đã có bạn hiền*. Rượu nhắm với măng vẫn cứ ngon như thường. Sơn hào hải vị chắc đâu đã bằng, khi phải ngồi uống với một kẻ vô văn! Những ông bạn rơm coi tiền bạc trên hết!

Và cái món cuối cùng thi sĩ tiếp bạn thì đảm chắc ít người có: món đàn! Đến đây ta hiểu ra người bạn của thi sĩ đích thị không phải là người thường. Là Tử Kỳ đấy, biết nghe đàn của Bá Nha (nhà thơ Nguyễn Bình). Rõ ràng cách ứng xử của thi sĩ Nguyễn Bình là cách ứng xử thanh lịch:

Đường làng không tiện xe
Sớm mai người hãy ngược
Cây nguyệt nằm suồng mại
Tôi xin đàn người nghe

Bài thơ như những lời kể chuyện, tâm sự bạn bè giữa thi sĩ và bạn ông, làm hiện lên một cảnh sống thanh đạm của nhà thơ. Qua đó ta thấy được một tình bạn sáng trong, thanh bạch nhưng nặng đằm, thương mến. Lời thơ giản dị mộc mạc mà đi thẳng vào trái tim bạn đọc.■

SÍN LỬ

(Tiếp theo trang 7)

cho". Hai người lên rừng theo đường tuyến đã được phát dọn. Đến đoạn giao điểm giữa con suối Khắc và con suối Thúc thì Thảo Nhénh nói với Vĩnh: "Các anh bị sai phương vị ở điểm này đây". Vĩnh kiểm tra lại số liệu thấy đúng như lời Thảo Nhénh nói. Vĩnh hỏi:

- Tại làm sao em lại biết các anh bị sai ở điểm này?
- Lúc ấy em đứng gần máy ngắm, thấy kim la bàn chỉ góc 75 độ nhưng anh Tĩnh lại đọc thành 105 độ.
- Thế là cậu ta hoa mắt đọc ngược rồi. À, nhưng mà sao em bảo không biết chữ mà lại đọc được cả phương vị la bàn?
- Không biết chữ nhưng em biết số.
- Cũng có lý. Nhưng anh vẫn thấy thế nào ấy, không biết chữ nhưng nói năng như người có học. Hình như em không nói thật.
- Thôi đi mà, xuống suối ngồi nghỉ rồi em sẽ kể cho anh nghe về nhà em.

Hai người lội ngược lên một đoạn theo dòng suối Khắc, chặt mấy tàu lá chuối, chọn một bãi đá cuội rải ra ngồi. Thảo Nhénh gỡ bụi tóc trên đầu, Pờ ló ho không cần dọn thêm tóc bởi cô có mái tóc dày xoả xuống dài quá cả khoeo chân. Vĩnh chỉ còn biết ngồi im ngắm cô chải tóc. Thế rồi Thảo Nhénh búi lại mái tóc theo kiểu người Kinh. Trong khi xoay vần ống cơm lam trên ngọn lửa phập phồng, Thảo Nhénh kể cho Vĩnh nghe chuyện của chị Sín Lử và anh trai mình là Thảo Sếnh...

...Sau khi Thảo Sếnh chết thì chị Sín Lử cũng ăn lá ngón tự tử. Bây giờ, chị Sín Lử thì bản làng coi như là bà đầm đã theo chồng người Tây sang Pháp hoặc biệt tích về Hà Nội. Anh Thảo Sếnh thì bị coi là một nguy hiểm. Rất khổ cho những người còn lại của hai gia đình ấy, mang tiếng là gia đình của kẻ phản quốc. Chị Sín Lử thì thôi chẳng nói làm gì. Nhưng còn anh Thảo Sếnh thì oan khuất quá. Thành tích của anh đối với kháng chiến không nhỏ, nhưng ai chứng minh được điều ấy? Cụ Trùm Mun thì đã bị toà án thực dân

xử tội tử hình. Bây giờ chỉ còn hai người có thể minh oan cho anh Thảo Sếnh, đó là Benjamin Fouché và Hà Văn Thành. Fouché ở mãi tận bên Pháp, là người của phía bên kia, dẫu có tìm được thì cũng chẳng ai tin. Còn lại Hà Văn Thành chỉ biết tên là thế chứ quê quán cũng chẳng biết ở đâu. Vào bộ đội chính quy, tiếp tục đi chiến đấu, bây giờ biết còn hay mất...Nước mắt lưng tròng, đôi vai Thảo Nhénh rung lên, cô gục đầu ôm gối nức nở. Vĩnh cũng mềm nhũn cả người, câu chuyện đã động đến lòng trắc ẩn sâu thẳm tận tâm can. Bất giác, anh ôm lấy Thảo Nhénh, an ủi, vỗ về...

Khi cơn xúc động tạm thời dịu xuống, Thảo Nhénh ngẩng lên mở to đôi mắt trong suốt nhìn thẳng vào mắt Vĩnh:

- Anh Vĩnh, anh là người có học, có vị trí trong xã hội lại được đi nhiều, biết nhiều. Anh có thể giúp em tìm ra Hà Văn Thành để minh oan cho anh Thảo Sếnh được không?
- Biết rằng việc này rất khó, nhưng anh xin thế với em, còn sống ngày nào anh sẽ hết sức cố gắng giúp em tìm ra anh Thành.
- Ôi! Em phải mang ơn anh nhiều lắm!

Mãi đến tận gần trưa ngày hôm sau, đội thiết kế mới tìm thấy đội trưởng Nguyễn Thế Vĩnh nằm bên bờ suối Khắc. Mọi người hoảng hốt cả lên vì nghĩ anh bị cắn, nhưng sau khi vốc nước suối rửa mặt, Vĩnh trở lại hoàn toàn bình thường. Anh bảo:

- Tôi nhớ rõ là chiều qua, tôi cùng Thảo Nhénh ăn cơm lam ở đây, ăn xong Thảo Nhénh về nhà cô ấy, còn tôi vẫn ngủ tại cái giường ở phòng tôi.
- Thì chúng tôi cùng với anh đang đứng trên bờ suối Khắc. Rõ ràng là đêm qua anh đã ngủ cùng Thảo Nhénh ở đây.
- Vợ vẫn, thế cô ấy đâu rồi?
- Anh phải hỏi anh chứ, sao lại hỏi chúng tôi?

Sự việc của Vĩnh trở nên rắc rối. Người ta quy anh vào khuyết điểm hủ hoá, bị dính chỉ công tác và ngồi viết kiểm điểm. Nhưng rồi cũng kể từ hôm ấy, bật tâm không thấy Thảo Nhénh đâu nữa. Đoàn khảo sát cho người đi làm việc với xã, với các bản cũng không tìm thấy cô gái nào có tên là Thảo Nhénh. Căn cứ vào bản tường trình của Vĩnh, người ta lại nghi ngờ rằng cái cô Thảo Nhénh nào đó là gián điệp, đang được cài cắm để

phá hoại công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, hiện đang còn ẩn náu đâu đây. Một cuộc truy lùng được tiến hành, người ta đi khắp bờ bụi, khe suối, hang hốc quanh vùng. Nhà cửa cũng được xem xét lại kỹ lưỡng, đặc biệt là phòng của Vĩnh, mặc dù đã là đảng viên nhưng trong vụ việc này vẫn là đối tượng bị nghi vấn. Trên trần nhà trong phòng Vĩnh có một cái lỗ hình vuông là lối để treo lên kiểm tra trần và mái nhà, bên mép lỗ thấy có hình một bông hoa đào năm cánh kiểu như được vẽ từ một thỏi son môi. Người ta cho rằng đây là một ám hiệu đáng nghi vấn, có thể Thảo Nhénh đang ẩn náu trên đó. Thế là một phương án tác chiến truy bắt đối tượng được vạch ra. Tự vệ của đoàn Khảo sát phối hợp với dân quân xã, có bao nhiêu khẩu súng được huy động sử dụng hết. Người ta cho bắc một cái thang tre ghềch lên miệng lỗ rồi dùng loa điện kêu gọi đối tượng ra tự thú để được hưởng chế độ khoan hồng. Nhưng cho gọi nhiều lần mà trên trần nhà vẫn không thấy động tĩnh gì. Thế là lại tới lúc cần đến tinh thần dũng cảm, không sợ hy sinh của các dân quân, tự vệ. Có vài người xung phong leo lên trước. Trong tư thế súng đã lên nòng, sẵn sàng nhả đạn nếu tên gián điệp ngoan cố chống cự. Nhưng mấy người này cứ treo gần đến cái lỗ, người thì bị treo chân, người thì bị dính dằm tre, thậm chí có người còn bị té ngã. Lúc ấy người ta mới nghĩ đến việc yêu cầu Vĩnh treo lên trước. Có thể vì không phải đeo súng, dành cả hai tay nắm vào các bậc thang, hoặc cũng có thể vì một yếu tố tâm linh gì đó, Vĩnh đã không bị ngã và treo được lên trần nhà một cách dễ dàng. Sau khi Vĩnh đã đứng ở trên trần nhà thì những người có chức trách khác cũng nhanh nhẹn treo lên. Trong tư thế lom khom, dưới ánh sáng mờ mờ của căn gác xép, người ta nhìn thấy có một khối gì đó dài dài, đen đen nằm ở khoảng giữa trần nhà, xung quanh mạng nhện chằng dầy. Khi đến gần, người ta mới nhận ra đây là một cái quan tài được gắn kết, bịt bọc rất cẩn thận.

Tất nhiên, các thủ tục về hành chính để xử lý vụ việc người ta đã làm rất đúng quy định. Chỉ biết, theo biên bản của bên pháp y thì trong cái quan tài ấy có một bộ hài cốt của người phụ nữ với mái tóc dài gần chấm gót chân và một cái đèn ló sử dụng nguồn điện bằng pin.■

N.D.S

PHAN CÁT CẢN

Về đâu chim ngói xanh

Những tấm lưới căng phơi làm rách mặt hoàng hôn
quây lầy làng chài quần biển
những khuôn mặt khắc khổ sạm đen sóng gió...

Đường bắc đảo bụi mù còn sót lại những cây dầu
cao vút

gặp con chim ngói xanh tha thẩn ven đường
một bà già cặm cụi nịu những cánh khô khảnh khiu
như nịu lại màu xanh Phú Quốc
trước những túi tiền bầm xé đảo phi nhiều ngàn
đời biển

bà già thần thơ gom lại kiếp nghèo

Con chim ngói xanh rồi bay về đâu
mùi nước mắm nóng nân Phú Quốc đưa ta về đâu
bóng bà già như con thuyền gầy mắc cạn giữa
làng chài

con chim ngói vút bay cùng bụi đường cất cánh
bỏ lại mặt đường giá bán trên trời, giá mua dưới đất
và ngoài kia đại dương lăm lũi
sóng vỗ vô tư dào dạt xô bờ...

Hương đất

Mùi cỏ mực lên men
ngọt lịm cánh diều tuổi thơ sau vụ gặt
gió rải đồng, nâng cánh giấc mơ hoang hoải
mùi rơm mới hòa khói rạ lam chiều tím ngắt

Thơm thơm gạo tám xoan, nếp cái hoa vàng
dâng thảo thơm mấm cổ cùng ông bà
ổ rạ ẩm mùa đông giã rét
ngủ với nhọc nhằn
thương đất, thương ta những ngày khốn khó

Tuổi thơ đi qua hương đất hương đồng
thơm gió thấm mưa, nắng vàng tóc xém
trái ổi chín ngọt lử tình yêu xứ sở
mòn gót bốn phương
da nám thời gian, con lại về đây trù ngụ
hít thở nồng nàn hương quê.

Những cô gái mài
ngọc trai Phú Quốc

Gương mặt em sáng hồng từ những viên ngọc trai
xâu qua sợi kim tuyến thành chuỗi
xâu tuổi thanh xuân
xâu óng ánh biển khơi muối mặn...

Em mài bình minh chế tác
khúc xạ ban mai, lóng lánh hoàng hôn
nhưng làm sao, làm sao em có được
những viên ngọc từ chính đôi tay mình cho ngày cười?
ngọc chỉ đeo cổ những bà những cô quý tộc mới
suốt ngày lượn bán mua, sần lủng đất dự án
thậm thụt cửa sau phân chia đảo Ngọc

Những viên ngọc ứa máu từ lòng biển
những viên ngọc làm sao biết được
chúng được trang sức cho vẻ đẹp nào
vẻ đẹp nào thuần khiết trước bình minh?

ĐỖ MINH DƯƠNG

Tìm thơ

Thơ trong đời sống, trong trời đất
Ai có duyên tìm sẽ đến nơi
Người sống vì thơ, tình rất thật
Kể nhại theo thơ dễ lắm lời...

Một lần...

Một lần
chim về làm tổ
Cây vườn
xanh biếc
nổi niềm riêng
Trái tim tôi
một lần
em đến ở
Hoá ngôi nhà
giống bão
chung chiêng!

Bỗng dưng lại buồn

Bỗng dưng nhận được nỗi buồn
Làm sao biết rõ ngọn nguồn từ đâu?
Giữa lòng một dải sông sâu
Không đỏ, không bến, không cầu bắc qua
Em giờ đã mãi cách xa
Cớ chi còn bắc sang ta nỗi buồn ?

Trời không chớp bể mưa nguồn
Lỗi nào giá lạnh chảy luồn vào tim
Mưa buồn ướt sũng trời đêm
Nghĩ tình duyên ấy càng thêm nào lòng!

Con thuyền ở ngã ba sông
Không tình, không nhớ, không trông đợi gì
Dừng dưng nhìn gió cuốn đi
Hoa tàn, lá rụng...Can chi đến mình?

Em chìm vào cõi lặng thinh
Không vương vấn một chút tình phiêu diêu
Thì quên anh nhé, em yêu
Như quên rặng đỏ trong chiều hoàng hôn...

Giọt buồn

Cô nỗi buồn
như dao cứa ruột.
ngửa mặt
trời mây trắng buốt
cúi đầu
mặt đất lặng im
âm thầm chảy
vào tim.
từng giọt
từng giọt
đắng cay
túi hờn
chua xót
Người chia,
buồn không vội bất
người thương,
buồn càng buồn thêm
giọt buồn
lã chã
đong đầy
cốc đêm!

NGUYỄN KHẮC THẠCH

Phản biện Apollinaire

Ta ngắt đi một chùm hoa thạch thảo
em nhớ cho mùa thu đã chết rồi
...
em nhớ cho chết là ngôn từ ảo
ta chôn nhăm ngày tận thế trên môi

em nhớ cho mùa thu không trở lại
thông điệp lá vàng biết gửi vào đâu?
em nhớ cho chẳng ai chờ ai đợi
ai về với trở sự tịch mưa ngâu

mượn thoại thiên vui ảo hóa lòng nhau
em nhớ cho vẫn còn đây thạch thảo
vẫn còn đây nhưng thầy đều hư ảo
chỉ thông điệp lá vàng là có thật trong ta...

Trở lại Huế

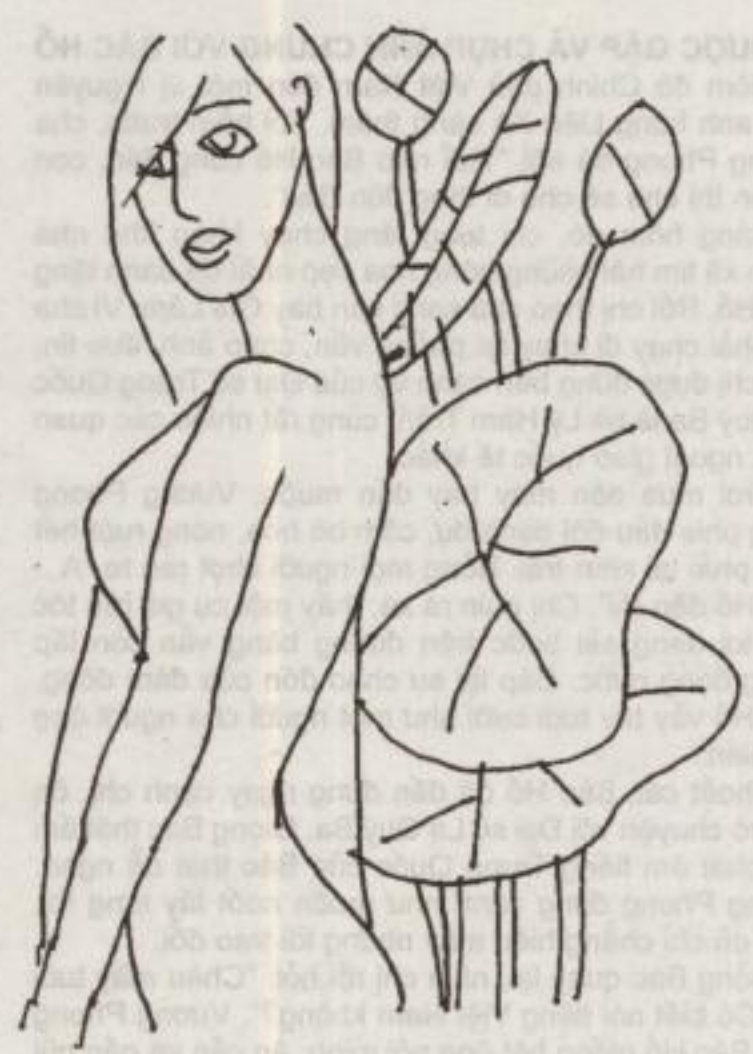
Trở lại Huế dang dở mùa kiết hạ
Mưa vẫn mưa bay...trong nhạc Trịnh hồn xưa
Trở lại Huế gieo thiên nghe đá mọc
Bóng ni cô neo dọc thảng năm thừa...

Trở lại Huế dùng dằng duyên niệm khời
Sắc là không nhưng sự biết roi lần
Câu chuyện cổ tái sinh hoàng tử bé
Hóa bóng hồng ngự ngô bút cấm văn

Trở lại Huế giả danh lời kinh kệ
Nhịp tim rung nghiêng ngã cõi bỏ để
Trở lại Huế cái không chừng có thể
Thành bọt bèo trôi dạt đối cơn mê...

Khóc mẹ

Cúi đầu con gọi mẹ ơi
Khói hương chơi vơi đường trời chia ly
Mẹ ơi trần thế sang thì
Còn ai ngoài mẹ sống vì riêng con
Từ đất vườn đến đất tròn
Nỗi đau mất mẹ vẫn còn rung rung
Nỗi đau như gió khờn dưng
Bơ vơ tìm mẹ mạch rừng nẻo khơi
Con về tang mẹ mẹ ơi
Nén hương vĩnh biệt chầy trời mố côi...



VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

CHIM SƠN CA CỦA TÌNH HỮU NGHỊ

ĐÀM NGỌC XUYẾN

NẾU ví tình hữu nghị Trung - Việt như một lăng hoa, thì có thể nói, một trong những cánh hoa trắng trong, hạnh phúc nhất là nữ phóng viên Vương Phong, nguyên Phó Tổng Biên tập tạp chí Liễu Châu, trực thuộc Tân Hoa xã Trung Quốc.

Chị sinh năm 1951, tức chỉ hai năm sau khi nhà nước kiểu mới Cộng hòa Nhân dân ra đời, đem lại cho các dân tộc trên lục địa Trung Hoa cổ kính một cuộc đời mới.

Cha chị vốn là một học sinh Hoa kiều tại Philippine, theo lời kêu gọi của Đảng Cộng sản về nước tham gia kháng Nhật. Cách mạng thành công, cha chị được đi học nghề báo, và trở thành một phóng viên giỏi.

Năm 1956, ông được phân công sang làm Trưởng Phân xã thứ hai của Tân Hoa xã, thường trú tại Hà Nội, thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa được giải phóng một nửa phía Bắc. Vì còn nhỏ, lại rất được cha yêu quý chiều chuộng, nên Vương Phong đã được theo cha sang Việt Nam, đất nước nhiệt đới tươi đẹp như lời chị kể lại sau này: "Những cây dừa cao, to, sum xuê cành lá, hồ Hoàn Kiếm lung linh gợn sóng, những người dân Việt Nam hiếu khách, nhiệt tình, những bài hát Việt Nam say đắm, diu dặt...". Hàng ngày, cha chị đi khắp nơi viết bài chụp ảnh. Đêm về, ông lại kể cho chị nghe những câu chuyện về đất nước Việt Nam còn đang nghèo nàn kham khổ, vừa phải gồng mình dựng xây, vừa phải kiên trì đấu tranh giải phóng miền Nam. Ông kể về các bạn nhỏ Việt Nam vừa đi học vừa giúp cha mẹ ông bà mọi việc, rồi những câu chuyện cổ tích thần thoại của xứ sở nhiều nắng nhiều gió này... Tất cả tạo nên trong Vương Phong một tình yêu ngày thơ, vừa thiêng liêng vừa gần gũi. Từ lúc nào, chị đã coi Việt Nam như nhà mình, Hà Nội như khu vườn xinh đẹp của riêng mình.

Đặc biệt trong những câu chuyện của cha chị, có một ông tiên rất mực hiền từ, rất mực yêu quý trẻ con, có tên là Bác Hồ, đồng thời lại là lãnh tụ tối cao của Cách mạng Việt Nam. Khi chị hỏi ông tiên ấy như thế nào, thì cha chị đã hát cho chị nghe bài hát của các bạn thiếu nhi Việt Nam: "Bác chúng em đáng cao cao, người thanh thanh. Bác chúng em mắt như sao, râu hơi dài...". Qua đó, từ lúc nào, chị cũng thấy yêu Bác Hồ, và chị thỏ thẻ nói với cha rằng: "Con rất muốn được gặp Bác Hồ. Cha nhất định phải cho con đến gặp Bác để con nói những lời yêu kính". Cha chị cười xoa đầu chị, bảo rằng, sẽ có ngày chị được toại nguyện.

Và cái ngày mong ước ấy đã đến, thật tình cờ như trong một giấc mơ kỳ diệu vậy.

ĐƯỢC GẶP VÀ CHỤP ẢNH CHUNG VỚI BÁC HỒ

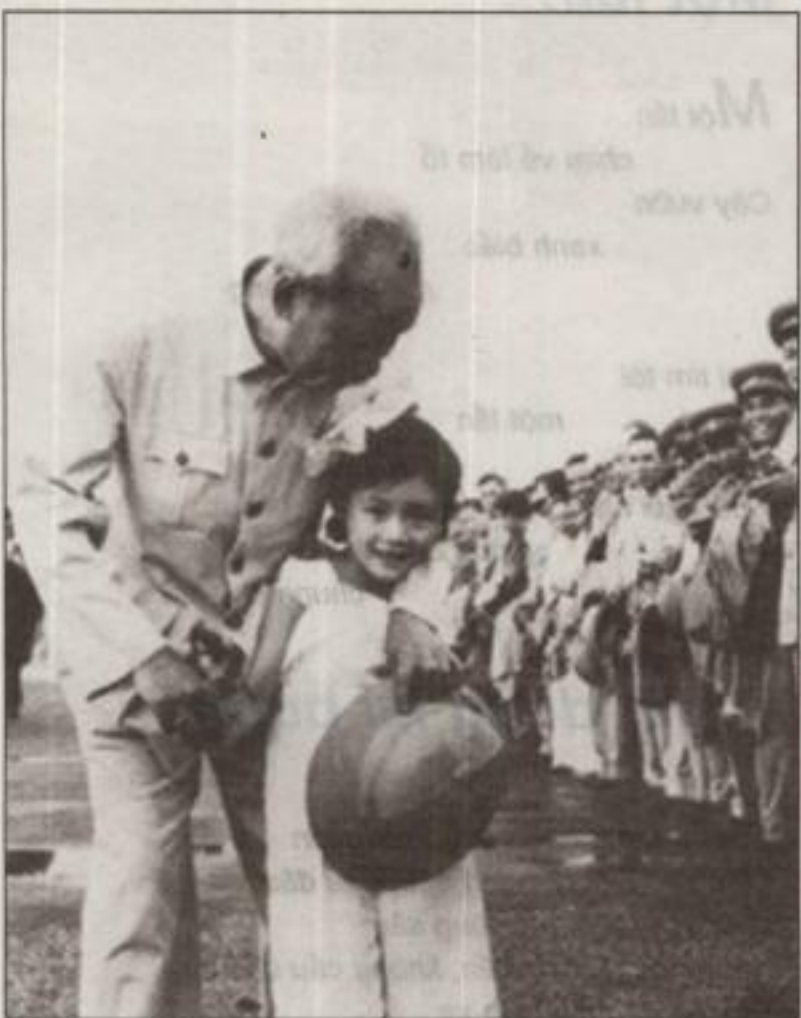
Hôm đó Chính phủ Việt Nam đón một vị Nguyên soái anh hùng Liên Xô sang thăm. Tối hôm trước, cha Vương Phong đã nói "Thế nào Bác Hồ cũng đến, con ngoan thì cha sẽ cho đi theo đón Bác".

Sáng hôm đó, chị tung tăng chạy khắp khu nhà Phân xã tìm hái những bông hoa đẹp nhất để dành tặng Bác Hồ. Rồi chị theo cha sang sân bay Gia Lâm. Vì cha chị phải chạy đi chạy lại phỏng vấn, chụp ảnh, đưa tin, nên chị được đứng bên cạnh vợ của Đại sứ Trung Quốc La Quý Ba là bà Lý Hàm Trân, cùng rất nhiều các quan chức ngoại giao quốc tế khác.

Trời mưa nên máy bay đến muộn, Vương Phong đứng phía đầu đội danh dự, cầm bó hoa, nóng ruột hết nhìn phải lại nhìn trái. Bỗng mọi người chợt reo to "A... Bác Hồ đến rồi". Chị nhìn ra xa, thấy một cụ già râu tóc bạc tơi đang sải bước trên đường băng vẫn còn lấp loáng đọng nước. Đáp lại sự chào đón của đám đông, Bác Hồ vẫy tay tươi cười như một người cha người ông dịu hiền.

Thoắt cái, Bác Hồ đã đến đứng ngay cạnh chị, ôn tồn trò chuyện với Đại sứ La Quý Ba. Giọng Bác thật ấm áp, phát âm tiếng Trung Quốc của Bác thật dễ nghe. Vương Phong đứng cạnh như muốn nuốt lấy từng lời, mặc dù chị chẳng hiểu mấy những lời trao đổi.

Bỗng Bác quay lại, nhìn chị rồi hỏi: "Cháu mấy tuổi rồi? Có biết nói tiếng Việt Nam không?". Vương Phong thấy Bác Hồ giống hệt ông nội mình, ân cần và gần gũi quá, nên mạnh dạn nói liền ba câu bằng tiếng Việt lú ló: "Ấn cam chưa?", "Ấn rồi", "Xin chào đồng chí". Bác



Tấm ảnh quý chụp 57 năm về trước, khi cô bé Vương Phong được vinh dự tặng hoa Bác Hồ tại sân bay Gia Lâm.

Hồ ngơ ngàng nhưng cũng hiểu ra, Bác cười rất to một cách sáng khoái rồi hỏi chị: "Cháu có thích Việt Nam không? Chị sung sướng nói ngay, liền một mạch: "Cháu rất thích Việt Nam. Cháu cũng yêu Bác Hồ". Bác chăm chú nghe chị nói rồi ôm chị vào lòng, hôn nhẹ lên má chị. Lúc đó chị cảm thấy mình là đứa trẻ hạnh phúc nhất trên đời, vì đã gặp được người đêm ngày từng mong ngóng ao ước. Hơn thế nữa, Bác Hồ, ông tiên của các bạn nhỏ Việt Nam cũng yêu chị. Bác cũng là ông tiên của cuộc đời chị, một cô bé Trung Quốc.

Lúc đó, các phóng viên, nhà báo thì nhau chụp ảnh cho Bác và Vương Phong. Bác Hồ không những để yên cho họ chụp thật nhiều ảnh đẹp, mà Bác còn dắt chị đứng lên, hướng đến đông đảo mọi người vẫy vẫy tay chào. Nhớ lại những câu chuyện cha chị đã kể đêm đêm về Bác, cùng với cảm giác ngây ngất giờ đây được đứng chụp ảnh cùng Bác, chị Vương Phong thật sự hiểu được vì sao Bác Hồ đã hy sinh cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, để nhân dân Việt Nam, các bạn nhỏ Việt Nam ai cũng được ấm no hạnh phúc như chị.

NHỮNG NĂM DÀI THƯƠNG NHỚ VIỆT NAM

Sau hôm được gặp và chụp ảnh chung với Bác Hồ, trong lòng Vương Phong lúc nào cũng lâng lâng một niềm hạnh phúc.

Khi gần bảy tuổi, chị phải về lại Trung Quốc để đi học. Mặc dù lúc đó mẹ chị cũng đã sang Việt Nam, chị không muốn phải xa bố mẹ, xa Việt Nam, nhưng khi nghe nói Bác Hồ sắp sang thăm Trung Quốc, đi cùng với Bác sẽ có Đại sứ La Quý Ba, nếu chị về đợt đó sẽ được đi cùng chuyến chuyên cơ với Bác và vợ chồng Đại sứ, thì chị đã vội vã đồng ý ngay. Cha chị dặn chị: "Nếu con học giỏi, sau này sẽ còn nhiều dịp quay lại Việt Nam và được gặp Bác Hồ nữa". Trên chuyến bay về Trung Quốc lần đó, Bác Hồ cũng nhận ra chị, cho chị được ngồi lòng nhiều lần, tặng chị nhiều bánh kẹo, và căn dặn chị phải chăm ngoan học giỏi, ủng hộ các bạn nhỏ Việt Nam đánh Mỹ.

Rồi chị không ngờ mình cũng lại theo học nghề báo như cha. Trong cuộc đời là phóng viên, lúc nào, ở đâu chị cũng nói và viết về Việt Nam, về Bác Hồ yêu kính của chị. Sau hôm được chụp ảnh chung với Bác Hồ tại sân bay Gia Lâm, chủ Tạ Sĩ Phong là phóng viên báo Tân Việt Hoa đã tặng gia đình chị 2 bức ảnh chú chụp được làm kỷ niệm. Chị đã nâng niu gìn giữ chúng như những kỷ vật, định khi nào sang Việt Nam thăm lại Bác Hồ sẽ khoe với Bác. Nhưng thật tiếc, quan hệ Việt Nam Trung Quốc đã có những giai đoạn sóng gió, nên hơn

40 năm ròng, chị chưa lần nào được trở lại Việt Nam như lời cha chị khẳng định. Tuy vậy, đối với riêng chị, Bác Hồ - Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn là tinh hoa của nhân dân Việt Nam anh dũng quật cường, giàu lòng vị tha và vô cùng mến khách. Đã có hàng trăm bài báo của chị viết về cuộc chiến đấu vĩ đại của nhân dân Việt Nam chống Mỹ, về đất nước Việt Nam tươi đẹp hiền hòa. Theo chị, xứ sở và nhân dân anh hùng đó là tiêu biểu cho các dân tộc nhỏ bé ý thức được quyền và năng lực làm người của mình giữa thế giới hiện đại.

TRỞ LẠI QUÊ HƯƠNG THỨ HAI

Thật may mắn làm sao, những năm dài xa cách rồi cũng kết thúc.

Đầu thập kỷ 90, hai nước Việt Nam, Trung Quốc trên đường đổi mới và hiện đại hóa đã lập lại quan hệ hòa bình láng giềng hữu nghị. Lúc nào chị Vương Phong cũng cầu mong cho nhân dân và chính phủ hai nước hiểu biết gần bó với nhau theo tinh thần của bà hát năm nào "Việt Nam Trung Hoa- Núi liền núi, sông liền sông, chung một biển Đông- Thắm tình hữu nghị sáng như rạng đông...".

Tháng 10 năm 2000, trong một lần sang Bắc Kinh công tác, đoàn đại biểu Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh đã gặp chị Vương Phong trong một bữa tiệc chiêu đãi. Được biết chị đã từng gần bó với Việt Nam, đã từng được Bác Hồ ôm hôn và cho chụp ảnh chung, lại cũng được biết những tình cảm dạt dào chị luôn dành cho nhân dân ta trong suốt hơn 40 năm qua, Lãnh đạo đoàn đã mời chị sang thăm lại Việt Nam ngay sau đó.

Trung tuần tháng 12 năm 2000, nhân dịp có Lễ hội Văn hóa Du lịch quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, chị Vương Phong bồi hồi trở lại Việt Nam sau 43 năm cách trở.

Máy bay hạ cánh xuống phi trường Tân Sơn Nhất vào lúc màn đêm vừa buông xuống. Nhìn qua cửa sổ, chị thấy thành phố mang tên Bác Hồ rực rỡ ánh đèn, người và xe cộ đi lại tấp nập, đúng như lời một người bạn của chị từng nói: Thành phố Hồ Chí Minh như một Paris nhỏ ở Đông Nam Á.

Rồi chị được đi dọc Việt Nam, được thăm viếng nhiều danh lam thắng cảnh, được tiếp xúc với không biết bao nhiêu bạn bè và các gương chiến đấu anh hùng, lao động khéo giỏi. Chuyến đi đó làm chị vô cùng xúc động. Khi về nước, chị lại tiếp tục viết báo ca ngợi đất nước và con người Việt Nam với nhân dân Trung Quốc, đến nỗi Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã tin tưởng giao cho chị chức Phó Tổng thư ký Hội Hoa kiều Việt Nam, Lào, Campuchia của thành phố Bắc Kinh.

CA KHÚC VIỆT NAM- NIỀM SAY MÊ CỦA VƯƠNG PHONG

Theo Vương Phong, ca khúc của Việt Nam rất hay, giọng điệu và lời bài hát phối hợp rất hài hòa. Sau hơn 40 năm xa cách, giờ đây chị lại được tắm mình trong dòng sông âm thanh ân tình ấy. Lần đi thăm Hội An, trên ô tô chị đã được nghe bài hát "Nhớ về Hà Nội" của nhạc sĩ Hoàng Hiệp. Đang định đi tìm mua, thì anh lái xe đã vui vẻ tặng luôn chị, và chị sung sướng mang về nhà nghe đi nghe lại đến thuộc lòng.

Năm 2002, có dịp đến Hà Nội, vì không nói được nhiều tiếng Việt, chị đã phải dùng cách hát to giai điệu các bài hát chị yêu thích tại ngay Cửa hàng băng đĩa Hồ Gươm. Nghe Vương Phong hát rồi tâm sự, các nhân viên bán hàng đã lục lọi cung cấp đủ mọi bài hát cho chị mang về Trung Quốc. Một túi da căng đầy toàn đĩa hát âm nhạc Việt Nam. Khi về đến Bắc Kinh, chị đã tìm sách học tiếng Việt để tự mày mò phát âm đánh vần. Cuối cùng, chị đã tự hát được rất nhiều nhạc phẩm chị thích, trong đó chị yêu đặc biệt là các bài hát về Hà Nội. Trong một buổi liên hoan chào mừng Quốc khánh Trung Quốc, giữa hội trường rộng lớn toàn khách quốc tế, chị đã đứng lên hát vang bài "Nhớ về Hà Nội". Cả hội trường lặng im nghe chị hát bằng tất cả trái tim mình, rồi khi chị hát xong thì cả một trận cuồng phong tiếng vỗ tay nổi lên. Hôm đó chị nhận được không biết bao nhiêu hoa tươi. Người ta gọi chị là Tiểu thư Hà Nội, là "fan" Việt Nam, là chim "Sơn ca của tình hữu nghị Trung-Việt".

Cho đến nay, mặc dù đã ngoại lục tuần và nghỉ hưu, nhưng chị Vương Phong vẫn trẻ trung và yêu đời lắm. Những kỷ niệm về Việt Nam, về Bác Hồ kính yêu đã khắc sâu vào tâm hồn chị. Chị cho biết, hiện cha chị cũng đã gần 90, nhưng tinh thần thoải mái vẫn dạy chị cách phát âm những tiếng Việt Nam quá khó, những cách nhấn giọng kiểu đặc biệt các miền, để chị có thể hát được nhiều bài hát của Việt Nam hơn. Mỗi lần Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh tổ chức các hoạt động đối ngoại, chị vẫn đến tham dự và hỏi thăm tình hình của Việt Nam, nơi chị đã từ lâu coi là quê hương thứ hai của mình. Và tất nhiên là chị lại hát, những bài hát của tình đời, tình người, tình hữu nghị giữa các dân tộc. ■

1. Mô phỏng Viện Hàn lâm Văn học Pháp. Quốc vương Gustav III là nhân vật tài hoa xuất chúng trong lịch sử Thụy Điển. Ông ước ao cháy bỏng có được một cơ cấu như Viện Hàn lâm văn học Pháp tại Thụy Điển, Bắc Âu. Danh từ "viện hàn lâm" (academy) gốc cổ Hy Lạp là tên của một vườn hoa vùng ngoại ô Athena, xưa kia Platon cùng học trò thường đến đây đàm đạo, trau dồi học vấn. Truyền thống tốt đẹp này được người châu Âu kế thừa. Theo đó, giữa năm 30 thế kỷ XVII, lần đầu tiên người Pháp mệnh danh "academy", sáng lập Viện

có người là thân sĩ văn học, địa vị hiển hách, cũng nhiều người xuất thân từ binh dân, nhưng đều bình đẳng như nhau. Trong xã hội đẳng cấp châu Âu thế kỷ XVIII, đây quả là chế độ bình đẳng hiếm có.

Công việc quan trọng nhất của Viện Hàn lâm thời bấy giờ là làm cho ngôn ngữ Thụy Điển trở thành trong sáng, cao nhã, có sức mạnh. Một nguyện vọng thiết tha khác của Gustav III, là làm sao để văn chương Thụy Điển có chỗ đứng trong số các ngôn ngữ văn hóa châu Âu. Ở thời

Viện Hàn lâm Thụy Điển" đem ấn hành, xuất bản.

Các nhà thơ đua nhau sáng tác kịch, tác phẩm đoạt giải được trình diễn trên sân khấu nhà hát, còn tác giả đoạt giải được tặng chức vị chủ biên... Thời đó, tác gia Pháp Voltaire (F.M.) và Rousseau (J.J.) là thần tượng đối với các tác gia Thụy Điển, tác phẩm của họ đã trở thành thêm vẻ đẹp cho âm nhạc và hài kịch Thụy Điển.

Đó là một thời kỳ huy hoàng trong lịch sử văn hóa của Thụy Điển.

Vậy do đâu, ở nước Pháp văn học lại

Năm 1897, lúc chuẩn bị kế hoạch mùa xuân của Viện, viện sĩ Wilson đã trình bày: có một công trình sư tên là Ragnar Sohlman, đã tìm gặp ông thừa chuyện, rằng Sohlman là người thừa hành di chúc Nobel – nhà phát minh lớn, vừa qua đời. Ông ta đến thương lượng vấn đề có liên quan đến việc thực hiện di chúc, hy vọng được "Viện Hàn lâm Văn học Stockholm", tức là "Viện Hàn lâm Thụy Điển" chấp nhận.

Thế là, bỗng dưng một cuộc tranh luận gay gắt xảy ra trong nội bộ Viện, rằng nên chăng nhận nhiệm vụ trao giải Nobel và thành lập "Hội đồng trao giải"? Nhiều người không đồng ý, nhưng cũng có người tán thành. Phản đối là vì nghi ngờ ở năng lực của Viện: liệu Viện có đủ khả năng, mỗi năm phải khảo sát, phán quyết một khối lượng to lớn sản phẩm văn học ở khắp năm châu, liệu có sa vào sức ép từ mọi phía, bất mãn, phi báng; có hay không, điều khoản ghi nhận sự uỷ thác của nhà vua trước đây, về vấn đề này, thậm chí biến Viện thành một toà án văn học toàn thế giới... Họ còn cho rằng, đó là sự mê hoặc do ma lực kim tiền, khiến nhiều bậc thầy thế giới, quanh năm tất bật tham dự bình chọn tác phẩm đoạt giải. Việc mỗi năm chi trả mười triệu cu-ron tiền thưởng cho giải, sẽ gây sự chú ý và theo dõi của dư luận quốc tế, trong khi Viện Hàn lâm Thụy Điển chỉ vốn vẹn có sáu nghìn cu-ron tiền giải cho tác gia trong nước mà thôi...

Phía chủ trương nhận nhiệm vụ này, chủ yếu là viện sĩ Wilson, cho rằng: nếu Viện Hàn lâm Thụy Điển nói "không" với giải Nobel, thì kế hoạch tổng thể của giải sẽ bị phá vỡ. Điều đó đồng nghĩa với việc "tước bỏ niềm hy vọng của các tác gia văn học khắp năm châu vào lúc đã đủ thời gian để được công nhận và thụ hưởng quyền lợi do giải Nobel mang lại. Báo tập phản đối Viện Hàn lâm Thụy Điển sẽ ập đến, nếu Viện trốn tránh trách nhiệm này"... Ông còn nói "Đừng thổi phồng những khó khăn cụ thể, Viện sẽ bầu chọn viện sĩ, những người có đủ năng lực trong viện và thành lập "Hội đồng trao giải", ngoài ra sẽ mời gọi các chuyên gia soạn thảo báo cáo chuyên đề. Kết quả bình chọn có thể bị chỉ trích, song viện cần có thái độ thành khẩn, trung thực với công việc do mình đảm trách, cố gắng làm tốt nhiệm vụ được giao.

Sau hai tuần lễ tranh luận kịch liệt, hội nghị kết thúc, đi đến nghị quyết tán thành ý kiến đề nghị của viện sĩ Wilson với số phiếu áp đảo (12 phiếu tán thành trong số 17 viện sĩ) và tuyên bố công khai tiếp thu nhiệm vụ trao giải Nobel. Kể từ đó, Viện Hàn lâm vốn phục vụ văn học một tiểu vương quốc, đã bước lên vũ đài văn học lớn lao trên toàn thế giới.

Chức năng Viện Hàn lâm Thụy Điển trước đây, lấy công tác Thụy Điển ngữ làm trọng điểm, phần lớn nhân viên là tác gia ngôn ngữ học, sử học..., sau khi nhận nhiệm vụ trao giải Nobel, một số nhà văn và tác gia của Viện được bầu chọn là viện sĩ, công tác của Viện chuyển dần theo hướng văn học.

Bước vào thế kỷ XXI, Viện hàn lâm Thụy Điển trở thành một cơ cấu học thuật, gồm nhiều chức năng: Viện thừa kế và bảo vệ truyền thống Thụy Điển, đồng thời quan tâm các trào lưu thời đại toàn cầu. Trải qua 200 năm lịch sử, nếm trải nhiều đổi thay vận mệnh, Viện hàn lâm Thụy Điển từng một thời xán lạn, giờ gặp buổi phôi pha, cũng nhiều khi vừa được tôn vinh nề trọng, vừa bị chỉ trích phê bình khinh tể. ■

PHAN TRỌNG HẬU
(Theo World Culture)

VĂN HỌC THỤY ĐIỂN: TẠO DỰNG HÀI HOÀ

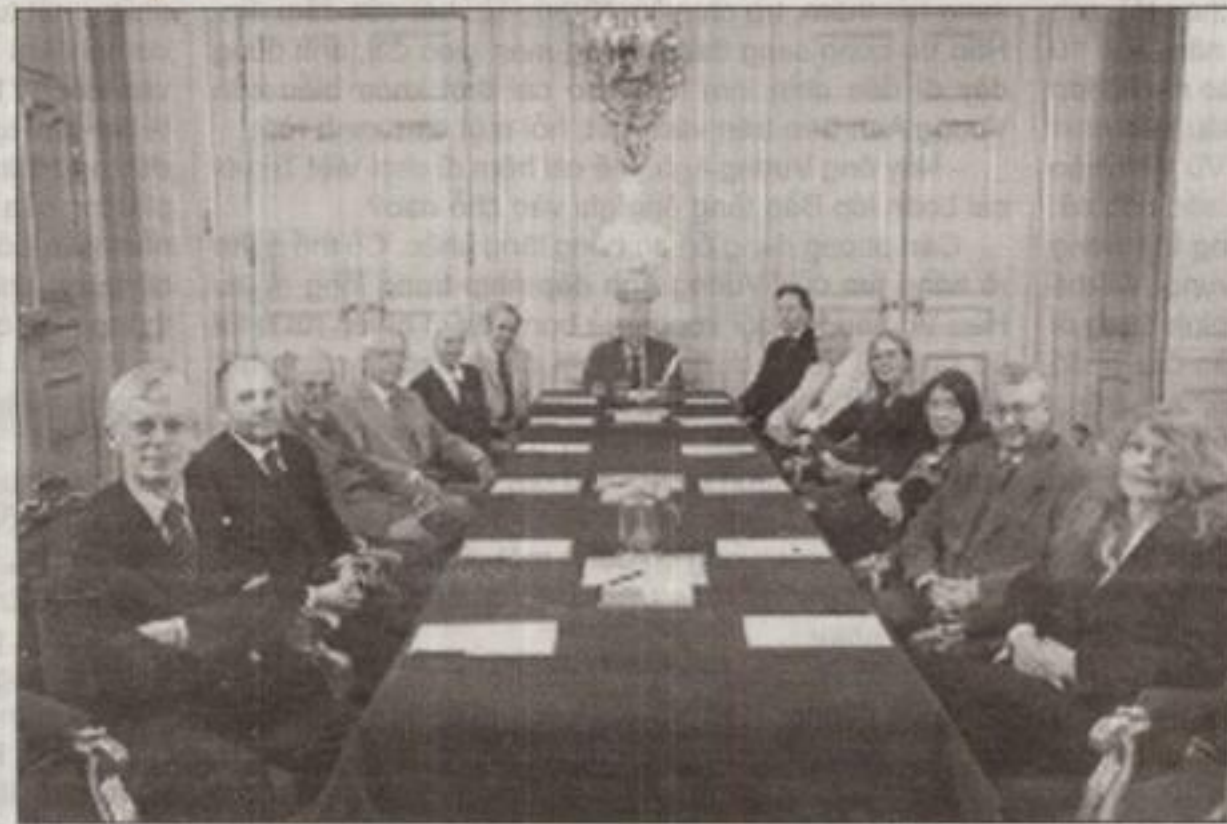
Hàn lâm Văn học Pháp với 40 viện sĩ.

Từ nhỏ, quốc vương Thụy Điển Gustav III kế tục mẹ, đam mê kịch, nhạc, văn học. Hoàng hậu Louise, thân mẫu ông từng một độ đã biến cung đình Thụy Điển kiểu cũ thành Trung tâm Bắc Âu, phục hưng nghệ thuật châu Âu. Trong thời gian trị vì, Gustav III ra sức phát triển văn hoá vì sự hưng khởi bản thân ông, và cũng vì yếu cầu chính trị. Ông tin rằng, bằng sinh hoạt văn hóa, lãnh mạnh hóa tinh cảm dân tộc, truyền bá lý tưởng chính trị, có thể đem lại thái bình thịnh trị cho đất nước. Năm 1772, Gustav III đã loại trừ được giới chính trị quý tộc Thụy Điển một cách hoà bình, giữ vững quyền lực. Ông thường sang thăm thú Paris và hết lời ca tụng Viện Hàn lâm văn học Pháp. Ở đó, Viện Hàn lâm Văn học thường tổ chức sinh hoạt học thuật hàng tuần. Các tác gia mặc sức thảo luận, diễn giảng, đề mục hết sức phong phú, đề cập khoa học, tình yêu, tu từ, v.v... Tại đây mọi người được dịp kiểm nghiệm sản phẩm văn học của mình cũng như của người khác. Viện cũng khởi thảo bộ đại từ điển tiếng Pháp kể từ thời kỳ đó...

Sau nhiều lần đến Paris, Gustav III dự cảm rằng, người dân tăng lớp dưới của nước Pháp bất mãn đến tột cùng, gần đến lúc quyền lực nước Pháp bị lật đổ. Dự cảm của ông quả linh nghiệm, chỉ mấy năm sau, cuộc Cách mạng Pháp bùng nổ, chấn động cả châu Âu. Gustav III trù tính, để tránh mối hiểm hoạ tương tự xảy ra tại Thụy Điển, cần mô phỏng hình thức tổ chức Viện Hàn lâm Văn học Pháp, sáng lập Viện Hàn lâm Thụy Điển, từ đó lấy hoạt động văn học để khống chế các nhân tố cấp tiến.

Ngày 5 tháng 4 năm 1786, Viện Hàn lâm Thụy Điển trình trọng tuyên bố thành lập. Tại thủ đô Stockholm cổ kính, Gustav III công bố danh sách đích thân ông tuyển chọn, gồm 13 viện sĩ (về sau cải chỉnh, là 18 viện sĩ trọn đời), giới thiệu tôn chỉ Viện, và đọc bài diễn văn nổi tiếng. Ông nói: "Trong những năm tháng chiến tranh, Thụy Điển từng dùng vũ lực, đem lại vinh quang cho tổ quốc. Nay thời đại hòa bình, điều duy nhất đem lại vinh quang cho dân tộc, chỉ có thể là văn học và nghệ thuật mà thôi". Ông khích lệ các nhà văn hãy sáng tác vì sự hài hòa xã hội và hạnh phúc nhân dân.

2. Thời hoàng kim trong lịch sử văn hóa Thụy Điển. Trong phiên họp đầu tiên của Viện Hàn lâm Thụy Điển, các học giả



Ủy ban Nobel Văn học năm 2007, Chủ tịch Per Wastberg thứ 6 từ trái sang.

điểm thượng phong này của nước Pháp, người Thụy Điển lấy làm hãnh diện khi dùng tiếng Pháp trong sinh hoạt hàng ngày, họ cũng quen sáng tác bằng tiếng Pháp. Vậy nên sự nỗ lực của Gustav III là có lý: đến lúc này tiếng Thụy Điển dần đi vào nề nếp, phát triển mạnh mẽ. Ra đời chưa được bao lâu, Viện đã bắt tay biên soạn bộ đại từ điển ngữ văn, nhờ đó mà bộ "Đại từ điển Thụy Điển ngữ" được xuất bản vào năm 1870. Các viện sĩ bắt đầu thói vay mượn từ ngữ Pháp, chuyển sang sáng tác bằng ngôn ngữ Thụy Điển thuần khiết, trong sáng.

Một nhiệm vụ khác của Viện Hàn lâm Thụy Điển là tổ chức thi sáng tác: thi ca, kịch, diễn giảng và nhiều hoạt động văn học khác có kèm giải thưởng. Mỗi lần trao giải gồm 2 huy chương bằng vàng ròng và 2 huy chương bằng bạc do nhà vua ban tặng, nhà vua cũng tham dự giải. Việc tuyển chọn tác phẩm đoạt giải đều thông qua bầu phiếu kín... Vì vậy đã lôi cuốn các nhà văn tham gia. Ở đây điều đáng nói là mọi người đều sáng tác bằng ngôn ngữ Thụy Điển. Để tài diễn giảng, do Viện Hàn lâm quy định, tuy là văn học truyền khẩu, nhưng vì thời đó không được phép tự do xuất bản nên diễn giảng rất có ý nghĩa. Về văn xuôi, các tác giả thường viết bài giảng, ca ngợi nhân vật nổi tiếng trong lịch sử Thụy Điển, làm sống lại kỷ ức rạng danh đất nước... Sau nhiều năm, những tác phẩm đoạt giải được tuyển chọn biên tập thành "Kỷ sự

đưa đến cách mạng, còn ở Thụy Điển thì không? Ở đây sự so sánh quả là phức tạp, đòi hỏi phải từ chế độ đẳng cấp xã hội và tình hình kinh tế đương thời của châu Âu để suy xét. Riêng bản thân văn hóa mà nói, trong thời đại đó ở nước Pháp đã xuất hiện hàng loạt nhà trí thức cung đình lại mục nát sa đọa, là điều kiện để văn nhân cấp tiến làm chủ trào lưu. Còn ở Thụy Điển thời bấy giờ không có người khổng lồ văn hóa đủ sức tung hoành (phải đợi 100 năm sau thì Strindberg J.A. mới xuất hiện), thêm vào đó Gustav III lại là con người tài hoa, đủ sức khống chế Viện Hàn lâm Thụy Điển, gây được thanh thế lớn, ở một quốc gia nhỏ bé nơi hẻo lánh này.

Năm 1792, sau khi Gustav III qua đời, thời hoàng kim của Viện Hàn lâm Thụy Điển lùi dần vào quá khứ, địa vị cao sang một thời của nó dần chìm khuất. Năm 1795, từ phát ngôn của một viện sĩ, Viện đã bị đình chỉ hoạt động, phải đợi đến 1796 khi Gustav IV lên ngôi, Viện mới được hoạt động trở lại.

3. Tranh cãi việc nhận nhiệm vụ trao giải Nobel. Vào buổi giao thời thế kỷ XIX-XX, Viện Hàn lâm Thụy Điển đã nhận một nhiệm vụ gây tranh cãi trước nay chưa từng có – trao giải Nobel. Nhiệm vụ này hiển nhiên là không phù hợp với tâm tưởng của Gustav III trong buổi đầu thành lập, đã gây tranh cãi gay gắt trong nội bộ Viện.

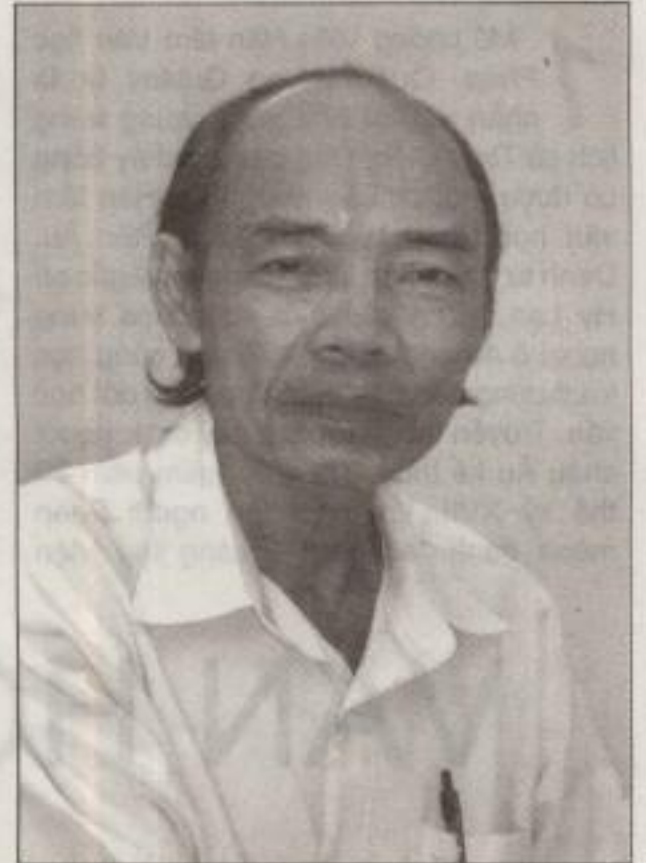
MỖI TUẦN GẶP MỘT NHÀ VĂN

Nhà văn Hào Vũ, sinh năm 1950. Quê quán: An Hải, Hải Phòng.

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Sau ngày chiến thắng* (tập truyện ngắn, 1983); *Gò xanh* (tập truyện ngắn, 1983); *Đất không giấu mặt* (tiểu thuyết, 1983); *Nữ sinh biệt động* (truyện dài, 1987); *Ly dị* (tiểu thuyết, 1989); *Mưa lạnh* (tiểu thuyết, 1992); *Sao rơi* (tập truyện ngắn, 2002); *Xa xăm* (tiểu thuyết, 2010)...

Giải thưởng văn học: Giải thưởng truyện ngắn Tạp chí Quân giải phóng miền Nam; Giải thưởng truyện ngắn báo Văn nghệ Hội Nhà văn Việt Nam, 1979; Giải thưởng truyện ngắn mini tạp chí Thế giới mới, 1994; Giải thưởng truyện ngắn tạp chí Tác phẩm mới, 1995... Và một số giải thưởng truyện ngắn khác.

TRONG MÀU XANH VÀM CỎ



NGÔ XUÂN HỘI

B A mươi tư tuổi, năm 1984 Hào Vũ vào Hội Nhà văn Việt Nam. So mặt bằng chung của Hội lúc ấy, anh là một hội viên trẻ. Nhưng theo tôi, anh xứng đáng được gọi là nhà văn năm lên 10 tuổi, học lớp 4 trường làng. Ấy là khi thấy giáo ra cho lớp một đề văn: *"Em hãy kể lại một kỷ niệm sâu sắc nhất trong đời mình"*. Kể kỷ niệm gì đây, cậu bé Vũ Văn Hào băn khoăn. Cậu chẳng có một kỷ niệm sâu sắc nào cả. Bị bố đánh ư? Chuyện thường. Hay ăn vụng thịt trong nồi của mẹ? Thì đứa trẻ nào mà chẳng ăn vụng. Và thế là cậu suy nghĩ, bịa chuyện. Cậu bịa rằng mình đang đi chơi trên đường thì nhặt được tờ bạc một hào của ai đó đánh rơi, nhìn trước nhìn sau không có người, trống ngực đập thình thịch cậu cúi xuống lượm cho vào túi. Và sau đó là một cơn đấu tranh tư tưởng gay go, lấy tờ bạc hay tìm người đánh rơi trả lại. Cậu vốn chẳng giàu có gì, nhưng nếu không trả lại thì người mất sẽ đau khổ lắm. Sau một hồi tự tranh đấu, cuối cùng cậu quyết định vào đồn Công an nộp tờ bạc, nhờ các chú Công an bằng nghiệp vụ tài tình của mình tìm người đánh rơi trả lại. Bài văn ấy cậu được 10 điểm. Điều đáng nói là thấy giáo sau khi cho đứa học trò tài học văn không có gì nổi nội bỗng trở nên xuất sắc trong bài làm này điểm 10, đã kéo cậu ra một góc lớp hỏi nhỏ: *"- Thấy hỏi thật em nhé, chỉ một hào bạc thôi mà em phải đấu tranh tư tưởng dữ vậy ư?"*. Câu hỏi của thầy giáo làm cậu bé đặng người, trở thành một kỷ niệm sâu sắc nhất trong thời thơ ấu, theo cậu cho tới tận hôm nay.

Hào Vũ kể cho tôi nghe kỷ niệm trên của anh vào một đêm mưa Hà Nội, trong ký túc xá của trường Viết văn Nguyễn Du, một ngôi nhà tranh vách đất dài gồm nhiều phòng được ngăn cách với nhau bằng những tấm vách cốt. Ngôi nhà tọa giữa ba bể ao rau muống, bèo tây. Chúng tôi tọa trên chiếc giường đơn của Hào Vũ với một xi rượu làng Vân và mấy gói lạc rang mua từ quán chị Duẩn trước cổng trường. Nghe xong, tôi ngắm nhìn anh tìm mối liên hệ giữa cậu bé ngây thơ bịa chuyện ngày nọ và nhà văn ngồi trước mặt, mà chịu, không tìm ra được một mối dây nào cả.

Nhà văn của chúng ta hôm nay là một người đàn ông có dáng cao vừa phải, quần áo mặc trông cu cũ, nhàu nhàu, đầu lúc nào cũng trùm súp cái mũ vải để che đi cái trán hói quá sớm, giọng nói lắp ba lắp bắp, đi đâu cũng xắc cốt khoác vai. Khách quan cứ nghĩ anh là cán bộ kinh tài thuộc một xã thuộc vùng sâu vùng xa nào đó của miệt vườn. Nhưng ẩn dưới bề ngoài không chăm chút ấy là một con người thông minh và nghịch... thì đão đẽ. Cùng học với nhau ba năm, tôi đã bao lần ngạc nhiên khi được chứng kiến cái sự nghịch ngợm hơn người của anh. Đơn cử lần nhà thơ Vương Anh đón vợ ra chơi. Vương Anh người dân tộc Mường, quê Thanh Hóa. Vợ anh, chị Liên Minh làm nghề dạy học, ở cùng quê. Để chuẩn bị đón hiển thế, nhà thơ liền cất công sáng tác một cái thời khóa biểu thể hiện việc sinh hoạt, học tập trong tuần mà một học sinh trường Nguyễn phải tuân thủ. Theo thời gian biểu, tuần lễ có bảy ngày - ngày nào nhà thơ cũng phải dậy từ năm giờ sáng, từ đó cho đến mười một mười hai giờ đêm toàn làm những việc đại sự như đọc sách báo, nghiên cứu tài liệu, tham gia hội thảo, gặp gỡ nhà văn này, nhà nghiên cứu nọ, hoặc sáng tác. Thời gian dành cho việc nghỉ ngơi rất ít, đi chơi thì hoàn toàn không.

Buổi sáng hôm Vương Anh đón vợ từ ga về, hầu hết anh em cánh dân sự của lớp trong khu nội trú lần lượt sang hỏi thăm, trò chuyện. Không khí hết sức đầm ấm. Hào Vũ cũng sang thăm. Xong màn giao đãi, anh đứng dậy đi đến nhìn lom lom vào cái thời khóa biểu của Vương Anh treo trên vách cốt, hỏi một câu xanh rờn:

- Này ông Vương Anh, thế cái hôm đi chơi Việt Trì với cái Loan lớp Bảo tàng ông ghi vào chỗ nào?

Căn phòng đang ồn ào bỗng lặng phắc. Có thể nghe rõ tiếng tim của Vương Anh đập nhịp trong lồng ngực. Hào Vũ sau khi đợi xong quả bom, điềm nhiên rút ở túi áo ra điều thuốc lá đổ lên mặt đồng đeo tay, tính bật điếu châm thuốc hút. Sự thấy Ma Trường Nguyên đang cắp nách chiếc điều cây, anh liền bỏ sở trường dùng sở đoản mượn chiếc điều cây của họ Ma mỗi một điếu. Rít xong điếu thuốc lào, anh khoan khoái nhả khói, rồi xuống xế câu vọng cổ bằng một giọng khê nổng:

- Em đi trái đất vẫn tròn/ Chúng mình hai đứa vẫn còn gặp nhau...

Sau đó chào vợ chồng Vương Anh ra về. Chưa về đến cửa phòng, Hào Vũ chợt giật mình khi nghe phía sau có tiếng bước chân người chạy huỳnh huých. Ngóảnh lại, anh đã bị nhà thơ Mường dí nắm đấm sát ngay cái trán hói:

- Mày giết tao!

Vương Anh rên rĩ. Hào Vũ cười hi hi. Và còn nhiều chuyện khác nữa...

Nghịch, ham vui, nhưng với lao động nghề nghiệp Hào Vũ hết sức nghiêm túc. Đạo ấy anh đang viết tiểu thuyết. Đêm nào cũng vậy, sau màn thả lưới buông câu trong biển người đẹp của trường Đại học Văn hóa, đúng chín giờ anh ngư dân họ Vũ dù tiếc rẻ nhưng kiên quyết rời ngư trường trở về phòng lúi máy chữ ra ngồi vào bàn làm việc. Đến tận mỗi đêm hai tiếng đồng hồ, cuối năm trong lúc cánh làm thơ chúng tôi mỗi người chỉ có dăm bảy bài thơ trình làng thì anh đã có cả một tập sách dày cộm. Đây chính là tiểu thuyết *Đất không giấu mặt*, viết về cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta ở một vùng giáp ranh.

Về cốt truyện, *Đất không giấu mặt* không có gì đáng chú ý cho lắm. Ấy thế mà đọc lại cuốn hút, thậm chí nhiều chương, đoạn say mê, vì trong đó nhiều nhân vật, nhiều số phận được tác giả tái hiện rất sống, gần gũi với đời thường. Bình là một ví dụ. Ở những chương mở đầu, Bình là người thật tốt. Chiến đấu giỏi, thương yêu đồng đội, biết trọng những người hơn mình về mặt này mặt khác, cư xử với người yêu cũng thật dịu dàng và có văn hóa, dù anh tự nhận "trình độ văn hóa không đủ viết một bức thư tình cho mùi". Đùng một cái, chỉ trong một thoáng buông lỏng suy nghĩ mà anh phạm khuyết điểm về quan hệ nam nữ, bị coi là "lợi dụng" một thiếu nữ đang khao khát yêu đương, bị coi là "có tư tưởng sống gấp". Đang trong tâm trạng hoang mang trước khuyết điểm và sự khinh rẻ của bạn bè, anh lại được một người chỉ huy du kích đáng khâm phục và khéo nói rủ rê về du kích. Thế là anh bỏ đơn vị, đào ngũ (có lẽ dùng từ *đào ngũ* chính xác hơn). Về cơ sở mới, anh vẫn phát huy tốt những phần tốt đẹp mà anh có, vẫn chiến đấu dũng cảm và thông minh, vẫn vững vàng trong những tình huống hiểm nghèo, nhưng lòng tự trọng của người lính luôn là một mũi tấn công quyết liệt, dần vật anh, khuấy đảo những ý nghĩ của anh, mỗi lần nhìn lại những hành

động thiếu chín chắn của mình...

Tôi không nghĩ Bình là hóa thân của Hào Vũ, nhưng những nét tương đồng giữa tác giả và nhân vật khiến tôi cứ nghĩ khi xây dựng nhân vật Bình, không ít chỗ nhà văn viết "tự truyện". Bởi cả hai - tác giả và nhân vật đều là lính chủ lực ở Bắc vào, sau nhiều biến động, nhân vật *đào ngũ* thành du kích, tác giả *đào ngũ* thành bộ đội địa phương của tỉnh đội Long An. Chính quãng đời gần chục năm gần bó với mảnh đất cửa ngõ của miền Tây Nam bộ trong chiến tranh đã khiến anh đến ngày đất nước thống nhất quyết định gần bó trọn đời với nó, dù sau này có không ít cơ hội chuyển công tác ra Hà Nội hoặc lên thành phố Hồ Chí Minh. Đất không giấu mặt người, sau *Đất không giấu mặt*, đến tận vài ba năm anh lại cho ra đời một tập tiểu thuyết, truyện dài viết về đất và người vùng Tân An, Đồng Tháp. Đây là những *Nữ sinh biệt động* (truyện dài, 1987); *Ly dị* (tiểu thuyết, 1989); *Mưa lạnh* (tiểu thuyết, 1992); *Xa xăm* (tiểu thuyết, 2010)... Những tác phẩm góp phần làm nên tên tuổi Hào Vũ, khiến trong chừng mực nào đó anh được nhiều người nhìn nhận như một nhà văn chuyên viết tiểu thuyết.

Thực ra không phải vậy, như hầu hết nhà văn ở nước ta (và có lẽ cả ở nước ngoài), Hào Vũ bắt đầu văn nghiệp bằng truyện ngắn và gặt hái nhiều thành công. Truyện ngắn đầu tay *Hai ông cháu*, giải thưởng truyện ngắn của Tạp chí *Quân giải phóng miền Nam* năm 1970. Truyện ngắn *Màu xanh Vàm Cỏ Tây*, giải thưởng truyện ngắn báo *Văn nghệ* Hội Nhà văn Việt Nam năm 1979; truyện *Khách thương hồ*, giải thưởng truyện ngắn mini tạp chí *Thế giới mới* năm 1994; truyện ngắn *Điều ấy đã không xảy ra*, giải thưởng truyện ngắn tạp chí *Tác phẩm mới* năm 1995...

Đọc truyện ngắn của Hào Vũ, thấy rõ anh rất quan tâm đến cái nền của câu chuyện. Có cảm tưởng khi bắt tay vào viết, trước tiên Hào Vũ chọn điểm nhìn. Sự phát triển của truyện không do các sự kiện chi phối. Chi tiết sự kiện chỉ là cái nền, cái cớ để nhân vật bộc lộ tâm trạng. Truyện ngắn *Cây gừa* là một dẫn chứng. Đặt điểm nhìn vào nhân vật Nành, vợ một lính ngự chết trận, bước vào đời sống xã hội mới, với bao mặc cảm nặng nề. Câu chuyện đã làm bật lên những mảng sáng tối của bức tranh xã hội sau ngày giải phóng. Truyện ngắn *Khách thương hồ* cũng được tổ chức như thế. Các nhân vật trong truyện không có tên riêng, chỉ là *chị*, *gã*. Họ không chỉ nói với nhau mà còn nói với một người vô hình nào đó. Có khi điểm nhìn trần thuật cũng được dịch chuyển: *"Tại sao anh bị mất giò? Câu hỏi cũ lại mấp máy nơi khóe miệng, nhưng sau cùng chị đã không hỏi."* Cũng cần nói thêm là, ở truyện ngắn này, bằng cách không xuống dòng các câu đối thoại, ngôn ngữ tác giả và ngôn ngữ nhân vật được trộn lẫn tạo ra một hiệu ứng nghệ thuật thú vị.

Không phải là một nhà nghiên cứu văn học nên tôi không có điều kiện so sánh đối chiếu, nhưng từ Hào Vũ tôi thấy trong đời sống văn học nước ta giữa thế kỷ 20 đến nay có một dòng chảy văn học của những người miền Bắc sinh sống ở Nam bộ viết về Nam bộ. Dòng chảy này khai sinh đồng thời với những cuộc chuyển cư diễn ra trong dân sinh và thế sự đất nước, đặc biệt rõ là năm 1954 khi hàng loạt giáo dân bỏ quê hương xứ sở ở miền Bắc lên đường vào Nam, và trong kháng chiến chống Mỹ. Từ những sáng tác của lớp nhà văn này, văn

TÔ THI VÂN Thư mẹ

Mẹ ơi cây rơm vàng mẹ trồng vẫn vàng tươi ký ức
Mùa gặt bây giờ đường làng thôi quẩn quýt rơm tươi
Trắng đục ngô quê từng ngọn khói
Cay xè... con ngũ thuở xa xôi

Đồng làng đã cạn dần tôm cá
Ốc nhồi? Không, rất ốc bươu vàng

Đê làng cỏ ngợp vắng đàn trâu
Chiều rơi hấp hây ánh đèn màu
Đầy hiệu tổ mồi, کیا sửa móng
Xập xình nhạc loạn cuốn về đâu

Bếp rơm rạ thừa mùi khói
Nào ga, nào điện, đồ công người
Khênh khênh láng giềng cái cửa tối
Xé thơ con thấp những chơi với
Thư mẹ
Xin mẹ đừng buồn, con vẫn đại
Ngu ngơ thời cuộc... những đầu đầu
Làng đã hao hao như phố huyện
Nhà mình mẹ có phải tìm lâu.

Buổi sớm

Thường ngày tôi vẫn dậy muộn
Sớm nay, vợ réo vỗ con mơ
Tiếng chim non ré lên hoảng hốt
Nhoàng dậy
Trong tay vợ, hai con chim run rẩy
Anh ơi... xích con lu
Nhưng, chậm mất rồi...
Những tùm lổn vàng dính máu tươi
Nâng trên tay
Hai con chim ngoạ cổ
Cháu ngoại quẩn chân – ông thịt chim cho cháu
Vợ với theo: thôi, để cho mèo
Lặng lẽ mười ngón tay bới đất
Gốc mai run những cánh rơi thắm

Vợ xòe tay
Đôi chim non gập may, nghển cổ
Chúng đang lượng sức mình
Bay đi

Bay đi
Nào gió...

Buổi sớm
Yên lành và đỏ võ
Bẩn thẩn... trời rỗng mà xanh

Nha Trang

Mười năm ngày với Nha Trang
Chưa biết rõ nhịp thăng trầm của biển
Chưa biết cười sông để không bị sặc nước
Chưa kịp được sự phóng túng của nắng, của gió
Chưa thuộc tên đường tên phố
Cớ sao thêm da diết ở nơi này

Vì biển với đầy hỗn hển
Vì trời hòa một sắc xanh
Vì trùng khơi, vì nắng, vì gió

Mười năm ngày với Nha Trang
Không một đêm cãi lộn
Không một tiếng chửi thề văng tục
Cò, vẫn cò những người nghèo
Những gương mặt không biết buồn và đôi mắt như reo
Cùng bạn nhậu với biển chiều lóa sóng

Mười năm ngày với Nha Trang
Những ngã ba, ngã tư không ai vượt đèn đỏ
Không thấy có công an
Không thấy có những bộ mặt hờn đời hay quàu quạu
Không có những cơn lốc xe máy xiết đường còi ré
Nha Trang đẹp
Nha Trang thanh bình
Người Nha Trang ân tình
Ta mơ gì hơn thế...?

Những bông sen trong đêm

Vé khuya
Những bông sen mơ màng
Những cánh gió khẽ khàng dong đưa những lá sen
Ao làng dịu sóng
Hương sen thơm
Ngọt ngào thanh khiết
Sương buông
Dường như sương đang làm hạt
Dường như dưới đáy ao
Nơi ngò sen yên bình tọa lạc
Có nỗi âm thầm xót xa

Những làn gió lành ngoan giấc hoa
Những mắt sao xa với đám đám
Dường như có tiếng gọi khẽ
từ đáy nước vọng lên

sâu thẳm
Dịu dàng tiếng mẹ sen ơi

Những bông hoa sen trong đêm ngơ ngác ao trời
Những mặt hoa im lặng mặt người
Lần từng giọt buồn rơi

Những bông sen cúi đầu thành kính
Những môi hoa run rẩy
Thốt lời...



hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long được phản ánh qua cái nhìn của người viết thuộc vùng văn hóa đồng bằng sông Hồng. Thực tế đã cho thấy có nhiều điều thú vị ở vùng đất này nhưng người viết thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long bỏ qua hoặc kể lại một cách tẻ nhạt. Có lẽ đó là những cái mà người Nam bộ thấy nó quá quen thuộc đến nhàm chán chẳng?

Hãy đọc thử một vài bài viết của phóng viên nước ngoài viết về Việt Nam được dịch ra tiếng Việt in trên báo trong nước, ta sẽ thấy thú vị dù đó chỉ là những cái ta thường gặp hàng ngày. Theo tôi nó thú vị là bởi các câu chuyện, hình ảnh quen thuộc được tác giả quét lên một lớp sơn mới, lớp sơn văn hóa của một vùng đất khác. Đọc Hào Vũ thấy rõ điều này. Cái khác lạ, độc đáo của phong cảnh sông nước miền Tây Nam bộ tạo cảm hứng cho anh. Không khí truyện của anh rất Nam bộ, từ tên đất, tên người, cách nói chuyện giàu phương ngữ, đến những chi tiết tường vu vơ. Chính vì vậy mà tôi bị *Màu xanh Vàm Cỏ Tây* của anh hấp hồn, khiến năm 1984 phải cắt phép năm để từ Nghệ An lặn lội tàu xe vào Long An cho biết. Lần ấy Hào Vũ dẫn tôi đi đâu thì đi, đến bữa phải về ăn cơm nhà anh nấu ở Hội Văn nghệ tỉnh. Tôi nghe lời và thấy trong lúc vợ bận nấu nướng, Hào Vũ không phụ một tay thì chớ lại nhảy sang mâm nhà khác tán chuyện (chả là Hội Văn nghệ tỉnh không có nhà ăn. Gia đình cán bộ Hội nào thì vợ chồng cũng đều là công chức, để kịp giờ làm chiều mỗi nhà gầy một bếp ngay trong cơ quan). Khi cơm chín tới, đang bày mâm bát, vợ anh lại phải ngừng tay sang mâm nhà hàng xóm lời chồng về. Nhưng cô đã bắt cóc bỏ đĩa, bởi bẻ được mâm cơm vào thì chồng đã lại biến đâu mất, cô đành lại phải sang mâm hàng xóm lời về lại. Mấy lần

như thế. Ngồi vào mâm, vợ anh bảo chồng bừa, thời gian eo hẹp không giúp được gì cho vợ thì chớ lại gây cản trở, khiến cô trưa nào cũng cật rập. Nghe vợ cảm râm bằng cái giọng Quảng Trị chạy, Hào Vũ ngẩn người, kết luận:

- Nói như Tây!

Tôi phải "phiên dịch" cho anh hiểu hết cái hay cái đẹp ẩn trong phương ngữ Quảng Trị của vợ anh. Buổi chiều, đến lượt anh "phiên dịch" cho tôi hiểu hết cái hay cái đẹp ẩn trong phương ngữ Nam bộ. ấy là khi chúng tôi ra bến đò thị xã để làm một chuyến ngược nguồn Vàm Cỏ Tây về Vĩnh Hưng, Đồng Tháp. Lên đò, thấy mấy bà mấy cô gồng gánh lướ quố trước mặt, tôi hỏi:

- Đồ... dôi!

Hào Vũ cười:

- Tới chớ sao lại dôi.

Lâu sau thấy mấy bà mấy cô vẫn luẩn quẩn luẩn quẩn, tôi hỏi tiếp:

- Tới... tới!

Hào Vũ cau:

- Tới cái đầu mày, lúc này là phải nói dôi, dôi chớ.

Cuối cùng thì mấy bà mấy cô cũng đặt gánh xuống, và tôi chẳng biết để được vậy họ đã "tới" hay "dôi" nữa.

Đang lúc thủy triều lên, Vàm Cỏ Tây rộng mênh mông, nước xanh biêng biếc. Hào Vũ bảo khi thủy triều xuống, nước sông chuyển màu vàng đục và đấy là điểm đặc trưng của hai con sông Vàm Cỏ so với các con sông khác của Tây Nam bộ. Anh còn nói nhiều điều nữa. Tôi nghe câu được câu mất, vì đang bị vẻ đẹp của dòng sông mê hoặc...

Viết đến đây, đáng lẽ phải nói về Xa xăm, tiểu thuyết

xuất bản gần đây nhất của Hào Vũ, tôi bỗng muốn trở lại với *Đất không giấu mặt*, tiểu thuyết đầu tay của anh ngày nào. "Dấu hiệu chắc chắn của bất kỳ một cuốn sách hay nào, đấy là khi ta càng lớn tuổi ta càng thấy yêu thích nó hơn – Charles Darwin".

Đọc lại *Đất không giấu mặt* tôi rất phục tác giả trong nhân vật Mười Lê. Mười Lê là một chỉ huy du kích có tài, dũng cảm và táo bạo. Anh biết chăm lo gia đình, lại là người hết lòng yêu thương săn sóc đồng đội. Dưới con mắt nhân dân trong xã, anh còn là một cán bộ giàu sức thuyết phục, nhưng giữa anh và bà Chín Kiếng vẫn âm ỉ một mâu thuẫn, một đối lập. Đó là sự tranh chấp về đất đai. Quyền tư hữu về đất đai, với người nông dân là vấn đề không dễ gì nhượng bộ. Những mâu thuẫn âm ỉ Mười Lê trong kháng chiến, ngày nay khi đất nước chuyển từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường đã bùng phát dữ dội, trở thành một vấn đề lớn mang tầm vóc xã hội và chi phối mọi gia đình, gây nên không ít những bi kịch đau lòng.

Nếu là một nhà văn sinh trưởng trong môi trường sự sở hữu tư nhân về đất đai được thừa nhận thì đó là điều bình thường. Nhưng Hào Vũ sinh ra, lớn lên ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Nơi tất cả, (đặc biệt là đất đai) đều đã hợp tác hóa. Nơi một cậu bé trong trí tưởng tượng nhạt được một hào bạc của ai đó đánh rơi cũng đem nộp lại công an, lớn một chút thì đi bộ đội, đánh giặc hết trận này đến trận khác, trở thành "Thư ký của thời đại" luôn có được cái nhìn nhạy bén, ấy là do nhà văn có văn tài. Trong quan hệ giữa văn chương với người viết, nếu cần nói một câu chuẩn xác về anh, theo tôi, văn chương đã chọn Hào Vũ và đấy là sự chọn lựa chính xác. ■

HOẠ sĩ Thành được quân lực điều lên trung đoàn bộ để chuyên viết khẩu hiệu, vẽ bích báo. Ai cũng chắc mẩm, hội thao sắp tới, báo tường của đơn vị sẽ nhất quân khu. Thế mà ngay từ tờ báo tường đầu tiên chào mừng thành lập Đoàn, đầu tờ báo không hề có một chút màu đỏ nào cho nó có khí thế cách mạng. Đã thế, mấy chiến sĩ cầm súng xung trận người dài ngoẵng, ẻo lả lại cùng một màu xanh giống như quân địch. Chính ủy trung đoàn nhìn Thành, lắc đầu, thất vọng:

- Cậu là họa sĩ mà vẽ dở ọet, thua mấy đứa ở các đại đội. Chúng chẳng học lớp vẽ nào, mà vẽ đâu ra đấy. Vấn đề là lập trường, tư tưởng... Cậu hiểu chưa? Thành ngơ ngác nhìn, chưa kịp hiểu thì thủ trưởng thở dài, tiếp - Từ mai đồng chí họa sĩ xuống tiểu đội nuôi quân với mấy chị em vậy.

Tướng Thành buồn, hóa ra cậu ta lại tỏ ra thích thú. Chắc là vì mấy nữ nuôi quân vừa trẻ, vừa xinh hút hồn Thành từ hôm về đây.

Vài tháng sau, cả trung đoàn bộ lại xôn xao chuyện Thành là người lính đối truy. Mà đối truy với ai còn khó chứ lại đúng vào cô bé xinh xắn nhất trung đoàn bộ, được chính ủy rất cưng chiều mới chết chứ. Tệ hơn nữa là chẳng hiểu Thành quyến rũ thế nào mà cô ta dám "nuy" cho Thành về...

Vụ bê bối này đích thân chính ủy bắt được. Hôm đó, Thành đi mua rau, chị em đang nấu cơm, chính ủy vào lán nuôi quân để "bí mật" gài vào ba lô cô

- Khổ... Chùng nào mà "tranh bờ hổ" còn được khen, còn bán chạy thì bọn họa sĩ chúng tớ còn khóc dở, mếu dở. Thật đúng là...

Rồi chiến dịch bắt đầu. Chàng nghệ sĩ bị cuốn vào những trận chiến đấu diễn ra mỗi ngày một ác liệt. Đơn vị liên tục được bổ sung quân nhưng lúc nào cũng thiếu. Đồng đội của Thành lần lượt hy sinh hoặc bị thương, phải chuyển ra tuyến sau điều trị. Ban chỉ huy đại đội cũ chẳng còn ai. Các anh đều đã ngã xuống trong những trận đánh ác liệt trước khi thành cổ Quảng Trị rơi vào tay địch. Trung đoàn bộ được chuyển vào gần sát mặt trận cũng bị bom pháo đánh tan tác. Nghe đâu, cả chính ủy và mấy anh chị em nuôi quân cũng đã hy sinh trong lần bom B.52 đánh vào sở chỉ huy tiền phương. Thật là thật khủng khiếp...

Vào quá nửa chiến dịch, Tiểu đội chỉ còn Thành và Thêm là hai "lính cũ" từ ngoài Bắc vào. Thành vẫn là lính trơn, còn Thêm vừa bổ nhiệm trung đội trưởng chưa lâu đã lại nhận quyền đại đội phó. Một hôm, Thêm bảo Thành chuẩn bị cùng anh lượn sâu vào hậu phương địch, chuẩn bị cho đơn vị đánh cầu Nhi, cắt đứt con đường tiếp tế của địch từ Huế ra thành cổ Quảng Trị. Như có linh tính báo trước đây là lần xuất quân cuối cùng của mình, Thành thấy băng khuâng, thấp thỏm không yên. Anh về hầm, giữ tung tất cả gia tài đựng trong ba lô sờn ra rồi tấn ngăn, lưu luyến chia tay với

cộng" đang ở giữa hòn cù lao này. Tất nhiên, Thanh tự nhắc mình, chỉ một sơ suất nhỏ là anh cầm chắc cái chết...

Chiều hôm sau, trong lúc đang nhắm lại vài thay đổi trong qui luật hoạt động của bọn địch, bỗng Thành nghe tiếng cười trong trẻo vang lên. Anh nghiêng người, vén đám lá lau sậy quan sát và không khỏi ngạc nhiên khi thấy một đôi nam nữ đang vùng vẫy ở bờ sông phía nam, cách anh chỉ hơn một trăm lưc đạn. Dưới nắng chiều ngan ngát, trong dòng nước trong xanh lấp lánh, hai người vận đồ tắm có màu da, hình nét tương phản nhau, tạo nên một bức tranh đẹp mê hồn. Người đàn ông da sạm màu đồng hun nhuộm không đều trên tấm thân lực lưỡng, chắc nịch. Thành hiếm thấy một chàng trai có đường nét dứt khoát, khoáng đạt, "rất đần ông" như vậy. Trái lại, cô gái có nước da trắng mịn, nuột nà như màu sữa và tấm thân là những đường cong mềm mại vừa trẻ trung vừa hấp dẫn kỳ lạ. "Kìa... Hai người đừng đùa rồn để tôi ngắm kỹ chút đã". Thành thốt lên khi họ hết té nước lại lặn ngụp đuổi nhau. Người con gái bỗng cười giòn tan và như một cơn cá trắm, nhao người lên khỏi mặt nước rồi lặn mất tăm. Chàng trai ngoi cao đầu trên mặt nước, dáo dác nhìn xung quanh, bỗng mím cười rồi cũng lặn nốt. Bất ngờ, hai người cùng ngoi lên cách Thành chỉ hơn chục mét. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, Thành thấy nao người vì sững sờ trước vẻ đẹp tuyệt vời của hai khuôn mặt hiện lên trên hai tấm thân gập khúc, uốn lượn trong dòng nước. Hình như Thành đã gặp cảnh này ở đâu đó? Nàng tiên cá của Puskine hay trong một huyền thoại nào đó? Không! à... Thành đã bắt gặp hình ảnh này trong bức họa "Thị sĩ lớn" - một bức chân dung khoả thân lừng lẫy nhất của thế kỷ XIX do danh họa người Pháp Anh-gro sáng tạo nên. Phải rồi, người phụ nữ của Anh-gro cũng được kéo dài ra, yếu điệu làm toát lên sắc đẹp óng ả, choáng lộn nhưng cũng thật ngọt ngào như muốn đẩy đến tận cùng chất bí ẩn và quyến rũ của người con gái trong tác phẩm...

Đôi trai gái lại cười vang, mặt ngời hạnh phúc...

- Hương Hương! Có tiếng người gọi to làm vụt tắt những tiếng cười của họ. Trên bờ sông, một viên sĩ quan trong bộ đồ rằn ri đang vẫy tay gọi họ.

- Chết! Đại tá về rồi! Người con trai nói rồi sai nhanh vào bờ. Cô gái gơ cánh tay vẫy vẫy: "Ba đi!" và bơi theo.

Hai người đã ôm đồ chui vào hai nhà bạt gần bờ sông nhất, mà Thành vẫn đang ngây ngất nhìn theo. "Lạ nhỉ! Tại sao giữa khu chỉ huy quân sự lại có cảnh thần tiên như vậy?" Câu hỏi đó bay giờ mới hiện lên trong suy nghĩ của Thành. Anh chăm chú theo dõi sự xuất hiện của họ nhưng chỉ thấy viên sĩ quan, mà anh biết được qua lời hai người là đại tá, ba của cô gái tên Hương Hương, cúi xem đồng hồ. Ông ta chui vào một nhà bạt có căn ăng-ten chia ra ngoài. Một lát sau, Thành nghe tiếng nổ "đề-ca" của trận địa pháo phía sau cao điểm 330, hình như ở Đông Lâm. Từng bầy đạn pháo thẳng cẳng bay veo veo qua đầu anh và nổ chát chúa phía rừng xanh, nơi đồng đội của anh đang sống.

Tiếng đạn pháo nhắc nhở Thành đừng quên nhiệm vụ của người lính giữa trận mạc. Anh lại căng mắt theo dõi những hoạt động của bọn địch. Khuya, Thành kéo thêm đám lá sậy nguy trang kín kỹ, tranh thủ ngủ, giữ sức để đến hôm sau, cùng lắm là đêm hôm sau nữa, đơn vị sẽ tới (Thành đoán như vậy), và anh lại lao vào một trận chiến đấu rất mạo hiểm và cũng có thể vô cùng ác liệt. Nhưng khi Thành khép mắt lại, hình ảnh đôi nam nữ đang uốn lượn trong dòng sông và bức chân dung "Thị sĩ lớn" của Anh-gro cứ hiện rõ trong tâm trí anh. Từ nơi sâu thẳm trong tâm hồn người họa sĩ, nỗi khát khao được sáng tạo cứ le lói hiện ra và choáng ngợp trong người anh. Anh trở người, mân mê mãi những tuýp sơn dầu, những cây cọ vẽ và tấm toan, lòng chọn rộn, xao động, không tài nào ngủ nổi. Chẳng ai dễ gì "chớp" được một hình ảnh đẹp, sống động như vậy. Và cũng chẳng dễ gì trong lòng người họa sĩ lại xuất thần, trôi dạt cảm hứng sáng tác mãnh liệt như vậy. Ước chi đây không phải là chiến trường mà là một vùng quê êm ả... Ước chi lúc này, mình không phải là một người lính đang theo dõi địch mà là một họa sĩ đang đi tìm cái đẹp để đưa vào tác phẩm...

Có tiếng gà gáy xáo xáo từ một "ấp" nào đó vọng lại. Gió lùa theo dòng sông, mát rượi, làm những lớp lá sậy trên đầu Thành cứ khua lên, lao xao... Nước vẫn "ồ ồ ách", vỗ đều đều, nhẹ nhàng vào quanh hòn cù lao... Đêm tối mông lung, dịu ngọt của vùng "bán sơn địa" miền Trung như xoa nhoeo cảnh cao điểm lở lóe, đốn bốt chằng chịt dây thép gai, những con người cầm súng lặng lẽ... để tâm trí người họa sĩ được tự do theo đuổi ước vọng của mình. Hình ảnh đôi nam nữ có cái "đẹp tương phản" của màu sắc và đường nét với hai khuôn mặt ngời hạnh phúc trong dòng nước... dần dần được Thành ấn sâu vào bức tranh "tướng tượng" của mình với sự hoàn hảo về bố cục, đường nét và màu sắc. Cho đến lúc những trận địa phía sau cao điểm 330 đột nhiên nổ dồn dập như xé nát đêm tĩnh lặng, thì ý định phải vẽ bức tranh đó, vẽ ngay giữa hòn cù lao này đã bắt rễ sâu trong tâm trí của Thành...

TÁC PHẨM DANG DỞ

Truyện ngắn của THÁI CHÍ THANH

con gái nuôi chùm hoa giẻ mà ông vừa hái được từ thao trường về. Ông thấy bức tranh nằm trên giá nhưng úp quay vào vách. Lật ra xem, ông há mồm kinh ngạc khi nhận ra người trong tranh chính là cô gái làm ông mê mẩn bấy nay. Ông giận run người vì "người họa sĩ đối truy" và "cô gái nhẹ dạ" nhưng vẫn phải trở mặt nhìn tấm thân nuột nà không một mảnh vải che thân. Quân quá quắt! Vẽ được thế này thì nó tha gì không làm chuyện tầm bậy khác.

Thành mua rau về, chưa ráo mồ hôi đã bị chính ủy triệu lên, chỉnh cho một trận. Như người khác, cứ nhận đại khuyết điểm, hứa sửa chữa, chắc sẽ chẳng đến nỗi nào. Đàng này Thành lại nhem nhem cãi lại, dám bảo bức tranh bày ba đó là tác phẩm nghệ thuật. Quá đáng hơn là còn dám chê thủ trưởng là lạc hậu, thô thiển. Rốt cuộc, Thành bị tạm giam, chờ hội đồng kỷ luật giải quyết. Chuyện đang căng, lại như dầu đổ vào lửa khi "cô gái nhẹ dạ" khóc lóc rồi rắp tâm ném cho mấy chàng vệ binh đối gái vài "quả tình" để được vào động viên anh ngay trong nhà tạm giam. Thế thì quá lắm! Ai mà chịu nổi. Thành chịu kỷ luật, hạ quân hàm từ binh nhất xuống binh nhì rồi điều về đơn vị đang chuẩn bị vào B chiến đấu để "rèn luyện".

Chuyện tày trời vậy mà Thành vừa kể vừa cười, cứ như tiểu lâm. Không biết khi kể, cậu ta có thêm mắm, thêm muối gì không, nhưng anh em cười chảy nước mắt. Các thủ trưởng đại đội nghe cũng khoái ra trò nhưng không quên nhắc nhau: "phải dè chừng tới thằng cha này". Tất nhiên, họ chỉ nhắc nhau trong giao ban, hội ý thôi chứ đồ có ông nào dám "lên lớp" với Thành. Đàng trên đường hành quân vào mặt trận, chẳng ai dai gì làm rối tung mọi chuyện, có khi ảnh hưởng đến tư tưởng chung của đơn vị.

Có điều, anh em thấy Thành nói nhiều, kể nhiều về hội họa nhưng chẳng thấy cậu ta vẽ. Một lần, tiểu đội trưởng Thêm hỏi "mất":

- Sao họa sĩ chỉ thấy nói mà không thấy vẽ bao giờ nhỉ?

Thành trừng mắt nhìn Thêm:

- Cậu tưởng lúc nào cũng vẽ được à? Đùng là... là...

- Là... là cái gì? Thêm phì cười. Rắc rối quá. Cậu cứ làm như bọn tớ không thấy ai vẽ bao giờ ấy. Hồi tớ ra Hà Nội, thấy người ta vẽ tranh bán cứ nhoeo một cái là xong. Cái nào cũng đẹp, cũng giống như thật ấy...

Thành bật cười:

những kỷ vật của mình. Vài trắng anh mang theo phần lớn đã nhuộm màu đồng đội vì chiến trường cân bằng hơn là "toan" để vẽ. Những lọ, tuýp sơn dầu màu sẫm cũng chẳng còn bao vì anh em đã "sáng kiến" dùng phết lên quần áo làm nguy trang ở những nơi có địa hình khó nguy trang. Đắn đo mãi, Thành chọn những tuýp "màu cơ bản", tấm vải còn lại cùng mấy cọ vẽ vào đáy túi mìn clay-mo, trước khi xếp đạn và lương khô. Có nặng và cồng kềnh chút ít nhưng quả thực, Thành không nỡ vứt tất cả lại.

Trời tối, Thành và Thêm vượt qua dãy cao điểm "giáp ranh" xen kẽ giữa quân ta và địch, nơi hai bên dồn hết sức mạnh để tiêu diệt lẫn nhau. Càng xa cái "vành đai lửa" đối đầu đó, họ càng thấy đỡ căng thẳng, nguy hiểm và có thể "cắt góc phương vị" đến thẳng mục tiêu đã định. Vào nửa đêm, hai người đã bí mật tiếp cận gần cầu Nhi. Nếu đứng nhìn những đoàn xe nhà binh vào ra trên cầu Nhi, đừng nghe tiếng bom pháo ầm ầm vùng giáp ranh vọng đến, Thành có cảm giác như nơi đây không phải là mặt trận. Trước mặt anh là dòng sông U Lầu êm đềm, phẳng lặng. Phía bờ nam sông, lấp loáng ánh điện hắt xuống từ trong những dãy nhà bạt dựng trên sườn "cao điểm 330". Đó là sở chỉ huy tuyến sau của một sư đoàn bộ binh địch. Hai người quan sát kỹ xung quanh rồi quyết định chọn hòn cù lao um tùm lau sậy nổi lên giữa dòng sông làm vị trí bám trụ để nắm tình hình địch.

Trời sáng, Thêm và Thành càng thấy chọn vị trí ẩn náu là đắc địa, vừa kín đáo lại thật bất ngờ và tiện quan sát. Chỉ sau một ngày bám địch, Thêm nói với Thành là "chơi được" vì bọn địch ở tuyến sau, lực lượng tác chiến yếu, và chủ quan. Sau khi đánh dấu kỹ các mục tiêu vào sơ đồ "trong đầu", Thêm bảo Thành ở lại, tiếp tục theo dõi, còn anh quay về để báo cáo cấp trên và dẫn đơn vị xuống. Thành không biết rằng, đó là lần gặp nhau cuối cùng của họ vì lúc bước qua "vùng giáp ranh" Thêm đã vấp phải một quả mìn của địch.

Lần đầu tiên trong chiến dịch, Thành nằm một mình, lúc đầu anh thấy đơn độc, ngỡ như mình đang trên một đảo nhỏ, nhưng càng về đêm càng thấy dễ chịu. Đây là đêm đầu tiên kể từ ngày vào chiến dịch, Thành được nằm nghỉ trên mặt đất, hưởng gió mát thổi dọc bờ sông mà không sợ bom pháo của địch. Đùng là ở tuyến sau, bọn địch rất chủ quan, đi lại tự do, ăn uống ầm ỹ trong các lán trại phía nam bờ sông, mà đầu ngõ có tên "Việt



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

Tiếng ca nô chạy ngược dòng sông đánh thức Thành dậy. Ô... Trời sắp sáng rồi. Thành nằm yên nghe ngóng và vạch lá quan sát. Vẫn thế. Anh lẻ làng ngồi dậy vừa lấy lương khô ăn vừa hình dung lại bức vẽ mà anh "phác thảo" đêm qua. Tất cả vẫn còn đó bố cục, đường nét, màu sắc... nhưng nó chỉ hiện lên như một bức vẽ không hồn. Cảm hứng giờ đây tan biến đâu mất. Thành thần thờ. Miếng lương khô cắn dở nằm im mãi trên tay anh. Không thể để chết một "đứa con tinh thần", dù chỉ mới phôi thai. Thành với tay sửa lại lớp lá xanh trên đầu và lấy dao tiện mấy thân sậy, căng khuôn vải... Anh chuẩn bị sẵn sàng với tâm niệm, nếu nhân vật trở lại như chiều hôm qua, mình không lấy lại được cảm hứng thì coi như người họa sĩ trong mình đã vĩnh viễn ra đi.

Như đáp lại khát vọng của anh, không chờ đến khi mặt trời gần gác núi, nhân vật của anh lại xuất hiện. Thành hồi hộp ngồi trước tấm vải đã rải trên chỗ đất phẳng nhất, trong rãnh sâu, chắc là do con lữ nào đó tạo nên, nén thở, theo dõi. Sao lại chỉ có một mình cô gái đang lặn ngụp dưới sông. Khúc sông không có tiếng cười, tiếng đùa ròn lúc này sao tẻ nhạt. Ô... Kia rồi! Người con trai hôm qua bất ngờ xuất hiện trước những lùm cây ven sông, vội trút bỏ bộ đồ lính rần rần lên bờ, nhảy ùm xuống nước. Tiếng cười đùa, tiếng lặn ngụp đuổi nhau lại vang lên. Hôm nay, họ bơi ra xa hơn, có lúc gần đến hòn cù lao nhưng có lẽ vì nước chảy xiết, nên bị dạt xuôi và lại lặn biển. Đùa rờn như hai đứa trẻ một hồi lâu, dường như mệt và thấm lạnh, cả hai người lên bờ, nép vào tán một bụi cây. Chẳng hiểu họ nói với nhau những gì mà cô gái chỉ còn cười bên lên rồi giấu mặt trong hai cánh tay đang khoanh trên đầu gối. Chàng trai khoác cánh tay màu đồng hun lên vai cô gái, làm cô ta như chợt tỉnh, nhòm người qua bụi cây, nhìn lên dốc rồi bất ngờ lao xuống dòng nước. Chàng trai cũng băng mình, lặn theo. Một lát sau, họ lại nhoi đầu lên khỏi mặt nước rất gần Thành. Dòng nước chảy rẽ qua cù lao, tạo thành vòng xoáy mạnh nên hai người cố sát vào gần hòn cù lao mà cứ dập dềnh một chỗ. Chàng trai bỗng ghé sát vào cô gái, nói gì đó rồi vừa lấy sức bơi vượt lên, vừa kéo cô ta theo... Họ đã thắng được dòng nước quẩn, diu nhau đi vòng ra một bên, chọn một nơi kín đáo, cùng nằm bên nhau, trò chuyện. Họ ngồi khuất trong lùm cây lau, sậy rậm rạp, cách Thành cỡ gần chục bước chân, nên anh chỉ nghe tiếng được, tiếng mất. Rõ nhất là những tiếng cười, khi rúc rích, khi thành chuỗi trong trẻo của cô gái. Có một khoảng khắc lặng gió, lau, sậy ngừng lao xao, trong tiếng sóng óc ách vỗ vào cù lao, Thành nghe lờm bõm

- Hương Hương... Nghe anh, ngày mai về Huế kéo ba giặc...

- Kệ ba... Hè của em còn dài dài à...

- Bộ cùng định nghỉ mát hoài ở chiến trường sao? Liều quá ta.

- Chiến trường như vậy còn thú vị hơn bãi tắm ở Thuận An đó...

- Cùng lại nổi máu phiêu lưu nghệ sĩ rồi... Bom đạn không nề người đẹp đâu nghe...

- Ở đây miễn chi có bom đạn. A... anh lại đùa với ba, hù em nghe...

Họ còn nói gì nhiều lắm, nhưng tiếng khê dấn, khê dấn cho đến lúc những thân cây sậy, cây lau quanh họ rung lên... rung lên như đang bị một cơn lốc nhỏ quẩn đảo...

Trong lúc đôi tình nhân đang ngây ngất khi được hiển dương cho nhau thì tấm toan nhỏ cũng đã phủ kín màu. Thành thấy lòng lâng lâng, vì lâu lắm rồi, anh mới có được cảm xúc hưng phấn tuyệt vời như vậy. Dấu bức họa chưa xong, nhưng anh biết, đây là tác phẩm tâm huyết của anh. Bên cạnh khuôn mặt người đàn ông khoáng đạt, nhưng dữ dội là khuôn mặt thanh tao, sáng ngời, vừa phảng phất sự dẽ mề của hạnh phúc lại vẫn có cái gì đó rất mạnh mẽ nhưng cũng không che giấu được nét bí ẩn, thâm kín của cô. Từ bộ ngực căng tròn đầy khát vọng của cô trở xuống là tấm thân lấp lánh, uốn lượn trong những vòng tròn sóng nước lan toả nửa thực, nửa ảo. Đan xen vào đó là màu sẫm của nửa thân dưới chàng trai, càng nhấn sâu thêm sự bí ẩn xung quanh và càng tôn thêm vẻ đẹp hoàn thiện của nàng...

Tiếng ca nô đến gần, lời tâm trí Thành ra khỏi bức vẽ. Anh nhìn qua kẽ hở được vạch ra những thân cây lau, thấy một chiếc ca nô chở đầy lính đi tuần tiểu, đang gần ngang qua hòn cù lao. Bỗng một tên lính chỉ vào chỗ đôi tình nhân, hét tướng lên: "Việt cộng! Việt cộng!" và xô ngay một loạt đạn ngắn cây tung bụi và lá cây nơi hai người tình đang nằm. Tiếng hét rú lên của cô gái và chàng trai, đứng bật dậy, la lối gì đó nhưng bị tiếng ca nô át đi.

Chiếc ca nô giảm tốc độ, ép gần vào hòn cù lao. Đôi tình nhân đã kịp mặc đồ tắm, vội đứng dậy, vẫy vẫy tay kéo bọn lính xả đạn vào. Bọn lính trên ca nô bỗng cười ré lên khi thấy họ và nhảy lên hòn cù lao. Bất ngờ quá, họa sĩ của chúng ta chưa kịp phản ứng thì một tên lính trông thấy, hốt hoảng:

- Ê... Ê... Việt cộng! Việt cộng... Liền sau đó là một tiếng nổ khủng khiếp...

Thành chới vờ... ngã gục, dề lên cả bức vẽ.

Khi bọn lính khiêng người Việt cộng bê bê máu lên ca nô, cô gái và chàng trai vẫn chưa hết kinh hoàng. Hai người không tin nỗi sự thật vừa xảy ra giữa hòn cù lao, nơi họ vừa trao nhau hạnh phúc.

Những người lính thu dọn chiến lợi phẩm bỗng cười hô hô và gờ gờ bức vẽ lên. Thoạt đầu Hương Hương ngỡ đó là lá cờ trắng, nhưng thấy bọn lính cứ xúm xuýt xem và phá lên cười, cô kéo người tình đến. Bọn lính giằng lối cho cô vào. Mắt chúng rời khỏi bức tranh, nhìn trân trân lên khắp thân thể cô, nhưng không đứa nào nhận ra cô chính là người thiếu nữ đang tắm trong bức tranh. Viên đại tá - ba cô, cũng đã ra tận hiện trường. Ông lướt mắt qua bức tranh còn chưa khô màu sơn và một góc bị thấm do mà ông không rõ vì máu của tên Việt cộng hay do sơn vẽ dầy ra rồi mất mắt nhìn cô con gái "cứng" đang run run tay đỡ bức tranh, mặt biến dạng như đang khóc. Ông khó chịu, định vứt bức tranh, Hương Hương hốt hoảng, giữ tay ông:

- Thưa ba... Ba cho con xin...

Đêm đó, Hương Hương ngồi chết lặng trước bức tranh. Là một nữ sinh văn khoa, cô đã đọc, đã xem rất nhiều tác phẩm nổi tiếng, nhưng chưa có tác phẩm nào gây ấn tượng mạnh mẽ như vậy. Có thể vì tác giả đã vẽ cô hoặc vì những vết máu loang lổ ở góc bức tranh như chữ ký nhuộm nhoẹt, vội vã của tác giả? Cũng có thể đây là lần đầu tiên, cô nhận ra vẻ đẹp vừa dữ dội mà vừa thâm kín của mình. Rồi cô cũng sốt nhận ra, tác giả bức tranh phải có một tài năng, một xúc cảm, một tâm hồn đẹp lắm mới tạo nên tác phẩm như vậy...

Sáng hôm sau, Hương Hương xin ba mình cho phép

đi thăm "tên Việt cộng". Viên đại tá ngạc nhiên nhìn con gái rồi lạnh lùng:

- Hần chết rồi.

Ngày sau đó, ông ta bảo viên trung uý - người tình của cô, lái xe Zép, đưa cô trở vào Huế.

Trên đường đi, Hương Hương nằng nặc bắt người tình tìm giúp mình tìm mộ của tác giả bức tranh rồi báo ngay cho cô. Người tình của cô không dấu nổi sự khó chịu nhưng cũng phải hứa sẽ giúp.

Nhưng rồi, anh ta không bao giờ thực hiện được lời hứa của mình vì ba tháng sau - giữa lúc cô nhận ra trong bụng mình đang hình thành một thai nhi, tác phẩm của một tình chảy bóng trên hòn cù lao, thì nhận tin người yêu tử trận.

Quán cà phê "Hương Hương" mấy chiều nay người ta lại thấy một ông khách lạ, vào ngồi hàng giờ mà chỉ uống một li cà phê và hút vài điếu thuốc rế tiền. Khách hay lại rai ở đây, thường là khách quen, xếp ông ta ta là kẻ "lập dị". Họ nói vậy, kể ra cũng chẳng oan vì bề ngoài, anh ta cụt cả hai bàn tay, mặt lại có nhiều vết sẹo, rất khó coi. Đã vậy, mỗi khi có bà chủ hoặc cô con gái của bà, anh ta thường ngáy người như kẻ si tình. Gần như anh ta chẳng mấy khi nói, ngoài vài hai tiếng "cảm ơn" khi có người giúp anh ta mỗi thuốc.

Chiều nay, quán vắng hoe, duy chỉ mỗi mình anh ta đang ngồi lặng lẽ bên ly cà phê đã nguội ngắt.

Cô gái chủ quán vừa trông thấy mẹ về, reo lên:

- Má đã về... Tiểu thuyết của má vẫn chưa in xong hả má?

- Sắp rồi con ạ... Người mẹ trả lời, gạt đầu chào người khách "lập dị" rồi cùng cô con gái vào nhà trong. Một lát sau, tiếng hai mẹ con vọng ra:

- Hương Giang à... Ngoại lại gửi giấy bảo lãnh cho má con sang bên

- Lấn nì thì má tính rằng?

- Ở... ở... Khó nghĩ quá con à. Không đi thì má thương ngoại một mình bên ấy... Mà đi thì không đành...

- Con hiểu! Nhưng mà mình mỗi hai má con... đi cũng gọn...

- Không gọn đâu con ạ... Liệu má con mình có mang theo cả mẹ ba con. Lại cả... Người má thở dài.

- Kia má! Má lại xúc động rồi...

Im lặng một lúc, người má lại nói

- Hay là... ta đón ngoại về...

Hai mẹ con như chợt nhớ còn một người khách ngoài tiệm, nên im bất. Một lát sau, họ ra, chỉ thấy tờ giấy bạc của người khách đặt trên bàn, kê dưới ly cà phê còn nguyên. Chợt thấy tờ báo cũ người khách bỏ quên trên ghế, cô gái cầm lên, thấy trang văn nghệ gặp ra ngoài từ trước có truyện ngắn "Bức tranh đang dở", thốt lên: "Má ơi... ông khách quên tờ báo in truyện của má nè". "Chẳng lẽ...". Người mẹ lăm lăm bấm rùi vội chạy ra ngõ. Đường phố đang giờ tan tầm, người và xe đông nghịt, không tài nào phát hiện ra bóng dáng người khách lập dị mà chị linh cảm là nhân vật trong truyện ngắn của mình.

Chị không thấy được, lúc đó, người khách "lập dị" đã ngồi trên xe ôm, mặt méo xệch vì xúc động. Khi xe đã chạy, anh ta mới nhìn lại quán Hương Hương, thắm thốt lên: "Vũ Thành này xin cảm ơn và chào vĩnh biệt tác phẩm đang dở của đời tôi!"

SÁU giờ chiều ngày 28 tháng 8, bản Tuyên bố Hà Nội của Ủy ban Thường trực Hội Nhà văn Á - Phi được thông qua tại kỳ họp lần thứ nhất tại thành phố Hạ Long. Trong bản Tuyên bố này, Ủy ban Thường trực đã nói rõ với tất cả các Hội Nhà văn châu Á và châu Phi là thành viên chính thức của Hội Nhà văn Á - Phi và nhiều hội nhà văn trên thế giới lý do vì sao Ủy ban Thường trực Hội Nhà văn Á - Phi lại chọn Việt Nam để tiến hành Hội nghị lần thứ nhất sau khi Đại hội tái thành lập Hội Nhà văn Á - Phi được tiến hành tại Cairo, Ai-cập vào tháng 12 năm 2012. Bản

thông qua. Lúc đó tôi mới cảm thấy nhẹ nhõm. Ngoài trách nhiệm của cá nhân tôi với Hội Nhà văn Á - Phi, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ với Hội Nhà văn mà cụ thể là nhà thơ Hữu Thịnh, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, giao phó.

Sau khi Đại hội tái thành lập bế mạc ở Cairo, tôi đã chuyển lời chúc mừng thành công của Đại hội và lời mời đến thăm đất nước Việt Nam của Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, nhà thơ Hữu Thịnh. Và khi Tổng thư ký Hội Nhà văn Á - Phi thông báo về việc tổ chức Hội nghị Ủy ban Thường trực Hội Nhà văn Á - Phi tại Việt Nam thì nhiều người đã reo lên. Tuy

diễn ra trong bình an. Tự đáy lòng, xin cảm ơn nhân dân Việt Nam với sự ấm áp, chân thành, hiếu khách dành cho chúng tôi. Đây là một trải nghiệm chúng tôi sẽ nhớ mãi và mang theo trong lòng...".

Ban đầu, Hội nghị dự định tổ chức vào cuối tháng 6 năm 2013 nhưng phải hoãn lại. Lúc đó, tình hình chính trị ở Ai-cập đang trở nên vô cùng căng thẳng. Nhà văn Mohamed Salmawy cùng một số cộng sự của ông không thể đến Việt Nam trong thời gian đó. Ở Ai-cập, ông là một chính khách không kém phần quan trọng. Ba ngày trước khi sang Việt Nam, Tổng thống Ai-cập đã gặp ông để đàm

neghi, nhưng với danh nghĩa là Chủ tịch Hội Nhà văn Á - Phi, ông kêu gọi các nhà văn: "Những gì chúng ta đang chứng kiến trên thế gian này là những điều chẳng mấy tốt lành đối với toàn nhân loại. Bạo lực không phải là giải pháp cho những vấn đề của thế giới hiện nay. Nền văn minh nhân loại chỉ có thể được cứu vớt dựa trên triết lý của lòng khoan dung và sự tôn trọng đối với đức tin của người khác. Triết lý của lòng hận thù và sự bá quyền phải bị chối từ ở mọi cấp độ.

Vì điều đó, tôi kêu gọi các nhà văn trong một cơ hội đầy điểm lành này hãy dùng sức mạnh ngòi bút của mình để bảo

THÔNG điệp CỦA TÌNH YÊU THƯƠNG VÀ SỰ THA THỨ

NGUYỄN QUANG THIỀU

tuyên bố nêu rõ: "Hội nghị ở Việt Nam đã giúp tăng cường tình đoàn kết giữa các dân tộc châu Phi và châu Á, những dân tộc đã nỗ lực hết sức mình để giành độc lập và tự do, họ đã noi theo tấm gương của Việt Nam và cuộc đấu tranh huyền thoại của Việt Nam để giành lấy độc lập và tự do. Trong nhiều năm qua, Việt Nam đã biểu tượng hóa cuộc đấu tranh giành tự do của họ bằng một con đường cao quý nhất. Với con đường đó, nhân dân Việt Nam đã giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh cho độc lập, tự do và họ cũng đã giành được thành công trong việc xây dựng đất nước và phát triển nguồn lực để đảm bảo tương lai tươi sáng hơn cho dân tộc mình. Và với con đường đó, Việt Nam đã trở thành biểu tượng cho cuộc đấu tranh giành tự do cũng như là một tấm gương cho sự phát triển, thịnh vượng và hoà bình".

Bốn nước được phân công soạn thảo bản Tuyên bố Hà Nội là Uganda, Iraq, Sudan và Nga. Bốn giờ chiều ngày 28 tháng 8, nhà văn Mohamed Salmawy, Tổng thư ký Hội Nhà văn Á-Phi và tôi, Phó Tổng thư ký thứ nhất, cùng nhau nghe dự thảo bản Tuyên bố. Sau đó, chúng tôi góp ý và điều chỉnh bản Tuyên bố. Khi tôi nói với nhà văn Salmawy là bản Tuyên bố cần nhấn mạnh vì sao Ủy ban Thường trực Hội Nhà văn Á - Phi chọn Việt Nam để tiến hành Hội nghị lần thứ nhất, thì nhà văn Mohamed Salmawy đã đọc như thuộc lòng cho thư ký đánh máy những điều về đất nước Việt Nam, như một phần đã trích ở trên. Tôi hiểu rằng, ông là một nhà văn có sự hiểu biết sâu sắc về dân tộc chúng ta. Đúng 6 giờ ngày 28 tháng 8, bản Tuyên bố được



Ban lãnh đạo Hội Nhà văn Á - Phi chụp ảnh lưu niệm cùng nhà thơ Hữu Thịnh

Ảnh: PHONG LAN

hiên cũng có những thành viên bản khoản không tin Hội nghị có thể tiến hành được. Chính vậy mà trong buổi họp báo kết thúc Hội nghị, nữ nhà văn Hilda Twongyeirwe, Phó Tổng thư ký Hội Nhà văn Á - Phi phụ trách châu Phi, người đến từ một đất nước châu Phi xa xôi, một đất nước mà người dân ở đó hầu như chỉ biết đến Việt Nam với hai từ: Hồ Chí Minh và Điện Biên Phủ, đã phát biểu: "Ngay tại cuộc gặp gỡ Cairo, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều đã tuyên bố Việt Nam sẽ đăng cai tổ chức hội nghị lần thứ nhất, ý tưởng này đến với chúng tôi vào lúc đó như một giấc mơ. Chúng tôi hạnh phúc vì lời hứa đó đã trở thành hiện thực trong tháng 8/2013 này. Cảm ơn Hội Nhà văn Việt Nam và các cộng sự đã giúp Hội nghị thành công tốt đẹp. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn Chính phủ Việt Nam đã tạo điều kiện để hội nghị của chúng tôi

đạo về tình hình đất nước họ. Chính vậy mà Hội nghị phải hoãn đến cuối tháng 8 năm 2013. Nhưng nhà văn người Ấn Độ Ali Javed, Chủ tịch Hội Nhà văn Á - Phi, lại không thể đến Việt Nam để dự Hội nghị. Bác sỹ đã không cho phép ông đi xa. Hai ngày trước khi khai mạc Hội nghị, ông gửi thư cho Hội nghị. Trong lá thư đó, ông đã viết "với một trái tim trĩu nặng" và quyết định phải ở lại Ấn Độ đối với ông "là một quyết định đau buồn", bởi với ông: "Đất nước Việt Nam đã quyến rũ tôi từ khi tôi còn là một cậu bé và đất nước này đã trở thành nguồn cảm hứng bởi lịch sử cách mạng của dân tộc đó. Hồ Chí Minh vẫn là một Người anh hùng đối với hàng triệu người dân Ấn Độ. Người được chúng tôi coi là một biểu tượng của hòa bình. Tôi là một người lạc quan, và tôi tin rằng tôi sẽ đến Việt Nam trong một ngày gần nhất". Tuy không thể đến được Hội

vệ hòa bình và tình anh em quốc tế. Hãy nói không với chiến tranh, hãy nói không với sự hận thù tôn giáo và sắc tộc. Tất cả chúng ta đều là một và luôn luôn là một trong mọi mặt của cuộc sống ngày ngày".

Sáng ngày 26 tháng 8, Hoạt động mở đầu cho Hội nghị lần thứ nhất Ủy ban Thường trực Hội Nhà văn Á - Phi tại Việt Nam là Hội nghị bàn tròn với chủ đề "Sứ mệnh của các nhà văn Á - Phi trong thời đại toàn cầu hóa" do Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, nhà thơ Hữu Thịnh và Tổng thư ký Hội Nhà văn Á - Phi, nhà văn người Ai-cập Mohamed Salmawy chủ trì. Trong diễn văn khai mạc Hội nghị bàn tròn, nhà thơ Hữu Thịnh viết: "Thế hệ nhà văn chúng ta có mặt tại đây có hạnh phúc được chứng kiến nhiều sự đổi thay to lớn của thế giới. Thế kỷ XX có thể được xem là thế kỷ của Châu Á và Châu Phi. Từ đối tượng của thôn tính, của chiếm đoạt và khai thác, chúng ta đã giành được độc lập. Đó là thắng lợi kép, thắng lợi của độc lập và thắng lợi của văn hóa. Từ thân phận bị sáp nhập vào thế giới, chúng ta thành chủ thể tham gia vào bức tranh nhiều màu sắc của thế giới... Từng trải qua chiến tranh và luôn nhạy cảm trước nỗi đau trần thế, chúng tôi chia sẻ sâu sắc những gì diễn ra ở Ai Cập, ở Xê-ri-a, ở I-rắc và ở Li-băng mới đây. Chúng tôi tin chắc cuối cùng công lý, lẽ phải và tình thương sẽ tìm ra những giải pháp tốt nhất để văn hồi hòa bình và nhân tính. Vì là những dân tộc đã trải qua quá nhiều đau khổ do chủ nghĩa thực dân gây ra, các nhà văn Á - Phi có lý do đặc biệt để chào đón toàn cầu hóa. Chúng tôi hiểu toàn cầu hóa có rất nhiều tiềm năng và

cơ may cho giao lưu văn hóa. Chúng tôi cho rằng toàn cầu hóa là sự phổ biến tự do và bình đẳng của các nền văn hóa, cùng giao tiếp và bổ sung cho nhau... Tiếp thu thế giới, để làm độc đáo và đặc sắc thêm văn hóa bản địa. Phát huy dân tộc là làm giàu thế giới.

.....
 Vì là những dân tộc đã trải qua quá nhiều đau khổ do chủ nghĩa thực dân gây ra, các nhà văn Á - Phi có lý do đặc biệt để chào đón toàn cầu hoá. Chúng tôi hiểu, toàn cầu hoá có rất nhiều tiềm năng và cơ may cho giao lưu văn hoá. Nhưng toàn cầu hoá không phải là một buổi chợ phiên, trong đó xuất hiện các gánh hát, chỉ một số nước lớn đứng trên sàn diễn, các quốc gia còn lại đóng vai trò những người đi xem và vỗ tay. Chúng tôi không quan niệm toàn cầu hoá như vậy. Chúng tôi cho rằng, toàn cầu hoá phải là sự phổ biến tự do và bình đẳng của các nền văn hoá, cùng giao tiếp và bổ sung cho nhau. Tư duy lãnh mạnh sẽ làm nảy nở biết bao hình thức sinh động và các cơ hội tốt đẹp cho giao lưu và hợp tác. Trong đó, văn học thể hiện ưu thế nổi bật trong việc hiểu biết và khám phá con người, nó thấp nên những ngọn nến và làm chúng ta xích gần nhau trong sự cầu nguyện chung cho hoà bình, hạnh phúc và an ủi những nỗi bất hạnh còn quá nhiều trên hành tinh đau khổ của chúng ta. Tình bạn và lương tâm nhà văn sẽ làm cho mọi tiềm năng trở thành hiện hữu và hy vọng nở hoa trong tâm tay.

Những điều tốt đẹp nói trên chỉ có thể thực hiện được khi mỗi nền văn học phải là những thực thể không gì thay thế được. Tiếp thu thế giới, để làm độc đáo và đặc sắc thêm văn hoá bản địa. Phát huy dân tộc là làm giàu cho thế giới. Sẽ là đại bất hạnh nếu chúng ta bị sa vào cái bẫy sao chép, mô phỏng, tự hạ mình làm cái bóng của người khác. Trong trường hợp đó, toàn cầu hoá biến thành đồng phục văn hoá, và thế giới sẽ trở nên nghèo nàn một cách thảm hại".

Nhà văn Fadhl Thamir, Chủ tịch Hội Nhà văn Iraq, trên đường từ Hà Nội đi Hạ Long chiều ngày 26 tháng 8, đã nói với tôi: "Diễn văn mà nhà thơ Hữu Thỉnh đọc khai mạc Hội nghị bàn tròn đã xóa đi toàn bộ những gì còn mơ hồ trong tôi và một số thành viên khác về đất nước Việt Nam. Diễn văn khai mạc đó chính là

thông điệp của Cái đẹp và Lẽ phải". Và buổi sáng ngày 26 tháng 8, một buổi sáng cơ quan Hội Nhà văn mất điện, nhưng là một buổi sáng vô cùng quan trọng bởi nó là sự khởi đầu cho một lịch sử mới của Hội Nhà văn Á - Phi. Các nhà văn Việt Nam và các nhà văn Á - Phi đã lên tiếng về một thế giới đầy những thách thức và đe dọa nhưng cũng ngập tràn tình yêu con người và khát vọng hòa bình.

Hội Nhà văn Á - Phi được thành lập năm 1957, và 30 năm sau, năm 1987, Hội Nhà văn Á - Phi phải ngừng hoạt động. Cho đến năm 2012, Hội Nhà văn Á-Phi được tái thành lập với sáng kiến của các nhà văn Ai-cập. Các nhà văn từ hơn 50 nước đã đến Cairo để dự Đại hội tái thành lập. Họ nhận thấy sự cần thiết của tổ chức này trong việc bảo vệ bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc Á - Phi, trong việc truyền bá văn hóa và tinh thần sống của các dân tộc và trong cuộc đấu tranh cho hòa bình và quyền được sống của con người. Chính vì lý do đó mà các nhà văn đã đi qua nhiều khó khăn, thách thức để tái thành lập Hội Nhà văn Á - Phi. Và họ đã chọn Việt Nam như chọn một miền đất để bắt đầu sứ mệnh của họ đối với các dân tộc Á - Phi và thế giới.

Hội nghị chỉ diễn ra trong mấy ngày ngắn ngủi nhưng đã quyết định được một số vấn đề quan trọng của Hội Nhà văn Á - Phi. Trong những quyết định quan trọng ấy là việc tái xuất bản Tạp chí *Hoa Sen* và Giải thưởng Hội Nhà văn Á - Phi. Tạp chí *Hoa Sen* sẽ xuất bản mỗi quý một số bằng ba thứ tiếng: Anh, Pháp và Ả-rập và một phiên bản đặc biệt bằng tiếng Việt. Tại sao lại có phiên bản đặc biệt này? Đó là ý kiến tôi đề nghị các nước mà ở đó số nhà văn và bạn đọc không sử dụng được nhiều một trong ba ngôn ngữ nói trên thì hãy ra phiên bản bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Ủy ban thường trực đề nghị Việt Nam đi tiên phong trong việc xuất bản phiên bản tiếng Việt. Tôi thấy đó là một đề nghị đúng đắn vì không nhiều nhà văn chúng ta đọc được một trong ba thứ tiếng nói trên. Chúng ta cần có một phiên bản tiếng Việt để các nhà văn, những nhà nghiên cứu, giảng dạy văn học và bạn đọc Việt Nam có cơ hội tiếp cận các nền văn học của hai châu lục này. Tôi nói với các thành viên của Ủy ban Thường trực Hội Nhà văn Á - Phi là tôi sẽ báo cáo lãnh

đạo Hội Nhà văn Việt Nam và sẽ có quyết định về việc ấn hành Tạp chí *Hoa Sen* phiên bản tiếng Việt cho đủ tài chính cho việc này vô cùng khó khăn. Về Giải thưởng Hội Nhà văn Á - Phi, tại Đại hội ở Cairo năm 2012, Israel xin đăng cai trao Giải thưởng này với tên gọi là Giải thưởng Jerusalem. Tôi đã trao đổi với ngài Tổng thư ký và chúng tôi đi đến quyết định không lấy tên riêng của bất cứ quốc gia nào để đặt tên Giải thưởng vì đó là Giải thưởng của hai châu lục. Tôi đề nghị lấy lại tên Giải thưởng của Hội Nhà văn Á - Phi trước kia. Cuối cùng Hội nghị đã thống nhất lấy tên là Giải thưởng Hoa Sen. Cá nhân tôi muốn Giải thưởng Hoa Sen sẽ thường xuyên được trao ở Việt Nam. Tôi sẽ báo cáo ý tưởng này với Chủ tịch và Thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam và sẽ trao đổi với các thành viên của Ủy ban Thường trực Hội Nhà văn Á - Phi. Tôi muốn những hoạt động văn học mang tính quốc tế tác động vào đời sống văn học chúng ta như một chất xúc tác lành mạnh và như một trách nhiệm của chúng ta đối với thế giới. Và cũng từ đó, chúng ta sẽ có nhiều hơn các cơ hội để giới thiệu nền văn học chúng ta ra thế giới.

Trước khi rời Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hoàng Tuấn Anh đã mở tiệc chiêu đãi đoàn. Nhưng đây không phải là một bữa tiệc thông thường. Đây là một cuộc đối thoại văn hóa giữa Bộ trưởng Hoàng Tuấn Anh, nhà văn Mohamed Salmawy và nhà thơ Hữu Thỉnh. Nhà văn Mohamed Salmawy hỏi Bộ trưởng Hoàng Tuấn Anh bí quyết gì giúp dân tộc Việt Nam đi qua những cuộc chiến tranh tàn khốc trong suốt chiều dài lịch sử của mình để xây dựng một đất nước Việt Nam như bây giờ. Bộ trưởng Hoàng Tuấn Anh trả lời: "Bí quyết ấy chính là Tình yêu thương và sự Tha thứ". Và ngay lúc đó, nhà văn Mohamed Salmawy đứng lên và nói với các thành viên của Ủy ban thường trực Hội Nhà văn Á - Phi có mặt lúc đó: "Ngài Bộ trưởng Hoàng Tuấn Anh đã cho tôi biết bí quyết làm nên dân tộc Việt Nam mà chúng ta hằng kính trọng. Đó là Tình yêu thương và sự Tha thứ. Tôi xin tuyên bố rằng: Thông điệp lớn nhất của Hội nghị lần thứ nhất của chúng ta tại Việt Nam là Tình yêu thương và sự Tha thứ".

Trước khi rời Việt Nam, bà Randa, thư ký của Tổng thư ký Mohamed Salmawy

đã chuyển tới các Hội nhà văn thành viên một thông báo ngắn của ông về thành công của Hội nghị. Ông gọi đó là một thành công rực rỡ, một bản giao hưởng tuyệt vời của Hội Nhà văn Á - Phi và Hội Nhà văn Việt Nam và một sự tổ chức hoàn hảo.

Trở về Uganda từ ngày 1 tháng 9, nhưng mãi hơn nửa tháng sau, nữ nhà văn Hilda Twongyeirwe, Phó Tổng thư ký phụ trách châu Phi của Hội Nhà văn Á-Phi mới viết thư cho tôi. Bà nói bà cần viết một lá thư chính xác nhất về sự kiện này và về Việt Nam. Trong thư của bà có đoạn: "Tôi đã đến một số nước châu Phi và các châu lục khác trên thế giới, nhưng tôi chưa thấy ở đâu con người đáng yêu như con người Việt Nam. Các bạn đã được ban phúc sống trong một đất nước như thế. Tôi tin tưởng rằng các bạn sẽ bảo vệ được nền văn hóa của dân tộc mình, chính thế các bạn sẽ không bị các nền văn hóa khác trên thế giới thống trị. Tôi đã thực sự yêu đất nước Việt Nam. Tôi đã yêu con người của đất nước đó. Và từ khi từ Việt Nam trở về, tôi đã nói với mọi người mà tôi gặp ở đất nước tôi rằng họ phải đến Việt Nam để tận mắt chứng kiến những điều đang diễn ra ở đó. Một số người chỉ biết đến Việt Nam như là một mảnh đất của chiến tranh và súng đạn. Họ không biết đó là xứ sở của tình yêu thương. Tôi đã yêu xứ sở này, yêu con người ở đó, yêu phong cảnh ở đó, yêu những cánh rừng, yêu những ngọn núi trên vịnh Hạ Long. Tôi yêu tất cả. Tôi hy vọng sẽ viết một bài thơ về xứ sở đó. Tôi đã bắt đầu viết nhưng bài thơ vẫn chưa kết thúc.

Cuối cùng tôi muốn nói cảm ơn Hội Nhà văn và cá nhân Chủ tịch Hữu Thỉnh và cá nhân anh vì sự hợp tác giữa chúng ta và việc tổ chức hội nghị không chê vào đâu được. Mọi việc đã diễn ra thật tuyệt vời. Khi tôi đọc thư anh gửi cho các thành viên tham dự Hội nghị, trong thư đó anh nói lời xin lỗi nếu việc tổ chức Hội nghị còn có gì sơ xuất thì tôi thực sự băn khoăn tự hỏi: vì sao anh lại nói đến cái điều mà nó không thể nào xảy ra ở đó được. Mọi điều đều hoàn hảo. Và tôi tin chắc mọi người đến Việt Nam dự Hội nghị cũng đều nói với các anh như tôi vậy".



Nhà thơ Hữu Thỉnh - Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam bắt tay nhà văn Mohamed Salmawy - Tổng Thư ký Hội Nhà văn Á - Phi



Từ trái sang: Nhà văn Sudan, nhà văn Kuwait (áo trắng), nhạc công, nữ nhà văn Uganda và nhà thơ Nguyễn Quang Thiều

DIỄN ĐÀN LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC

THƠ VÀ KHÔNG CHỈ LÀ THƠ

MÃ GIANG LÂN

Nhiều người cứ bàn khoăn thơ được sáng tác nhiều, in ấn phong phú đa dạng như vậy rất khó cho việc bao quát nhận định về thực trạng và chất lượng của phong trào thơ, của nền thơ hiện nay. Số lượng nhiều nhưng tác phẩm hay lại ít. Tiêu chí đánh giá thơ rất phân tán và tình trạng loạn chuẩn đáng báo động. Nhiều bài bình luận tác giả tác phẩm thơ chỉ là những lời tán tụng ồn ào bốc thơm vô căn cứ, có khi còn bộc lộ những hiểu biết thô sơ, thô thiển hoặc vênh vác sùng ngoại... Quả là như thế và không đơn giản như thế. Theo tôi những năm qua, ít nhất là những năm cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XIX này, diện mạo chung của thơ nhưng không chỉ là thơ, cần có nhiều quan tâm, suy nghĩ tâm huyết, nhiều tiếng nói mới hy vọng gợi mở được đôi điều.

1.

NẾU đúng mỗi năm chúng ta có chừng một nghìn tập thơ được xuất bản thì từ đây suy ra số người làm thơ sẽ là mấy nghìn người. Lực lượng sáng tác ấy từ nhiều nguồn, nhiều trình độ, tâm thế khác nhau. Có người lặn lội với thơ, lấy thơ làm nghề sống, coi thơ là nghiệp. Có người đến với thơ, lấy thơ làm sang với đời nhất là khi "trong tay đã sẵn đồng tiền". Có người nhờ thơ để dốc bầu tâm sự, sau những tháng năm miệt mài sống trách nhiệm. Với họ thơ để giao hòa giao cảm, để chia sẻ trong những lúc có điều kiện. Cũng không ít người đến với thơ như một thú chơi, chơi chữ, chơi xếp đặt cất dấn, chơi trình diễn, xáo trộn thơ với các nghệ thuật khác. Họ quan niệm thơ trong tay tạo hóa, tự do tung hứng, chẳng bận tâm tới hậu quả. Vậy thì quan niệm thơ, quan niệm nhà thơ, trách nhiệm nhà thơ với xã hội phải khác đi. Bây giờ là kinh tế. Tư duy kinh tế, hoạt động kinh tế trở thành trung tâm lấn át mọi hoạt động đời sống xã hội. Thơ có khi lạc lõng, may ra chỉ để cho người làm thơ đọc.

Vậy thì đâu phải là lỗi ở thơ. Xã hội cần cái gì? Cần kinh tế phát triển, đời sống nâng cao, vật chất dồi dào, tinh thần sảng khoái. Sau những giờ lao động căng thẳng trong môi trường xô bồ sôi động, người ta cần nghỉ ngơi hơn, cần xem những gì bổ mắt, cần nghe những gì vui vẻ, yêu đời. Còn thơ, hàm súc, chữ nghĩa cao siêu với hình tượng, biểu tượng gợi cảm, có khi phải trầm tư tưởng tượng thì quả là một mối phiền toái thêm. Hàng nghìn người làm thơ đa phần là các câu lạc bộ thơ rải rác ở phố phường và cả làng quê khắp đất nước. Họ cần có thơ nhưng là loại thơ dễ hiểu, có nhịp điệu ngôn ngữ đời thường, giản dị, phù hợp với thẩm mỹ người đọc người nghe. Thơ sáng tác theo yêu cầu thị hiếu công chúng đại chúng có chức năng giải trí nhiều hơn. Những tìm tòi cách tân trở nên xa lạ không cần thiết.

Ở một phía ngược lại, muốn phá bỏ truyền thống, tìm cái mới cái lạ, khác người khác mình, bộc lộ mạnh mẽ quyết liệt bản ngã. Đây là lớp trẻ có nội lực phong phú, có

trình độ, có giao lưu rộng với tâm nguyên đưa thơ Việt hòa vào mặt bằng thơ thế giới. Cần chia sẻ trân trọng. Không khí thơ quả thực có sôi động hơn, nhưng kết quả chưa nhiều, chưa tương xứng với tâm huyết sức lực bỏ ra. Có trường hợp ngộ nhận đưa thơ khỏi quỹ đạo, sa đà phá phách. Theo tôi, số tác giả trẻ này không nhiều so với phong trào chung và lượng tác phẩm xuất bản không lớn, có điều họ biết quảng bá, biết cách gây "sốc".

Kết ở giữa là lực lượng nền của thơ. Lực lượng được hình thành phát triển trong những năm kháng chiến chống Mỹ và đặc biệt lớp nhà thơ xuất hiện từ sau năm 1975, tạo nên phẩm chất mới cho thơ. Những cây bút 5X, 6X đã làm thay đổi diện mạo thơ, gạt hái được nhiều thành tựu. Từ truyền thống họ biết học tập, tiếp thu tinh hoa các nền thơ thế giới một cách chọn lọc có sáng tạo. Nhiều tập thơ của họ được đánh giá cao, được ghi nhận là những đóng góp thực sự, chắc chắn.

2.

Chưa có thống kê đối sánh để nói thơ ở ạt bung ra quá nhiều so với các loại hình in ấn khác. Đúng là nhiều và có nhiều tập thơ kém chất lượng. Nhưng có phải vì thế mà "loạn chuẩn"? Không nên đặt chuẩn, ép chuẩn theo trình độ thị hiếu của một vài người nào đó. Mỗi người làm thơ, đọc thơ có cái chuẩn của riêng mình. Bấy nhiêu người làm thơ đọc thơ với những tâm trạng hoàn cảnh khác nhau, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp khác nhau sẽ hình thành rất nhiều cách đánh giá, định giá thang bậc cho thơ. Ở đây cũng không phải lỗi của thơ nhiều, ít. Cái loạn hiện nay là "loạn giá trị" mà trách nhiệm đầu tiên thuộc về những người viết phê bình giới thiệu.

Một tập thơ thời mà người viết nhận xét cho là có không khí hậu hiện đại, người thứ hai cho là thơ tượng trưng, người tiếp theo cho là thơ siêu thực... cứ thế khoác lên những chiếc áo cũ vay mượn, chẳng biết thơ có bị ô nhiễm không nhưng chắc là khó thở. Một nhóm thơ hải ngoại rông rã hai mươi năm rồi, cố gắng xây dựng một Tân hình thức cho thơ Việt. Tân hình thức cũng gò vào thể luật vần, tình truyện, kỹ thuật vắt dòng và lặp lại kết hợp với hiệu ứng cánh bướm... Nhưng "tân nội dung" của Tân hình thức đôi khi chỉ là những thứ lật vạt, tầm thường, còn "đời sống bình thường tự nhiên, thoải mái, thể hiện mong ước của con người mang tính nhân bản, niềm vui và hạnh phúc trong tinh thần cảm thông bình đẳng" thì thật dễ dãi nhàm chán. Ấy vậy, gần đây (2012), có người viết bài bệ vệ biểu dương thơ Tân hình thức. Tôi ngờ rằng tác giả bài viết hiểu về Tân hình thức và thơ Tân hình thức còn lơ ngơ lắm, thấy lạ thì xáp vào hy vọng tìm được một hồi âm có cánh. "Viết về một điều mà mình không biết, càng làm cho người đọc thấy rõ là mình không biết". Trên báo chí hiện nay rất nhiều bài phê

binh giới thiệu thơ. Thơ in nhiều cũng cần có nhiều quảng bá thơ. Có nhà phê bình chuyên nghiệp, có nhà thơ, có người hứng chí tạt vào thơ đông đưa ít dòng cảm nhận. Thế nên phê bình thơ nhiều màu sắc và tạo được không khí dân chủ lành mạnh. Dù chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp, nghiên cứu hay sáng tác, bài phê bình cần có ý kiến thuyết phục cả về lý và tình, nói đúng và trúng những đặc sắc đặc trưng của thơ không thể chung chung hời hợt. Người đọc phản nản nhiều bài phê bình yếu kém không hiểu thơ, không cảm thụ được thơ, hoặc tăng bốc nhau vì những quan hệ tế nhị. Một tệ hại gần đây xuất hiện lần ạt nhân cách người viết phê bình là gây nhiễu hoặc có thể do trình độ thẩm thơ, thị hiếu hạn hẹp của người viết. Dùng những thuật ngữ, từ ngữ sang trọng, khoa trương để tôn vinh những câu chữ quá bình thường, những thứ chưa thành phẩm nâng lên chất lượng cao quảng bá trên sách báo trên trang mạng. Người đọc thờ ơ với thơ, luôn thể quay lưng với phê bình, không tin phê bình thơ nói được điều gì khả dĩ.

3.

Mỗi năm có bao nhiêu chống thơ bày ra trước mắt. Tôi chỉ có điều kiện, khả năng tập trung đọc những tập thơ của các tác giả đã được khẳng định. Số thơ đó chẳng thấm vào đâu so với khối lượng thơ khổng lồ hàng ngày hàng giờ được định hình trên sách báo. Nhưng tạm bằng lòng với phạm vi đọc như thế (khi cần thiết đọc mở rộng hơn) để có cái nhìn chung về thơ, về một giai đoạn thơ và những đặc sắc, sự vận động của thơ Việt. Cứ quan sát kỹ sẽ thấy các tác giả phong trào hầu hết ở tuổi hồi hưu thường trở về với những âm điệu nhẹ nhàng mực thước. Thanh điệu tiếng Việt phong phú lôi kéo các cây bút thơ này gắn bó với những gì quen thuộc cùng với những giải bày tâm trạng nỗi niềm cá thể hồn nhiên làm nên đặc điểm thơ của họ. Ngay cả thế hệ các nhà thơ thời kỳ chống Mỹ cứu nước (thế hệ 4X) sau những tìm tòi đổi mới sôi động, bây giờ cũng đã tạm yên lòng với những biểu đạt gọn gàng trong sáng. Gánh nặng sáng tạo, theo tôi đặt lên vai thế hệ 5X, 6X mà hướng đi, thành tựu đã rõ. Thế hệ này là nguồn, là động lực vẫy gọi các thế hệ sau hòa đồng và hướng tới những kỳ vọng mới. Tất nhiên còn phụ thuộc vào đời sống chính trị xã hội văn hóa con người. Thơ cũng như các hoạt động nghệ thuật khác không thể thoát ly môi trường môi sinh đó. Người sáng tác, người phê bình cũng cần thực tế, tránh hoang tưởng, nhận chân thực trạng thơ, tham gia và có những ứng xử tích cực để thơ đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống.■

1 Tập chí Thơ số Mùa Xuân, 2003, tr.5, Garden Grove, California, USA.

TRAO ĐỔI

NHẬT KÝ TRONG TÙ CÓ BAO NHIÊU BÀI THƠ?

NGUYỄN HOÀNG SƠN

BÁO Văn nghệ số 37 (ngày 17/9/2013) khá phong phú, nhưng tôi chú ý nhất đến những bài viết nhân sự kiện 70 năm ra đời của tập thơ Nhật ký trong tù (1943- 2013). Đây là một sự kiện văn học lớn, từng làm sôi nổi văn đàn trong nhiều năm ngay khi công bố bản dịch đầu (chưa đầy đủ) và kéo dài mãi tới bây giờ. Bài viết (rút gọn) của dịch giả Thủy Toàn (trang 11) cho ta cái nhìn toàn cảnh về sự hiện diện của tác phẩm này trên thế giới, trong vài chục ngôn ngữ khác nhau... Trang 16 là bài viết của GS Hà Minh Đức, trang 17 là bài viết của GS Phong Lê, có thể coi là những chuyên gia đầu ngành về tác phẩm quan trọng này? Nhưng ở ngay hai trang báo mở rất gần nhau này, hai GS đã không thống nhất được về một điều tưởng như rất đơn giản: Nhật ký trong tù có bao nhiêu bài thơ? Hà Minh Đức viết: "Nhật ký trong tù gồm 133 bài. Bản dịch đầu tiên của Viện Văn học (1960) gồm 114 bài. Đến năm 1990 toàn bộ 133 bài được dịch và giới thiệu trọn vẹn."... Một đoạn sau, nhắc đến cuộc tranh luận về tác giả của tập Nhật ký... từ

những năm 90 thế kỷ trước, tác giả lại viết "sự thực thì cuốn sổ màu vàng nhạt và có 133 bài thơ". Có thể thấy Hà Minh Đức không hề nghi ngờ gì về con số này. Ngay trang bên, GS Phong Lê lại viết: "Giản lược như trên để thấy sự ra đời 135 bài thơ chữ Hán trong Ngục trung nhật ký, được Hồ Chí Minh viết trong khoảng thời gian từ tháng 8- 1942 đến 9-1943, nơi các nhà ngục ở Quảng Tây - Trung Quốc, là một sự kiện rất đặc biệt, và cũng có thể là bất ngờ đối với tác giả". Cũng con số ấy, một đoạn sau, Phong Lê nhắc lại "Trong 14 tháng bị giam giữ và giải tới giải lui qua nhiều huyện thị của tỉnh Quảng Tây; trong hoàn cảnh sinh hoạt rất mực gian khổ của người tù mà nhờ hình thức thơ - nhật ký ta được biết, Hồ Chí Minh đã làm 135 bài thơ. Đó là cả một kỷ lục". Ông còn nhắc lại một lần thứ ba nữa, ở mục số 5 "Như vậy là có nhiều con người trong một con người qua cách tự biểu hiện ở 135 bài thơ". Sự tự tin của Phong Lê cũng không thua kém gì Hà Minh Đức. Vậy Nhật ký trong tù thực sự có bao nhiêu bài thơ? Tốt nhất là nên... giờ Từ điển Văn học (bộ mới) - Nxb

Thế giới, 10/ 2004. Nhật ký trong tù là mục từ bắt đầu từ cuối trang 1258 kéo suốt hai trang 1259-1260 và chiếm gần nửa trang 1261. Tác giả Nguyễn Hoàng Khung viết: "Tập nhật ký được viết trong một cuốn sổ tay nhỏ hình chữ nhật, bìa bằng cactong bọc giấy màu xanh nhạt (lưu ý: Hà Minh Đức thì cho rằng cuốn sổ màu vàng nhạt? NHS)... Thơ trong cuốn nhật ký phần lớn là từ tuyệt, tất cả có 134 bài (kể cả bài đề từ ngoài bìa); riêng bài đánh số 100, Liễn Châu ngục (Nhà ngục Liễn Châu) chỉ có đầu đề, không có thơ" (tr 1259). Tôi muốn học tìm cuốn "Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù" (1990)? mà tôi chắc là trong tù sách mình có nhưng đành chịu thua tính lượm lượm của chính mình! May mà giờ tập 3 Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia 4/2002, thấy có in lại toàn bộ tập thơ (đã phiên âm ra Quốc ngữ) và thơ dịch Nhật ký trong tù (từ trang 263 đến trang 427). Bài Liễn Châu ngục (Nhà ngục Liễn Châu) đúng là "chỉ có đầu đề, không có thơ" như chú thích của nhà xuất bản, nhưng nó được đánh số... 101, không phải số 100 như Nguyễn

Hoàng Khung đã viết? Nếu kể cả bài này thì Nhật ký trong tù có đúng 134 bài, không phải 133, cũng không phải 135 như hai giáo sư đã nhầm lẫn? Cũng có thể Giáo sư Hà Minh Đức nghĩ rằng bài thơ chỉ có mỗi cái đầu đề thì có bỏ cũng không sao? Nhưng như thế thiết tưởng là không tôn trọng đầy đủ nguyên tác, nhất là với một tác phẩm có giá trị đặc biệt như Nhật ký trong tù? Còn với Giáo sư Phong Lê, người đã "tăng số lượng" Nhật ký trong tù lên 1 bài, có lẽ Giáo sư đã nhầm, đúng như điều mà những người in tập Nhật ký trong tù lần đầu (1960) đã cảnh báo? Bài Tân xuất ngục học đăng sơn (Mới ra tù, tập leo núi) có trong bản in đầu của tập thơ nhưng lại... không thuộc tập thơ "Bài thơ này nguyên không có đầu đề, cũng không có trong tập Ngục trung nhật ký, vì được sáng tác sau khi tác giả đã ra tù. Trong hồ sơ còn lưu giữ ở Viện văn học có bút tích của chính tác giả viết đầu đề này gửi cho Tiểu ban biên tập vào đầu năm 1960. Vậy, có thể đây là đầu đề do tác giả mới đặt về sau" (Chú thích trang 439, Hồ Chí Minh- Toàn tập, tập 3).■

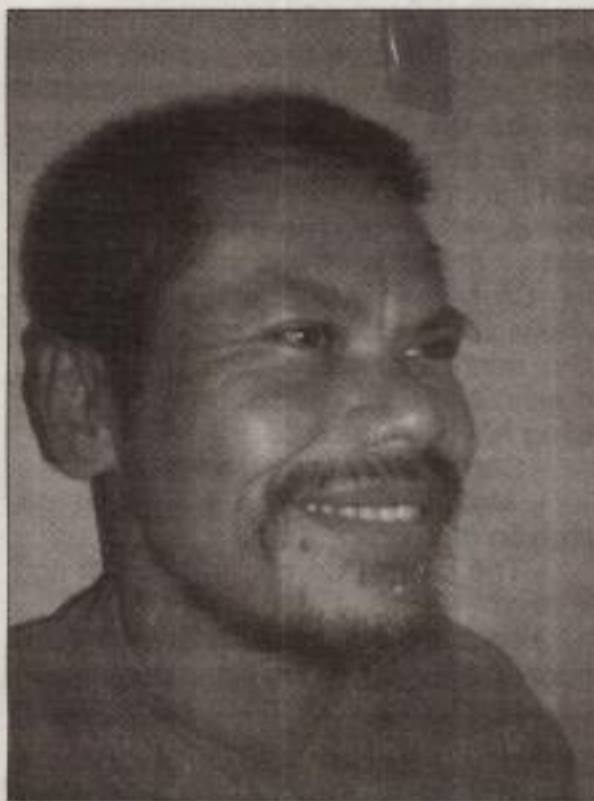
NGHỆ THUẬT

NGƯỜI NGHỆ SĨ MANG TÂM HỒN ĐÁ

NGÔ MINH

Ở miền đất chang chang cồn cát Quảng Bình, có một chàng trai yêu đá đến si mê, điên cuồng. Suốt ngày đục đẽo, sờ mó, làm bạn với đá, gửi gắm tình yêu và khát vọng vào đá, mơ tưởng đá, mất ăn mất ngủ vì đá. Có lúc chàng trai coi mình như khối đá cô đơn... "Bỗng dưng tôi thêm khát một bàn tay mềm mại ve vuốt lên mặt... tôi tin rằng, khối đá tôi sẽ được những mảng mây màu hồng trắng vắt qua, làm dịu đi những nỗi niềm"... (Hồn đá). Cũng có lúc "tảng đá tôi" ấy đã được đứng run rẩy nép ở góc bàn chải tóc trang điểm của một người con gái, để cùng nàng soi gương mỗi ngày. Ở sân nhà, đá phù điêu, đá khối, đá cao đá thấp nằm lán lóc. Đến đứa con trai đầu lòng, vợ chồng họ cũng gọi tên cúng cơm là Đá... Chàng trai bị đá hút hồn ấy, là nhà điêu khắc Phan Đình Tiến.

Tại Trại điêu khắc quốc tế "ấn tượng Huế-Việt Nam năm 1998", Phan Đình Tiến là tác giả điêu khắc trẻ nhất được mời. Cả tháng trời, anh và người thợ đá Nguyễn Văn Bạo từ làng biển Thượng Luật vào, đã lao động cật lực để biến khối đá cẩm thạch xứ Thanh thành một bài thơ nguồn cội đa thanh, đa nghĩa đứng bên bờ sông Hương. Tác phẩm *Hương thiện* của Tiến là khối tượng với hai bầu vú căng tròn, vươn mãi lên trời cao, hướng đến mạch nguồn của những khát vọng, mạch nguồn của sự sống. Đó là bầu sữa tình yêu, bầu sữa mẹ ngàn đời con người khao khát. Đó cũng là kỷ ức phồn thực âm ảnh ta, thôi thúc trong ta suốt một đời người. Tượng đá granit *Kỷ ức về sự ra đời* của Tiến là tứ thơ mạnh, cô đọng về cuộc sống gian nan, vượt qua bom đạn để sinh tồn trên miền cát trắng. Bàn chân của người mẹ in trên cát, in trên bùn đất phù sa, bám vào thớ đá như là dấu ấn còn lại của nơi sinh thành. Tại Trại sáng tác điêu khắc chất liệu đá Thành phố Hồ Chí Minh năm 2005 ở Công viên Tao Đàn, Phan Đình Tiến đã dâng tặng người Sài Gòn một bài thơ đá hiện đại, bất ngờ mà đậm tính dân tộc. Đó là tác phẩm *Xuyên thời gian* tạc bằng đá grannit, cao 2,5 mét, rộng 1,2 mét. Khối đá hình mũi khoan thép khổng lồ này là biểu tượng sức mạnh của thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, thời kỳ phát triển, hội nhập của đất nước, đồng thời đây là một ẩn dụ linga mới, một thứ linga hùng dũng của thời hội nhập chẳng? Một lần nữa, ý tưởng phồn thực trong văn hóa các dân tộc lại được Phan Đình Tiến tái hiện bằng những đường nét đá khỏe khoắn, mãnh liệt và hiện đại.



Nhà điêu khắc Phan Đình Tiến

Tượng *Sóng* đặt ở thành phố biển Vũng Tàu, lại là sự bện xoắn của sóng, của biển, của xích neo, của sinh lực tình yêu con người. Những bức tượng đá mang tính triết lý sâu xa như *Hương thiện*, *Kỷ ức còn lại* hay *Xuyên thời gian*, *Sóng*... là những triết lý đá sâu thẳm mà tác giả của nó muốn gửi đến con người. Tháng 11-2007, ở thành phố hoa Đà Lạt đã khánh thành tượng *Giao cảm 1* của Tiến. Bức tượng đá granit thể hiện sự giao cảm âm dương trời đất và con người. Tượng đá *Hạnh phúc* đặt tại thành phố Phan Rang nắng gió năm 2011, cũng là một triết lý đá sâu sắc rất Phan Đình Tiến.

Tất nhiên là anh còn sử dụng nhiều chất liệu khác như gỗ, kim loại...rất thành công, nhưng hình như đá là chất liệu Tiến đam mê nhất. Trại điêu khắc quốc tế Huế năm 2006 ở đồi Thiên An, Tiến có tác phẩm *Hồn đá* (chất liệu đá trắng, 250 cm x 130 cm x 100 cm) được công chúng thưởng ngoạn đánh giá rất cao. Đó là một khối đá trắng cao lực lưỡng, một bên mài nhẵn, một bên giữ nguyên vẻ xù xì nguyên sơ. Còn trái tim trong ngực đá thì đã được nhà điêu khắc lấy ra và để lên đầu. Đây không phải là "trái tim nhắm chỗ để trên đầu" như thơ Tố Hữu viết về chuyện Mỹ Châu - Trọng Thủy, mà là triết lý về sự vĩnh cửu của tình yêu, cần phải tôn vinh, tôn thờ... "Và tôi bỗng nghe trong mình không một âm thanh lạ lùng. Tôi chợt biết đó là âm thanh từ pho tượng đá đứng lẫm lẫm giữa nắng tràn...". Mỗi lần đến bên bờ Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới, ngắm tượng đài *Mẹ Suốt* của Phan Đình Tiến, tôi lại nhớ câu thơ của anh. Một lần nữa, sau thơ Tố Hữu, Phan Đình



Phan Đình Tiến tham gia sáng tác tại Trại điêu khắc đá quốc tế

Tiến đã tạc chân dung người mẹ anh hùng chèo đò đưa bộ đội sang sông ấy bằng đá vĩnh cửu vào đất trời sông nước Quảng Bình, vào trong lòng người dân Quảng Bình và du khách bốn phương.

Đối với dân Quảng Bình, mẹ Suốt là biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng thời chống Mỹ. Thế mà bức phù điêu xi-măng đắp hình mẹ chèo đò dựng ở bến đò Nhật Lệ sang Bảo Ninh, là công trình "tôn vinh mẹ Suốt" lại được thiết kế nhỏ bé quá, thấp quá nên lọt thỏm giữa cái chợ cá ồn ào bán mua, rác bẩn, hôi hám xông lên hàng chục năm liền. Dù rất ngưỡng mộ *Mẹ Suốt*, khách tham quan không mấy người dám đến gần. Bức xúc và ám ảnh trước hình tượng người mẹ của quê hương mình, năm 1994, Phan Đình Tiến, lúc đó còn là sinh viên trường Đại học Mỹ thuật Huế, đã phác thảo tượng đài *Mẹ Suốt* bằng chất liệu xi măng thép đồng. Đây là bài thi cuối khóa của anh và đã được Hội đồng nghệ thuật của trường xếp loại xuất sắc. Phác thảo bức tượng đó được Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình trưng bày năm 1994, với hình ảnh mẹ Suốt cao lớn giữa trời mây, sóng gió vẫn vù, chèo đò đưa đoàn quân đi về phía trước. Năm 2002, tượng đài *Mẹ Suốt* của Phan Đình Tiến đã được Bộ Văn hóa và tỉnh Quảng Bình dựng bằng đá grannit Thanh Hóa sừng sững ngay bên bờ sông Nhật Lệ, nơi năm xưa mẹ Suốt vượt bom đạn Mỹ, chèo đò đưa bộ đội sang sông. Hình tượng người mẹ ấy đã thành hồn đá vĩnh cửu. Chất đá, hồn đá trong tượng *Mẹ Suốt* mang một suy tư khác với những hình tượng đá triết lý mà anh đã sáng tạo lâu nay, đã trở thành

một biểu tượng anh hùng của một vùng đất nghèo khó và gian khổ, chính là tình yêu quê hương mà nhà điêu khắc muốn tạc vào đá, cũng như đã trở thành biểu trưng của thành phố biển Đồng Hới xinh đẹp.

Phan Đình Tiến sinh năm 1966, tốt nghiệp Đại học Mỹ thuật Huế năm 1995. Đối với một điêu khắc gia, tuổi ấy là tuổi bắt đầu. Nhưng nhờ luôn tìm tòi những ý tưởng mới, Phan Đình Tiến đã trở thành một trong số ít nhà điêu khắc thành công nhất ở miền Trung: Năm 1990, Giải A trong triển lãm các tác phẩm trẻ Huế khi còn là sinh viên năm thứ 3; Giải A triển lãm Mỹ thuật toàn quốc năm 1993; Giải A, Giải thưởng Nghệ thuật Lưu Trọng Lư (Quảng Bình) năm 1995, 2000, 2005; Giải B (không có giải A) Giải thưởng triển lãm Mỹ thuật Khu vực miền Trung năm 2005; Giải đặc biệt (đồng hạng) Trại sáng tác điêu khắc quốc tế Huế 1998... Với một nghệ sĩ đam mê sáng tạo, giải thưởng hay sự xếp hạng, chỉ như một niềm vui trên con đường thăm thẳm. Chắc Phan Đình Tiến sẽ còn sáng tạo nhiều niềm vui mới với những kỷ ức đá như mạch vữa than đá trong tâm hồn anh. Nhưng theo chúng tôi, thì điều quan trọng nhất - trên cả giải thưởng - là Phan Đình Tiến đã tạo ra được những tác phẩm điêu khắc mang đậm chất thơ và triết lý cuộc đời, những tác phẩm luôn ám ảnh hồn người được đặt ở những trung tâm lớn của đất nước như Huế, Đà Lạt, Vũng Tàu, Nha Trang, TP. Hồ Chí Minh, Phan Rang, Đồng Hới. Một nhà điêu khắc có nhiều tượng đài đặt ở những thành phố trung tâm văn hoá lớn của đất nước như thế không nhiều. Đó là giải thưởng lớn nhất, là niềm vinh hạnh lớn nhất của sự nghiệp sáng tạo mỹ thuật của Phan Đình Tiến.

Tháng 10-2001, khi đang thi công tượng mẫu tượng đài *Mẹ Suốt* thì Phan Đình Tiến bị bệnh u màng não. Anh phải ra mổ cấp cứu ở bệnh viện Việt-Đức, Hà Nội. Trước nguy cơ phải dang dở bức tượng, sợ không qua khỏi, anh đã viết di chúc cho bạn bè là đồng nghiệp điêu khắc ở Trường Đại học Nghệ thuật Huế để họ tiếp tục công việc của mình. Tiến kể: "Trong lễ tạ mộ mẹ Suốt, người nhà mẹ đã cầu nguyện mẹ phù hộ cho nhà điêu khắc qua khỏi giây phút hiểm nghèo". May thay, sau khi phẫu thuật, bác sĩ kết luận u lành. Linh hồn mẹ Suốt đã phù hộ Tiến qua cơn trọng bệnh. Nhưng sau ca phẫu thuật mổ sọ não, sức khỏe bị giảm sút nghiêm trọng, anh không còn uống rượu được nữa, nhưng ra viện, Tiến lại lao vào dựng tượng *Mẹ Suốt*. 12 năm qua, anh lại lao vào những khám phá mới trong điêu khắc và cả trong thơ. Ngoài tập *Động mã* chưa xuất bản, thơ Phan Đình Tiến có mặt trên nhiều báo, tạp chí Trung ương và địa phương. Phan Đình Tiến một lần được Giải thưởng cuộc thi thơ của Tạp chí Sông Hương. Thơ anh được tuyển vào các tuyển thơ *20 năm thơ Sông Hương*, *10 năm thơ Quảng Bình*, *700 năm thơ Huế*, *Thơ bạn thơ*... Và như thế, những thành công trong nghệ thuật của Phan Đình Tiến, đã bắt đầu từ nguồn cội của một người si mê đá, một nghệ sĩ mang tâm hồn đá!

NGÔI SAO XANH XA NGÁT

Truyện ngắn của NGUYỄN TRỌNG VĂN

- C HÚ Ơi, sao chú lại vào nhà bằng lối cửa sổ? Vừa du người, thả mình lách qua cánh cửa sổ hé hờ từ cành cây vắt ngang ô cửa xuống nền căn phòng khách lạnh vắng, tên trộm cứng người, toàn thân như bị bó chặt, gã đầu ngó lại bị bắt quả tang như thế này. Thoảng ngẩn ngơ, tên trộm thả nhẹ đôi bàn tay ra. Mất, trước mặt gã là một cô bé, mái tóc buông xõa như chuẩn bị đi ngủ. Cô bé mặc một chiếc váy dài màu trắng, ngồi bình yên trên một chiếc ghế, một tay cô bé cầm cốc nước, một tay đặt lên tay ngay của chiếc ghế. Tên trộm nhìn kỹ hơn, thái độ của cô bé không thấy có dấu hiệu gì của sự sợ hãi, ngạc nhiên hay mấy may nghi ngờ gì cả. Cô bé vẫn chậm rãi nhai nốt miếng thức ăn đang nhai dở. Tên trộm thả nhẹ đôi bàn tay ra. Không lẽ gã cứ nửa du người mãi như vậy. Ánh trăng lùa qua cửa sổ, dội thứ ánh sáng lênh láng vàng khiến căn phòng khách trông trái hơn. Hình như chỉ có mỗi mình cô bé? Tên trộm hơi yên tâm, gã thả nốt đôi chân như đeo đá của mình xuống nền nhà. Đàng nào cũng bị lộ rồi, tên trộm tự an ủi, gã vội phác nhanh kế hoạch chạy trốn.

- Cháu biết rồi. Mẹ cháu bảo chỉ có những người tốt mới được đi ngủ để chui qua cửa sổ tặng quà các em bé ngoan.

Cô bé cười khanh khách, tiếng cười mang vẻ tự tin với nhận thức của mình. Tên trộm giờ đã có chút tỉnh táo để nghĩ tiếp theo phải làm gì.

- Nhưng cháu chưa ngoan - Cô bé lại nhấn nha - Sao chú không đợi cháu ngủ say rồi mới vào phòng tặng quà cháu? Hôm nay là sinh nhật của cháu đấy, cháu lên bốn tuổi.

- À.... à, bốn tuổi rồi đấy. Chú ... chú nghĩ là cháu đã ngủ rất say rồi.

- Chỉ có người tốt đi tặng quà cho trẻ em mới được thức khuya hả chú?

- Mà này.... cả nhà cháu đi ngủ rồi à?

Tên trộm nhanh chóng thích ứng với sự ngộ nhận của cô bé. Gã hỏi thế để tính chuyện chuẩn cách nào cho thuận. Cô bé không trả lời. Dường như cô đang lấy làm hối tiếc vì mình chưa ngủ say, để sau giấc ngủ cô sẽ tỉnh dậy và sẽ nhận được quà.

- Như ông già Nô en chui qua ống khói tặng quà trẻ con ấy chú nhỉ?

Cô bé nói thầm thì như vớt vát cho sự chưa ngoan của mình. Tên trộm bình tĩnh hơn, gã lại sát bên cô bé. Chân phải quỳ gối, chân trái gấp chống, đầu gã chỉ cao ngang đầu cô bé đang ngồi ngó nghiêng đôi chân nhỏ trên chiếc ghế rộng. Mục đích của gã cốt là để cô bé nói nhỏ hơn. Cô bé vẫy vẫy bàn tay đang đặt trên tay ngay ghế về phía tên trộm.

- Chú - Cô bé hạ giọng thăm thì - Chú đang che mắt ngôi sao xanh rồi.

Thì ra tên trộm đã vô tình che khuất tầm nhìn về phía cửa sổ của cô bé. Chắc trong đầu của cô bé lúc này những ngôi sao trên bầu trời kia mới là điều cô quan tâm. Tên trộm vừa dịch người qua bên trái để lộ khoảng nhìn cho cô bé vừa khéo quay người nhìn ra ô cửa. Bên ngoài kia, bầu trời trong veo đến kỳ lạ. Muốn vãn ánh sao xa tít tít đang nhấp nháy như mời gọi.

- Đẹp thật, những vì sao đẹp thật.

- Cháu chưa ngoan vì cháu chưa đi ngủ - Cô bé ngáp ngừng nhìn thẳng vào mặt tên trộm bằng ánh mắt về cầu khẩn

- Nhưng cháu vẫn sẽ có quà chứ chú?

- Dĩ nhiên rồi. Mọi trẻ em, mọi người đều có quà trong đêm sinh nhật.

Tên trộm nói mạnh dạn bằng thứ giọng ghim hơi trong cổ. Trong lòng gã bỗng thấy nhói đau một niềm đau tội lỗi. Mọi người đều có quà trong đêm sinh nhật. Tên trộm cúi đầu mặc cảm. Đây chính là lý do để gã có mặt trong căn phòng này và bị cô bé vô tình ngộ nhận.

- Nhưng cháu muốn có quà là...

- Cháu muốn quà gì nào?

- Cháu muốn ngôi sao xanh nhấp nháy kia kia.

- Ngôi sao xa ngát kia à?

Tên trộm chỉ tay buông quơ cũng chỉ để lấy thêm lòng tin ở cô bé. Gã quay lại nhìn thẳng vào mắt cô bé nói như đúng rồi.

- Nhất định khi cháu ngủ dậy sẽ có quà là ngôi sao xanh đó.

Giọng chắc nịch như một người trung thực, tên trộm nhận thấy cơ hội cho sự trốn chuẩn của mình đã đến. Gã mạnh dạn cầm bàn tay bé tí xú của cô bé.

- Giờ thì cháu đi ngủ đi. Có đi ngủ thì chú mới tìm được ngôi sao xanh về làm quà cho cháu.

- Nhất định chứ chú?

- Nhất định rồi.

Tên trộm cười, nụ cười nửa vui nửa pha chút ranh mãnh. Gã đang sốt hết cả ruột khi cô bé còn chưa bước về phòng ngủ.

- Chú đi trước đi. Cháu phải nhìn thấy

chú đi tìm ngôi sao xanh trước đã.

- Nhưng chú phải được trông thấy cô bé ngoan bước về phòng và lên giường ngủ kia. Bé ngoan không ai lại bắt người lớn phải đợi.

Tên trộm lại mỉm cười vì sự tinh ranh đến bất ngờ của mình. Cô bé thất ngáy thơ và ngộ nhận. Tên trộm vừa khéo lùi dần về phía cửa sổ vừa vẫy tay chào cô bé. Cô bé nhoèn một nụ cười sáng lóa như vì sao lấp lánh. Tên trộm thấy cơ hội cho mình không cho phép gã nấn ná được nữa. Từ trên gác đang vọng xuống tiếng hỏi của mẹ cô bé.

- Con đang nói chuyện với ai thế?

- Mẹ Ơi, các vì sao cũng biết nói chuyện đấy.

- Thế các vì sao có nhắc con đi ngủ không?

Tên trộm đu người thoát nhanh ra ngoài ô cửa sổ, gã còn kịp ngoái nhìn cô bé lòa xòa váy dài bước những bước chân về phòng ngủ. Gã bây giờ mới thấy nhẹ hẫng người. Gã đã thoát bị bắt sống chỉ vì sự ngộ nhận của một cô bé. Ngược nhìn lên ô cửa sổ đang được người mẹ của cô bé khép cánh cửa lại. Gã như còn thấy gương mặt cùng những tiếng cười khanh khách và ngáy thơ đến trong veo của cô bé.

Một năm sau.

Thuận chợt chứng người, không kịp nữa rồi, cậu đã đứng giữa căn phòng mà tròn một năm trước cậu đã đến đó theo

lối cửa sổ. Trước mặt cậu những gì của một năm về trước hầu như không thay đổi, điều đó chứng tỏ chủ nhân của ngôi nhà không thích chuyện xê dịch.

- Chào bác. Chào cháu. Hai bác cháu ngồi xuống ghế đi.

Nữ chủ nhân lên tiếng mời sau câu chào ra mắt của người đàn ông dẫn Thuận tới. Đó là một thiếu phụ ngoài bốn mươi tuổi, dài các trong bộ trang phục ở nhà. Áo lụa trắng có thêu điểm những bông hoa hồng nhạt, hai thân vắt sang nhau kín đáo nhờ một sợi vải thắt hồ ngang bụng nhưng cũng đủ khéo khoe thân hình còn khá gọn. Thiếu phụ chìa tay chỉ về hai chiếc ghế còn trống. Chiếc ghế bên kia, chồng bà, một người đàn ông chừng gần năm mươi, ăn vận khá chín chu. Ông như vừa đi làm về hoặc như sắp sửa đi đâu đó, chiếc áo sơ mi bỏ gọn trong quần, ánh mắt còn dán chặt vào tờ báo mở rộng. Thuận dụt dề ngồi xuống.

- Cháu mới ra học ngoài thành phố, chắc chưa quen?

- Dạ.

Thuận chỉ biết nói thế. Trong đầu cậu, mọi hành vi của năm ngoài cứ như là đã bị lộ. Thuận thấy nóng khắp người cho dù bây giờ tiết trời đã chuyển sang thu và trong phòng chiếc quạt điện kiểu tai voi của Liên Xô đang tỏa luồng gió mát. Người đàn ông dẫn Thuận tới nháy mắt với nữ chủ nhân ý muốn nói rằng ông ta đã giới thiệu cho gia đình một chàng trai hiền lành và có phần tin cậy nhờ về còn hơi bên lên.

Một năm trước Thuận thi đỗ đại học. Cả làng cậu từ trước tới nay chưa có ai học qua nổi cấp 3. Lý do thì lắm, chiến tranh nên các chàng trai phải ra trận, kinh tế khó khăn làm gì có nhà nào đủ tiền cho con lên thành phố học, công việc nhà quê cứ lún từ việc này sang việc khác.

- Uống nước đi cháu.

Thuận giắt bản mình như bị bắt quả tang thêm lần nữa, cậu thấy ngứa ngáy khắp mình như đang bị một đàn kiến cắn.

- Cô chú có thằng con trai năm nay vào học cấp 3. Cháu chịu khó và học giỏi nữa. Cô chú hy vọng cháu giúp em nó tiến bộ.

Nữ chủ nhân nói liền một mạch như thể bà lo ngại Thuận đối ý. Một chút lưỡng lự vụt tới trong đầu Thuận. Nhận lời hay từ chối. Nhận lời để rồi sẽ có ngày người ta nhận ra đây chính là tên trộm hựt năm ngoài ư? Từ chối tức là bỏ lỡ một cơ hội kiến thêm chút tiền phụ vào chuyện học, tận sâu thẳm lòng mình Thuận vô cùng hối hận cho chuyện năm ngoài. Thấy Thuận còn lưỡng lự, nữ chủ nhân bước lại gần cậu.

- Cháu yên tâm. Cô chú mới chỉ nói tam thế thôi. Việc học của em nhà cô chú tiến bộ chắc cô chú sẽ có những thay đổi cho cháu khỏi thiệt.

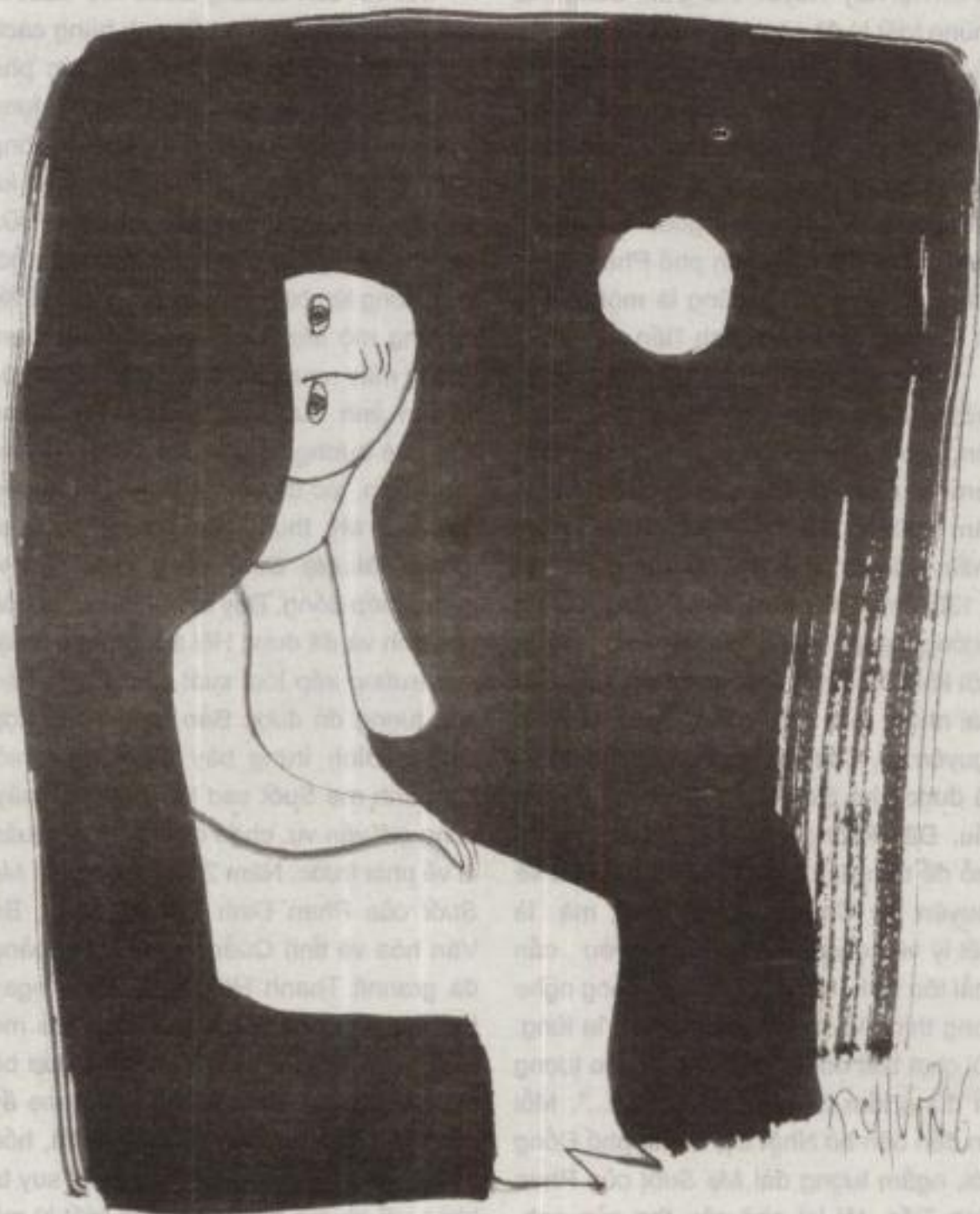
- Dạ không ạ. Cháu...cháu...cháu đồng ý.

Thuận nói xong câu đó lại thấy hối. Thăm thẳm của cậu dâng tràn nỗi xấu hổ một khi câu chuyện bị bại lộ. Nhưng nếu cứ đắn mặt ra mà nghĩ ngợi, mà lo sợ thì mọi người lại cho rằng mình ham hố hay có gì còn đòi hỏi? Thời buổi chiến tranh, ai có cơ hội học hành thì phải học hành quyết liệt bù cho những người không có điều kiện.

- Vậy là cháu nhận lời giúp cô chú rồi nhé. Để cô gọi em Trung, anh em làm quen với nhau.

Nữ chủ nhân giọng thân mật. Từ trên gác vọng xuống tiếng bước chân liu riu, rồi ran lên giọng nói trong veo của cô bé năm ngoài. Thuận chợt dạ. Không kịp nữa rồi, hai anh em cô bé đã xuống tới. Thằng anh đứng trân trân nhìn Thuận bằng ánh mắt thăm dò, cái anh gầy gò ngồi kia sẽ là "thầy" dạy kèm cu cậu học. Thằng con trai đang tỏ thái độ thách đố và ngang ngạnh. Trái lại cô bé sau cái khoanh tay chào mọi người thì đến ngồi trên chiếc ghế ưa thích của cô. Cô bé yên lặng để người lớn nói chuyện, mắt dõi mắt nhìn ra ngoài cửa sổ. Thuận lại thêm bốn chốn, cô bé ngồi y hệt như năm ngoài.

- Thế nhé, Bảo Trung. Anh Thuận từ tối nay sẽ học bài cùng con. Anh học giỏi



Minh họa của THÀNH CHUÔNG

lắm đấy.

Bà mẹ nói động viên trước thái độ bất cần của thằng con trai. Nó nhìn thẳng vào Thuận hỏi câu hỏi chẳng ăn nhập gì với chuyện học hành.

- Anh có biết bơi không?

- Biết chứ. Anh bơi giỏi là đằng khác. Ở quê anh trẻ con chỉ lên sáu bảy tuổi là biết bơi ạo rồi.

- Xi. Ở quê khác, ở Hà Nội khác. Bơi bể bơi chán phê.

Thuận gật đầu tỏ ý thông cảm và cũng là để gây thiện ý với thằng Bảo Trung. Ánh mắt cậu vẫn không rời khỏi dáng ngồi nhìn chăm chú lên vòm trời qua ô cửa sổ của cô bé. Thuận chột dạ, ô cửa sổ đã có thêm hàng chấn song bằng sắt, màu sơn xanh tươi rồi cứ như chủ nhân của ngôi nhà đã biết đến chuyện có người lạ từng treo qua cửa sổ. Thuận thấy trống ngực đập run run, ô cửa này trông thẳng sang khu nhà tập thể năm tầng nơi cậu đang trọ học. Không hiểu ma quỷ nào dẫn lối mà đêm hôm đó Thuận táo tợn đu người trên cành cây vắt ngang ô cửa để thả mình xuống nền nhà.

Thuận thấy thất vọng tràn trề khi cô bạn gái cùng lớp vừa mới quen nói câu chê cậu đi chơi đêm trắng đẹp mà không có chút quà gì cho bạn gái. Tối hôm đó cậu đưa cô bạn gái về nhà, rồi trở về nơi trọ của mình, cậu leo lên giường nằm mãi mà không ngủ được. Cậu đứng nhìn sang ngôi nhà to đẹp chứng tỏ chủ nhân của ngôi nhà đó là người có chức quyền, Thuận thấy ô cửa sổ mở rộng và Thuận lần đầu thấy chưa chất khi mình thiếu tiền. Thuận chặc lưỡi vàbuông tay cho toàn bộ người mình lọt hẳn vào căn phòng khách vắng người.

- Hai bác cháu về nhà. Thuận nhớ tối nay bắt đầu kèm em Bảo Trung học đấy.

Nữ chủ nhân cùng chồng chào tiễn khách. Thuận vội đứng lên như chính cậu đã muốn đứng lên lâu lắm rồi. Nói thực cậu còn chưa hết lo sợ. Và nỗi lo sợ của cậu không phải không có lý. Khi Thuận bước ra gần tới cửa, cậu lui người lại nhường cho chủ nhân cùng người đàn ông đi cùng cậu ra cửa trước. Như có linh tính, Thuận quay mặt nhìn lại căn phòng. Cô bé cũng đã đứng lên, cô nhìn Thuận bằng ánh mắt tròn trong veo.

- Chú, chú vẫn chưa tìm được ngôi sao xanh cho cháu à?

Cô bé nở nụ cười hồn nhiên và hỏi rất bất ngờ. Không lẽ cô bé đã nhận ra tên trộm năm ngoái và cô chờ cho mọi người xong câu chuyện mới hỏi? Trong thâm tâm cô bé chỉ có một người tốt tới thăm các em bé, chưa hề có câu chuyện một tên trộm hù dọa từng cất lên lời hứa sẽ mang tới làm quà cho cô bé một ngôi sao xanh như cô bé hằng mơ ước? Bầu trời như guồng quay, muôn vàn các tia sáng nhảy múa trong mắt, Thuận bước nhanh về phía cô bé, cậu lại chân phải quỳ gối, chân trái gấp chống nửa như để cả hai sẽ nói thầm thì, nửa như để trấn an cô bé.

- Chưa, chưa. Chú, à không anh. Anh chưa tìm được ngôi sao xanh đó. Nó ở xa ngát quá. Mà em đã thực sự là một em bé ngoan chưa?

Thuận nói liền một mạch cố ý để cô bé khỏi la toáng lên kiểu thường thấy ở trẻ con mỗi khi chúng nũng nịu đòi quà. Cô bé cúi đầu cho thấy cô là một cô bé chưa thực sự ngoan để được nhận quà sớm. Thuận thấy nhẹ người, cậu hơi kéo đầu cô bé lại gần hơn.

- Em bé, chúng mình cùng giữ bí mật nhé. Biết giữ bí mật mới là em bé ngoan.

Cô bé gật gật đầu. Thái độ tỏ rõ sự tuyệt đối sẽ biết giữ bí mật. Trẻ con là vậy. Chúng rất tôn trọng những bí mật về ước mơ của mình.

- Hai anh em thân thiết quá. Cô chú nhớ cháu đấy Thuận nhé.

Nữ chủ nhân đã quay vào phòng từ khi nào, nói ngay sau lưng Thuận. Bà không chút hồ nghi về hành động la lùng nhưng mang về thân thiết giữa Thuận với cô bé con mình. Bà lại còn rất vui khi điều đó sẽ giúp Thuận thực hiện tốt việc kèm học thằng con trai đang tuổi ngang bướng.

Một cái ngoác tay làm tin, Thuận biết cô bé sẽ chẳng bao giờ nói với cha mẹ mình về câu chuyện ngôi sao xanh.

Mười lăm năm tiếp theo.

PHẠM VĂN ANH

Phương Nam...

Mỗi lần hẹn em thường đến muộn
Để cảm thấy có ai đó đang vì mình mà chờ đợi...
Và chờ đợi mình là bởi yêu thương...

Đêm phương Nam chật chội
Những hàng dầu mê ngủ gối lên sao
Em hốt lạnh giữa bọn bể êm ấm

Linh giắc mạch anh không nhìn suốt buổi tối qua
Mà chỉ đặt ánh mắt lên em dịu dịu
Vừa đủ xa cách
Vừa đủ ân cần
Vừa đủ biết niềm yêu thôi chan chứa

Đo chiều dài của đêm bằng những sợi tóc mai
Mơ hồ sương đêm vỡ
Từng mảnh găm vào hơi thở
Lạnh dần mỗi nhịp run

Phương Nam, phương Nam...
Tặng em một ban mai nước mắt

Miên man bên Hồng Hà

Ước được như sông
Nhuộm điệu Đà Giang lục thủy
Khi mặt trời vờ nắng trên đỉnh mốc Lũng Pô
Em đã nghĩ miên man...

Sông nợ bến bờ, nợ dòng nước cũ
Phút say vui lời anh xột cửa
"Ta nợ nhau điều chưa gọi thành tên"

Phải anh giấu tìm mình vào đêm?
Giăng thép gai ngăn em gần lại
Lo em sẩy chân, sợ em lạc lối?
Hay ngại một mai yêu dấu thêm đây?

Biên giới xa
Nghiêng dáng sông gầy
Chẳng thể nhuộm hồng anh bằng tình em tha thiết...!

- Anh còn nhớ lần đầu chúng mình gặp nhau như thế nào không?

Thuận không vội trả lời. Rồi như nằm lâu một tư thế, anh xoay người nhòm đầu hé mắt nhìn sang Xuyên Chi. Cô úp hai bàn tay vào nhau và đặt trên bụng, mắt không thôi nhìn lên bầu trời, cô chẳng quan tâm đến chuyện Thuận sẽ trả lời mình thế nào. Đêm nay trăng sáng, ánh trăng soi vàng cả thảm cỏ triền đê. Vọng từ mặt nước sông Hồng lên một hồi còi dài của chuyến tàu vừa ngang qua. Gió thổi mát. Từng cơn gió thung thăng tạo thành âm thanh nghe ràn rạt trên mặt cỏ, Xuyên Chi vẫn mở to đôi mắt nhìn vòm trời, giọng cô thủ thủ.

- Em cũng chẳng nhớ nữa.

Thuận bớt lo. Hình như câu hỏi của Xuyên Chi cũng chỉ nhằm vào chuyện hai người bắt đầu thân với nhau từ khi nào mà thôi. Khẽ luồn tay ôm lấy sau đầu làm gối, Thuận lỏng người ra và cũng nhìn lên vòm trời. Đêm nay vòm trời đầy sao, muôn vàn các vì sao đua nhau nhấp nháy như vì sao nào cũng muốn chứng tỏ mình là vì sao sáng nhất. Đã chớm sang thu, tiết trời về đêm lành lạnh. Nằm trên bờ đê càng mát lạnh. Đã mấy lần Thuận toan nhắc Xuyên Chi đứng dậy kéo lạnh nhưng rồi anh lại thôi.

Mặc dù quen nhau rất lâu nhưng tối nay hai người mới chính thức đi chơi và bên nhau gần đến thế. Rất tự nhiên Xuyên Chi ngả mình trên thảm cỏ như đang ở trong nhà mình vậy. Cô nằm rất thư thái, tựa như cô đến đây chỉ với mục đích là được ngả mình nằm trên cỏ.

- Em mà thấy anh.... với cô sinh viên nào là chết với em.

Xuyên Chi nói nhưng ánh mắt vẫn không thôi nhìn lên vòm trời sao. Thuận chưa hết rồi bởi, tự sâu thẳm trong lòng anh chưa nguôi hồi hận về chuyện đột

nhập qua cửa sổ năm nào, anh hơi nghiêng đầu nhìn sang bên Xuyên Chi. Tại sao em lại chọn tối hôm nay để hỏi anh về chuyện hai đứa đã gặp nhau lần đầu như thế nào? Tại sao em vẫn như chưa quên cái chuyện ngớ ngẩn của anh năm đó?

- Anh.

Xuyên Chi quay mặt nhìn sang phía Thuận, mắt cô mở to. Cô nói bằng giọng nũng nịu.

- Sao không trả lời em. Em biết rồi. Các thầy là chưa hay lúng phếng với sinh viên. Tự em em biết. Em cũng là "nạn nhân" của thầy mà. Thầy Thuận.

Cả Xuyên Chi và Thuận cùng cười. Bây giờ có ai bảo Thuận đổi bất cứ thứ gì đất giá nhất để thay Xuyên Chi thì anh cũng lắc đầu. Mà ngay với cả Xuyên Chi nữa. Nếu khuyên cô tìm người đàn ông khác thì cô cũng chẳng đại. Trong trí tưởng tượng của Xuyên Chi thì đàn ông trên thế giới này chỉ có mình Thuận. Họ là một đôi đẹp, đẹp nhất Khoa X., trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Chẳng, một sinh viên học giỏi và xinh nhất trường.

- Có ngôi sao màu xanh kia.

Xuyên Chi reo to lên sung sướng. Cô há hốc đầu như để chỉ lên vòm trời hàng hà sa số các vì sao kia đầu là ngôi sao màu xanh mà cô vừa phát hiện thấy. Thuận tưởng đã an lòng thì giờ lại chói lên đau nhói. Không lẽ Xuyên Chi vẫn coi ngôi sao xanh xa ngát trên trời như là một giấc mơ vĩnh cửu của cô ấy? Không lẽ Xuyên Chi kêu lên như vậy để xem xem Thuận có đủ dũng cảm để nói lên chuyện cũ? Đầu óc Thuận như bốc lửa. Những ngọn lửa đang thiêu đốt cái quá khứ tệ hại của anh. Hay những ngọn lửa ấy đang khơi lại chuyện buồn thời nông nổi?

- Đẹp thật.

HỒNG PHƯƠNG

Qua mùa lá rụng...

Thu may tấm áo lá vàng
Chưa kịp ươm thử đông mang đi rồi
Nặng lòng mấy cuộng sắp rơi
Lá như nuôi tiếc khi rời cành cây
Mùa đông chớm rét rồi đây
Lá vàng xao xác rụng đầy đường qua
Cho em nhớ phút chia xa
Hàng cây bứt lá, mưa nhòa bóng anh
Bây giờ tóc chẳng còn xanh
Bao nhiêu yêu mến vẫn dành cho nhau
Lá vàng bay, lá chuyển màu
Hàng cây thêm tuổi dài dẫu gió mưa
Ta về chốn cũ đường xưa
Qua mùa lá rụng...Xanh mùa lộc non?

Thăm thăm

Trong thăm thăm con tim
Có mùa thu vàng lá
Có mùa đông trở gió
Có mộng mơ hoa hồng

Trong thăm thăm dòng sông
Bao con thuyền xa bến
Bao bờ xanh kỷ niệm
Thắc ghềnh nào ta qua

Trong thăm thăm đường xa
Có vực sâu chông mặt
Có hun hút rừng già
Núi ngang trời thử thách...

Qua vật đổi sao dời
Thời gian như nước xiết
Trong thăm thăm mỗi người
Bao buồn, vui...Ai biết?

- Điều. Chỉ giỏi điều. Ngôi sao ấy nó đâu nào?

Không ngờ Xuyên Chi cũng đảo để nhưng là cái đảo để của những cô gái đang yêu. Bằng chứng là cô vừa nói câu ấy vừa ghé sát mặt mình vào mặt Thuận. Thuận hơi ngẩng đầu lùi ra xa một chút để ngắm gương mặt Xuyên Chi. Dưới ánh trăng sao gương mặt của Xuyên Chi hết như gương mặt của một nữ thần, nó xa xa mà gần gũi, nó chấp chờn mà chân thực. Dưới ánh trăng sao gương mặt Xuyên Chi như có sức hút kỳ lạ. Thuận ngây mặt nhìn đắm đuối. Bất chợt Xuyên Chi cũng ngóc đầu lên. Cô bật tung hai bàn tay đang vát vào nhau, cô vùng tay về phía Thuận rồi ôm riết lấy đầu Thuận kéo ghì xuống. Trong tích tắc hai gương mặt dính chặt vào nhau bằng những hơi thở gấp gáp. Trong tích tắc hai vành môi dính chặt vào nhau bằng sự kết dính của của nụ hôn kéo dài như vô tận.

- Anh. Anh sẽ tìm cho em ngôi sao xanh chứ?

Xuyên Chi hỏi, lần này cô hỏi như muốn nghe được lời khẳng định. Thuận đặt thêm lên đôi môi của Xuyên Chi một nụ hôn kéo dài như vô tận nữa.

- Nhất định anh sẽ đem về cho em một ngôi sao xanh. Anh sẽ hái từ trên xa ngát kia ngôi sao xanh sáng nhất. Nhưng...

Thuận ngập ngừng không nói tiếp. Không phải vì anh thấy lời hứa xa vời quá, lời hứa có vẻ hào huyền quá mà là...

- Hai hôm nữa anh phải lên đường rồi.... Chiến tranh không biết đến khi nào... Xuyên Chi? Em có chờ đợi anh không? Em có chờ anh đem về cho em ngôi sao xanh không?

Xuyên Chi ôm riết lấy đầu Thuận. Cô ghì chặt đầu anh vào sát ngực mình hơn.

(Xem tiếp trang 22)

ĐỜI SỐNG VĂN NGHỆ

HỘI THẢO KHOA HỌC "70 NĂM ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM"

Kỷ niệm 70 năm đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2013) và tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết T.Ư 5 Khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, ngày 18-9 Ban Tuyên giáo T.Ư đã tổ chức hội thảo khoa học "70 năm đề cương Văn hóa Việt Nam".

Đến dự, có các ông Đinh Thế Huynh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư T.Ư Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo T.Ư; ông Vũ Ngọc Hoàng, Ủy viên T.Ư Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo T.Ư; các ông Phó trưởng Ban Tuyên giáo T.Ư cùng các nhà văn và nghệ sĩ đại diện các Hội Văn học-nghệ thuật, các giáo sư và nhà nghiên cứu văn học-KHXHNV hàng đầu; các khách mời đặc biệt: nguyên Ủy viên T.Ư, nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo T.Ư, là các ông Hà Đăng, Hữu Thọ; đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đại diện các ban, ngành ở trung ương và Hà Nội đã cùng tham gia thảo luận.

Trong diễn từ khai mạc ngắn gọn, mang tính đề dẫn và gợi ý đối với hội thảo, ông Đinh Thế Huynh nêu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc ra đời bản đề cương Văn hóa Việt Nam năm 1943, được coi là Tuyên ngôn của Đảng về một nền văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng. Ông nhấn mạnh: Trong bối cảnh xã hội Việt Nam lúc đó, "văn hóa nửa phong kiến, nửa tư sản và hoàn toàn có tính cách thuộc địa" đang thống trị, sự ra đời của đề cương Văn hóa Việt Nam là ngọn đuốc soi đường và định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động văn hóa cho toàn đảng, toàn dân trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, tiến lên xây dựng chế độ mới, nền văn hóa mới. Đề cương Văn hóa năm 1943 đã cổ vũ, lôi cuốn đông đảo những người yêu nước, những người hoạt động văn hóa yêu nước vào Hội Văn hóa cứu quốc, thành viên của Mặt trận Việt Minh. Đảng ta khẳng định: "Những phương pháp cải cách văn hóa để ra bấy giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau", tức là chuẩn bị cho "cách mạng chính trị thành công". Đề cương khẳng định: "cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo". Ba nguyên tắc, ba tính chất cơ bản của nền văn hóa Việt Nam lúc đó và các giai đoạn tiếp theo là: "Dân tộc hóa", chống mọi ảnh hưởng của nô dịch và thuộc địa, làm cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập, tự do và nhân văn; "Đại chúng hóa" là chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phần lợi ích của đồng đảo quần chúng hoặc xa rời đồng đảo quần chúng. Văn hóa là của quần chúng, quần chúng nhân dân là người sáng tạo văn hóa; "Khoa học hóa" là chống lại tất cả những

cái lạc hậu, phản khoa học, phản tiến bộ, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, tiến về phía trước.

Ngày nay, bối cảnh xã hội - văn hóa và điều kiện cụ thể đã có nhiều đổi thay nhưng những nội dung cốt lõi của đề cương Văn hóa Việt Nam năm 1943 vẫn còn nguyên giá trị."

Hội thảo đánh giá sâu sắc tầm vóc, vai trò to lớn của bản đề cương Văn hóa Việt Nam năm 1943, liên hệ vào việc tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa. Các thảo luận rút ra những bài học, đề xuất, bổ sung, hoàn thiện các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, từ đó kêu gọi phải hành động, phải thực sự cầu thị, tập trung vào thực tiễn để phát triển nền văn hóa đất nước trong thời gian tới.

Nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNTVN, Chủ tịch HNVVN, trong tham luận của mình đã nhấn mạnh thực tế lịch sử là bản Đề cương Văn hóa Việt Nam, các đội tuyên truyền Văn hóa Cứu quốc, đã ra đời trước khi có việc thành lập lực lượng vũ trang của Cách mạng. Điều đó minh chứng tầm nhìn của Đảng coi văn hóa là lực lượng dẫn đường. Và sự ưu tiên đó đối với sức mạnh văn hóa luôn đặc trưng cho việc lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ, ngày nay càng cần nêu rõ và nhắc lại.

Hơn 20 tham luận gửi đến hội thảo, khẳng định những giá trị lịch sử, mang tính bước ngoặt, có tác dụng soi đường, định hướng của bản đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943, tầm tư duy chiến lược của Đảng ta về vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt của văn hóa trong phát triển và bảo vệ đất nước.

RA MẮT TẠP CHÍ "NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM"

S AU hàng tháng trời tích cực chuẩn bị, tạp chí "Nhà văn và Tác phẩm" đã xuất bản số đầu tiên và công bố trong một buổi lễ long trọng và giản dị. Hiện diện tại lễ ra mắt tạp chí mới này ngày 20-9-2013 có nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNTVN, Chủ tịch HNVVN, PGS.TS. Đào Duy Quát, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận - phê bình VHNT T.Ư, các Phó Chủ tịch HNVVN nhà văn Nguyễn Trí Huân và nhà thơ Nguyễn Quang Thiều cùng đông đảo các nhà văn, nhà thơ, nhà lý luận, phê bình.

Tại phiên họp toàn thể lần thứ 8 cuối mùa hạ vừa qua, Hội nghị Ban Chấp hành Hội Nhà văn khóa 8 đã quyết định thành lập tạp chí *Nhà văn và Tác phẩm* trên cơ sở sáp nhập hai tờ tạp chí vốn có của HNV là *Tạp chí Văn học nước ngoài* và *Tạp chí Nhà văn*; giao nhiệm vụ Tổng Biên tập cho nhà văn Nguyễn Trí Huân, nguyên Tổng biên tập báo Văn nghệ.

Nhà thơ Hữu Thỉnh đọc lời chào mừng, chia sẻ những khó khăn của việc duy trì tờ tạp chí trong hoàn cảnh hiện nay và khẳng định Tạp chí Nhà văn phải là một tờ tạp chí mẫu mực với đời sống văn học, khai triển và biểu dương những thành công của văn chương toàn quốc, cũng là diễn đàn của hội viên cả nước phê bình hay khẳng định những

vấn đề văn học. Nhà thơ Hữu Thỉnh nhấn mạnh, điều quan trọng HNV trông đợi ở tạp chí *Nhà văn và Tác phẩm* là những món lái văn chương.

Nhìn nhận niềm vinh dự và nỗi khó khăn trước mắt, nhà văn Nguyễn Trí Huân, Tổng biên tập tạp chí, tỏ ra lạc quan thận trọng: "Chúng tôi có khát vọng làm mới nội dung. Điều này phụ thuộc nhiều vào những tác phẩm đáng tải trên tạp chí. Do đó, với đội ngũ biên tập viên linh hoạt hiện tại, chúng tôi tự hào có ban biên tập đông nhất toàn quốc, với gần 1000 hội viên, nhưng biên chế thì lại ít nhất."

Nhà văn Trung tướng Hữu Ước đưa một gợi ý: cần chú trọng đến lực lượng trẻ đang hàng hải bước vào văn chương; cần cấu trúc để 1/3 đến 1/2 nội dung liên quan đến giới trẻ để tìm các hạt nhân mới.

Tạp chí *Nhà văn và Tác phẩm* sẽ ra 2 tháng/ 1 kỳ.

LỄ TƯỜNG NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH NHÀ VĂN NGUYỄN ĐÌNH LẬP

LỄ tưởng niệm nhà văn Nguyễn Đình Lập đã diễn ra trang trọng sáng ngày 19-9-2013 tại trụ sở Hội Nhà văn Việt Nam, với đại diện gia đình nhà văn cùng rất đông các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình, bạn văn chương, bạn đọc.

Nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNTVN, Chủ tịch HNVVN, trong phát biểu sau lễ dâng hương, đã bày tỏ nỗi xúc động khi tưởng nhớ nhà văn mà ông gọi như một trong những viên gạch đầu tiên cho nền văn học hiện thực Việt Nam và văn học kháng chiến. Nhà thơ Hữu Thỉnh cho biết HNVVN đã trân trọng ghi nhận đề nghị xét Giải thưởng Nhà nước năm 2014 cho nhà văn Nguyễn Đình Lập và HNV sẽ xúc tiến ngay hồ sơ này.

GS Phong Lê đánh giá: "Đặc sắc và đóng góp của Nguyễn Đình Lập là sự kết hợp giữa sự thật của phóng sự và hư cấu của tiểu thuyết mà không gây nên cảm giác giả hoặc gượng...". Nhà văn Vũ Tú Nam ôn lại kỷ niệm thân thiết của vợ chồng ông với gia đình nhà văn Nguyễn Đình Lập. Với Vũ Tú Nam, Nguyễn Đình Lập vừa là thầy dạy môn phóng sự, vừa là người anh đỡ đầu. Nhà phê bình Ngô Thảo nói ông biết đến Nguyễn Đình Lập khi làm luận văn tốt nghiệp năm thứ ba Khoa Ngữ văn Trường ĐH Tổng hợp Hà Nội. "Lúc ấy ông mới có 10 năm, mà tôi nghĩ ông như một người thiên cổ. Mọi thông tin về ông là một cơn số không, ngoài chính cái tên. 50 năm sau, hôm nay, chúng ta kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông, tôi lại thấy ông là một người gần gũi, thân quen, gần như ruột thịt".

Bà Nguyễn Ngọc Trâm - trưởng nữ của nhà văn Nguyễn Đình Lập thay mặt gia đình phát biểu cảm ơn Hội Nhà văn Việt Nam đã tổ chức lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh người cha kính yêu của mình.

PV

NGÔI SAO XANH XA NGÁT

(Tiếp theo trang 21)

Một cảm giác lâng lâng truyền từ ngực của Xuyên Chi tới làm nóng hổi mặt của Thuận. Anh thấy ngào ngạt một thứ dư vị nồng nàn khó tả, nó thơm lạ như chưa từng có hương vị nào thơm đến thế. Mùi cỏ nhàu dưới lưng quện với mùi trắng từ không trung ủa xuống? Mùi gió sông Hồng bay lên trộn cùng với hơi thở thiếu nữ. Từ bộ ngực đang dâng lên thật xuống theo hơi thở gấp của Xuyên Chi những rung động ngọt ngào.

Hai hôm sau Thuận lên đường ra mặt trận.

Và hai mươi bảy năm tiếp theo nữa.
- Minh...minh...có...có...tha... thứ...cho...cho...tôi...tôi...không...không?

Ông Thuận nằm lún trong tấm nệm trắng muốt. Ông nói khó nhọc, dần từng chữ một, cơ mặt của ông nhăn nhau, biểu hiện của những cơn đau đầu trong người. Phòng điều trị vắng tênh. Chi chậm rãi vang đều đều tiếng dinh dịch của máy điện tâm đồ đặt ngay phía đầu giường bệnh. Phảng phất mùi cồn loãng phả nhẹ nhẹ. Bà Xuyên Chi gạt mình bưng khay trạng thái mơ mơ, bà cẩn thận nhìn quanh như thể xem là mình mơ hay đang tỉnh.

- Tôi... tôi nói...nói thật... điều... điều...này...thì...thì mình...mình có...có tha...tha... thứ... cho tôi... không?

Rất khó nhọc, ông Thuận cố nhúc nhích miệng bên những dây dợ chẳng chịt nổi từ hai lỗ mũi của ông tới chiếc máy thở đặt bên giường bệnh. Bà Xuyên Chi nắm chặt bàn tay trái của ông Thuận, cái bàn tay lạnh lặn còn lại ấy vừa cố vươn ra khỏi tấm chăn mỏng đắp ngang ngực. Một cảm giác lo sợ vụt đến khiến bà Xuyên Chi hơi hoảng hốt. Bà kịp trấn tĩnh, chính là bà đêm nay yêu cầu các con cho một mình bà ngồi đây với ông. Linh cảm của người vợ đã mách cho bà biết đêm nay là đêm cuối cùng bà được ở bên chồng. Suốt mấy chục năm qua hai vợ chồng bà mấy khi được ở bên nhau trọn vẹn. Đêm nay bà linh cảm thấy có gì hệ trọng đang đến, sự linh cảm ấy đã cho bà nghị lực để sẵn sàng đón nhận thử thách.

- Tôi...tôi chưa... chưa tìm... tìm được... cho... cho mình... ngôi sao xanh...

Ông Thuận lại chợt tỉnh, bàn tay ông ngọ nguậy trong cái nắm chặt của vợ. Bà Xuyên Chi vội cúi xuống. Thực bụng bà rất muốn có câu nói nào đấy an ủi ông nhưng bà chưa tìm được câu nói nào cho thích hợp. Với bà, với cả ước mơ trẻ thơ của bà thì ngôi sao xanh xa ngát trên vòm trời về đêm là cả niềm tin bất diệt. Ngày tiễn ông ra mặt trận, bà hằng đêm ngửa cổ trông lên vòm trời thăm xa để mừng tượng, để trông chờ và để giữ

trọn lời bà đã hứa, bà nhìn về ngôi sao xa vời đó để tin có ngày ông Thuận trở về đoàn tụ.

Anh Thuận trở về sau ngày toàn thắng với những vết thương trên cơ thể. Đêm đầu tiên làm vợ, cô gái Hà Nội mảnh mai có cái tên là Xuyên Chi đã rung mình khi lần đầu bàn tay của cô chạm vào những vết sẹo nổi nhằng trên người chồng. Cô đã suýt rú lên khi cánh tay phải, cái cánh tay cụt tới khuỷu của anh Thuận cứ chọc chọc, cứ thúc thúc, cứ cựa cựa vào ngực cô, vào sườn cô. Sau những lần rung mình ấy, Xuyên Chi đã cố luyện để làm quen với những mát mát, với những thiết thời mà cô phải gánh chịu. Lúc đó Xuyên Chi đã thấy nản nhưng rồi nhìn nét mặt say mê đến hân hoan của chồng, cô đã dịu lòng mình lại. Nhưng rồi như một lẽ tự nhiên, Xuyên Chi cũng dần làm quen được. Cuộc sống thời bình bắt cô làm quen với những vết thương do chiến tranh trên người chồng.

Bất giác như sự dồn nén cuối cùng, ông Thuận hổng đôi mắt đang đỡ dần dần của mình nhìn về phía khoảng trời ngoài ô cửa sổ buồng bệnh. Ông nhìn đăm đăm, vành môi tứa bọt và trắng bờ chợt như hé một nụ cười dài dãi. Cứ để nguyên nụ cười trên môi, đôi mắt ông Thuận từ từ khép lại mãi nguyên. Hình

như tận sâu thẳm trong lòng ông, ông đã nói xong câu nói ông muốn nói?

- Ông ... ông lên ... lên trên đó...nhớ tìm ... tìm ngôi sao xanh của chúng mình.

Từ trên vòm trời đêm cao vút có muôn ngàn các vì sao đang nhấp nháy. Bà Xuyên Chi vừa thấy sự mừng rỡ của ông Thuận. Đôi mắt của ông Thuận đang nhìn xuống, như chính đôi mắt của anh Thuận năm nào nhìn thẳng vào đôi mắt tràn trề yêu đương của cô gái có tên là Xuyên Chi. Đêm đó cô gái Xuyên Chi yếu tin đến bình thần, cô nằm trên thảm cỏ mặt đê sông Hồng. Tiếng gió thổi từ mặt nước sông Hồng lên ràn rạt trên đầu ngọn cỏ như lời khích lệ.

Bà Xuyên Chi vừa thấy sự mừng rỡ của ông Thuận. Đôi mắt của ông Thuận đang nhìn xuống, như chính đôi mắt của anh Thuận năm nào nhìn thẳng vào đôi mắt của cô bé lên bốn. Đêm ấy chính cô bé Xuyên Chi đã rất tin, có một người tốt, người tốt ấy đợi đêm say giấc hứa tặng cô ngôi sao xanh xa ngát.

Bà Xuyên Chi để mặc cho những giọt nước mắt lăn trào. Bà ngồi sát thành giường bệnh, nghiêng người tựa đầu vào ngực ông Thuận. Đôi mắt bà không người nhìn qua ô cửa sổ. Những ngôi sao càng về đêm càng nhấp nháy sáng.

N.T.V

MIỀN MAN CHAPI

Bút ký của PHONG NGUYỄN

ĐÊM mờ lung trong thung Ô Kha. Sương mờ giăng màn khăn voan mờ hồ trên núi rừng Khánh Sơn cô tịch. Tôi ngồi bên bếp lửa, trong gian nhà Raglai nhỏ nhắn, đợi ama (ba, bố) Mấu Xuân Điệp, nghệ nhân đàn chapi. Ông đang bận đi thăm một người bạn cũ. Away (má, mẹ) Mấu Thị Mười, vợ ông, ngồi cùng chúng tôi, lặng lẽ. Lửa tí tách reo bên tường thưa. Away Mười thêm củi cho nồi canh rau rịa bà vừa hái khi chiều. Canh rau rịa nấu với khoai mì, không thịt, không cá cũng ngọt lừ. Bên nhà, không như những con sông khác xuôi chảy về Đông, dòng Tô Hạp cứ thốn thức, miền man quay ngược về Tây, như cố lần về một miền hoài niệm xa lắc của nhiều thế hệ người Raglai hàng trải qua bao nhiều mùa mưa nắng trên dải Trường Sơn hùng vĩ.

Người Raglai bình dị, chân chất mà dữ dội, kiên trung. Mảnh đất nơi tôi ngồi, dưới chân núi Tà Nĩa, thuộc xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn, Khánh Hòa giờ đây thật yên bình. Trên những vạt đồi cao mệnh mang cỏ dại, chiều về nghe mờ gió khua man mác thanh bình. Hoặc đầu đó, trong những tán rừng xanh, tiếng đàn đá thành thót ngân lên, trong veo, nghe thanh thoát và ý vị. Nhưng, ngày trước, nơi này từng là "thung lũng tử thần", là nỗi ám ảnh kinh hoàng của giặc thù xâm lược; bởi rừng thiêng Tô Hạp luôn đón chúng bằng những chông tên, bẫy nả sắc nhọn, lạnh lùng và lòng quả cảm vô biên, xuất quỷ nhập thần của đồng bào Khánh Sơn. Những tên tuổi lẫy lừng như anh hùng Bô Bô Tới diệt máy bay địch bằng súng trường; căn cứ Xóm Cỏ mả chôn quân cướp nước... đã đi vào lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.

Ô hay! Sao đầu đây có tiếng hát nồng cháy của người con rừng núi Y Moan? Và những dòng tâm tình về cây đàn chapi khôn người day dứt của nhạc sĩ Trần Tiến: Ở nơi ấy, họ đang sống cuộc sống yên bình / Ai nghèo cũng có cây đàn chapi / Khi rung lên vài sợi dây, đàn đã đông đầy hồn người Raglai... Tôi đang ngồi trong ngôi nhà Raglai. Tôi đang thở không khí Raglai. Và trong tay tôi, cần rượu tapai của người Raglai đang vút cong, nồng ấm tình bằng hữu sông hồ. Rượu tapai không đắng, nhưng nồng. Rượu tapai lâu say; nhưng lại say lâu, như chính cái tình người Raglai đậm thắm và chung thủy. Tôi đang chờ một người; chờ nghe tiếng hồn người Raglai: đàn chapi.

Lúc chiều, khi nghe chúng tôi tìm hiểu về đàn chapi, nghệ nhân dân gian Mấu Quốc Tiến, người rất tâm huyết trong việc sưu tầm, lưu giữ văn hóa truyền thống của người Raglai lại say sưa nói về... mã la. Ông bảo, người Raglai gắn bó với tiếng mã la từ bao nhiêu đời nay rồi. Tiếng mã la luôn ngân lên trong những dịp lễ, tết quan trọng. Chính vì vậy mà mã la luôn là bảo vật truyền đời của những dòng họ Raglai. Ở Khánh Sơn, tôi đã nhiều lần nằm nghe tiếng mã la thốn thức trong đêm rừng sâu thẳm. Tiếng mã la khiến tôi mất ngủ. Nó cứ xò đây, nín kéo rồi dồn nén, bùng bật như gió núi tương tư quay quắt trong thung sâu giữa rừng già. Là vậy, nhưng, ngày trước, chỉ có những nhà giàu mới sắm được đầy đủ một bộ mã la. Mà mã la cũng chỉ được đem ra đánh trong những dịp mừng lúa mới, mừng đám cưới, lễ bỏ mả...

Không có được mã la, những người Raglai nghèo bèn nghĩ cách làm ra cây đàn chapi bằng tre, phỏng theo tiếng mã la. Chỉ có mỗi một mắt tre dài chưa tới hai gang tay mà cây đàn chapi mô phỏng được tiếng của cả một bộ mã la, theo mẫu hệ, có cả tiếng mẹ, tiếng cha, tiếng chị, tiếng em. Ông Tiến nói rằng cây đàn chapi là cả một bộ mã la thu nhỏ, chỉ do một người đánh, thay vì mã la có tới tám bảy, thậm chí hơn cả chục người. Đơn giản, gọn nhẹ vậy, đàn chapi theo chân người Raglai trên khắp mọi ngả rừng, mọi lối suối. Chapi những ngày mùa nghe từng bừng, rộn rã. Chapi những đêm trăng nghe tha thiết, mệnh mang. Chapi là tiếng của nửa tre; tiếng của ông bà linh hiển, của rừng thiêng màu nhiệm. Nhịp chapi chậm rãi mà phóng túng, như chính phong thái khoan thai, thư thả và những bước chân tự do đầy kiêu hãnh của người Raglai.

Tôi cứ nhớ ánh mắt Raglai buồn sâu thẳm của ông Tiến hồi chiều, khi ông thở dài:

- Ở huyện Khánh Sơn này, ngoài ama Điệp cũng còn có mấy người nữa biết khảy chapi. Nhưng những ama đó giờ đã già quá rồi, từ lâu không chơi đàn chapi được nữa. Cho nên, hiện giờ, ama Điệp là người duy nhất còn chơi được đầy đủ các làn điệu của đàn chapi và cũng là người duy nhất còn làm ra được cây đàn chapi. Buồn quá! Lỡ con cháu Raglai giờ không còn yêu chapi như những người trước nữa. Chúng nó chỉ thích nghe nhạc xập xà xập xình mà thôi. Tệ hơn, có đứa còn không hề biết chapi là gì nữa!

Ở Khánh Hòa, người Raglai sinh sống chủ yếu ở hai huyện miền núi Khánh Sơn và Khánh Vĩnh. Cả huyện Khánh Vĩnh giờ chỉ còn vài người biết chơi đàn chapi; và đau lòng hơn là không còn ai làm được đàn chapi nữa. Chỉ còn có mỗi Khánh Sơn. Mà Khánh Sơn cũng chỉ còn có mỗi ama Điệp. Nhưng ông cũng đã già, đã yếu.

Cố tiếng chân xa.

- Ông về đó! Away Mười nói khê, nhưng quả quyết, như thuộc lòng mỗi bước chân ông.

Cố về ông đã uống nhiều rượu. Người đàn ông đã đi qua hơn sáu mươi mùa rẫy chào chúng tôi thật nhanh rồi kêu vợ mang thêm rượu. Away Mười lại lặng lẽ vào nhà trong. Đường như lúc nào bà cũng sợ gây nên tiếng động, sợ làm giắt mình tiếng chapi mong manh của ông. Bà bảo rằng những lần ông khảy chapi luôn có bà kể bên. Bà ngồi nghe ông đàn mà lòng rạo rực nhớ về một thời con gái mê mẩn tiếng chapi. Chapi nuôi trong tâm khảm away Mười từng giấc mơ thanh xuân, từng khát vọng tuổi trẻ, cùng những câu hát Akhà Juca Raglai dịu ngọt. Và, có bà, tiếng đàn ông như say sưa, tha thiết hơn, như có gặp mưa trong những dạo mùa khô mà trời làm giống vậy.

Thêm một chút rượu tapai nữa. Ngọn lửa chùng xuống trong sương khuya.

Ama Điệp hai tay nâng cây đàn chapi lên ngang ngực; ghì sát đầu ống tre rỗng vào người. Từng ngón tay ông lần bật trên những sợi dây tre; khi chậm rãi, nhẹ nhàng; lúc thoăn thoắt, dữ dội. Tiếng đàn không ngân dài. Nhưng vang xa. Chapi trong đêm nghe như thác đổ, quần thác, chung chiêng dội vào vách núi; nghe như gió hú, lang thang, hun hút trên đại ngàn. Đây là lời ước được mùa, cho bắp lúa đầy chỗ, heo gà đầy sân. Đây là lời tự tình của trai gái yêu nhau, cho cái miệng biết ăn cùng nhau miếng trầu, cho cái bụng biết cùng suy tính về một mái ấm Raglai bền chắc. Đây là khúc tiễn biệt hồn người đi về trên non cao, nơi thần linh đang an nghỉ, để rồi một ngày nào đó lại được trở lại làm người, như quan niệm luân hồi của người Raglai. Tôi không còn nghe ra những đầu là điệu tumuya (đánh trong lễ bỏ mả), đầu là riwur (đánh trong đám cưới), là sa pathau (đánh vào ngày mùa) rồi alau (tiếng hát giao duyên), rồi catnau cacu (tiếng hát về chim cu gáy), trun pu (đánh mừng lúa mới) Chỉ thấy có một suối nguồn âm thanh tre nửa phiêu bổng, miền man dưới chân ngọn Tà Nĩa kiêu hãnh.

Trong lảng lảng hơi men tapai, cứ vậy, tôi ngồi khêu lửa, và lặng nghe chapi. Chapi ru đêm Trường Sơn; ru đêm Raglai huyền hoặc trong ánh lửa liêu trai giữa đêm đen đông đặc trên đại ngàn ngai ngủ.

Ama Điệp không đàn nữa. Ông cẩn thận mắc cây chapi lên tường rồi giục chúng tôi uống rượu. Lại rượu tapai.

Đàn đã dứt. Nhưng thanh âm chapi vẫn như quanh quất đầu đây.

Chúng như trở về từ cõi mơ, ama Điệp bắt đầu kể:

- Ngày trước, nghe ông nội khảy đàn chapi, ama mê lắm. Ông nội còn dạy rằng, không biết làm đàn, không biết chơi đàn chapi thì không xứng làm đứa con trai Raglai. Ama học chơi đàn, học làm đàn từ hồi còn nhỏ. Thấy ông nội đi đâu một chút là lấy đàn ra khảy liền. Càng lớn càng ghiền, không dứt ra được.

- Làm đàn chapi có khó không? Tôi hỏi.

- Làm thì không khó. Khó là đàn phải kêu cho hay; phải chỉnh làm sao đó để các dây đàn có âm thanh phát ra giống hết tiếng mã la. Khi nào rảnh rỗi, nhớ ghé lại đây ama chỉ cho cách làm đàn, cách đánh đàn chapi.

Nhưng, ama Điệp chợt ngậm ngùi, đầu cúi thấp. Thêm một hơi rượu tapai nữa, ông mơ màng nhìn ra xa, phía dòng sông Tô Hạp ngày đêm thao thiết chảy. Đêm nay, ngồi với chúng tôi, ông tỏ bày nỗi niềm cùng cây chapi tri kỷ. Rồi mai, khách đi rồi, khi buồn, ông lại khảy chapi, như đi tìm sự chia sẻ đến tận cùng. Nhưng, bây giờ, không còn nhiều người Raglai có cái tai ưng nghe chapi nữa. Chỉ có away Mười. Như một đôi tri âm gắn kết từ truyền kiếp, cho dài thêm thanh âm chapi.

Nghệ nhân dân gian Mấu Quốc Tiến buồn buồn:

- Sử thi, mã la Raglai ngày càng ít người quan tâm tới. Những điệu hát ru con hay vậy mà giờ không còn nữa. Riêng đàn chapi, nhạc cụ nhiều đời gắn bó với người Raglai giờ cũng ít người biết chơi, biết làm. Giữ được các làn điệu của chapi cũng là giữ các làn điệu mã la. Do đó, phần làn điệu thì không mấy lo. Điều đáng lo chính là kỹ thuật làm đàn và cách khảy đàn. Thấy đơn giản vậy nhưng để làm được một cây đàn chapi cho hay và chơi chapi cho ra hồn không phải dễ đâu.

Trong thành phần các dân tộc Việt Nam, Raglai là tộc người chiếm tỷ lệ không cao, nhưng có vốn văn hóa cổ truyền phong phú, đa dạng, đặc trưng, vừa có dáng nét văn hóa của cư dân vùng đồng bằng, ven biển cực Nam Trung bộ. Giữ gìn bản sắc văn hóa Raglai, trong đó có khôi phục và gìn giữ tiếng đàn chapi, là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình bảo tồn và phát triển văn hóa. Tỉnh Khánh Hòa đã có một số hoạt động cụ thể.

Theo Trường phòng Văn hóa - Thông tin huyện Khánh Sơn Phạm Văn Hợp, huyện đã có kế hoạch bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào Raglai như chữ viết, sử thi, mã la... và bước đầu đã có kết quả. Tuy nhiên, với cây đàn chapi thì chưa thể thực hiện được. Huyện rất mong muốn tổ chức các hoạt động lưu giữ tiếng đàn chapi như đưa vào nhà trường, hoạt động ngoại khóa, các hoạt động đoàn thể, địa phương, giao lưu, biểu diễn, lễ hội..., nhưng khó vô cùng. Cái khó trước hết là ngay chính người Raglai hiện giờ cũng không mấy mặn mà với đàn chapi nữa. Tiếp đến, các vấn đề về con người, kinh phí phục vụ cho công việc khôi phục, bảo tồn cũng gặp rất nhiều khó khăn. Đơn cử như về kinh phí, trước nay, huyện chưa hề được cấp kinh phí thường xuyên để thực hiện công tác bảo tồn văn hóa Raglai...

Đêm nay, ama Điệp không nói gì nhiều về việc gìn giữ, lưu truyền tiếng đàn chapi. Đường như ông đã nói quá nhiều, và cũng đã quá mệt mỏi, nếu không muốn nói là vô vọng, về điều ấy. Chỉ thấy mắt ông buồn, rất buồn. Tôi hiểu, và gọi ấy là nỗi buồn chapi.

Người Raglai đã nói những điều mình muốn nói qua tiếng chapi. Chapi chở nặng tiếng lòng người Raglai. Nhưng, giờ đây, tôi nhìn cây chapi của ama Điệp mà lòng buồn thê thắt. Nó vẫn hát, về một thời quá vắng vàng son, đầy đam mê và tiếc nuối; và về một ngày mai vô định, với bao nỗi day dứt, xót đau. Nói đại, mai này, khi ama Điệp đi về với thần linh, cây đàn chắc chắn sẽ trở nên cô độc khôn cùng. Sẽ không còn ai rung lên những sợi tơ lòng nhiều trắc ẩn của người Raglai trên cây đàn chapi nữa. Ngày ấy, không còn xa. Bởi ama đã già yếu rồi, tuổi trôi như bóng trắng qua núi. Cây đàn chapi trong nhà ama Điệp rồi sẽ dần chìm lấp trong những lớp bụi thời gian nghiệt ngã, vô tình và trong sự hờ hững của chính những người hàng gần bó, yêu thương nó.

Lên tới đỉnh đèo, tôi dừng lại. Phía trước mặt là thành phố Cam Ranh, biển Đông xanh ngằn ngặt. Sau lưng tôi, Khánh Sơn đang chìm dần, chìm dần trong sương chiều bàng bạc. Dòng Tô Hạp vẫn cứ lặng lẽ, mãi miết trong mạch suy tư đi về phía mặt trời lặn. Bâng lảng đây đó có mấy ngôi nhà Raglai chênh vênh trên vách núi. Chỉ một thoáng chớp đã không còn nhìn thấy gì nữa.

Nhưng, tôi nghe có tiếng chapi. Chapi ở đâu, giữa núi rừng quạnh quẽ? Hay là tiếng chapi từ những ngọn núi, những rừng cây tự bao đời nay kết tụ giờ lại rung lên, lại gọi nhắc?

Bất giác, ai đó bật kêu lên: Ồi, chapi... ■



THƯ MỜI

TẠP CHÍ NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM

TẠP chí **Nhà văn và Tác phẩm** là tờ tạp chí sáng tác, lý luận phê bình và dịch văn học của Hội Nhà văn Việt Nam, được hình thành từ sự sáp nhập của hai tờ tạp chí: Nhà văn và Văn học nước ngoài theo quyết định của Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa VIII.

Thông qua những sáng tác chọn lọc, đăng tải trên Tạp chí, Ban biên tập mong muốn giới thiệu được một phần diện mạo tinh hoa văn học trong nước và nước ngoài, góp phần gợi mở công việc sáng tạo của các nhà văn và định hướng thẩm mỹ cho công chúng yêu văn học cả nước.

Tạp chí dày 200 trang, khổ 20 x 28, xuất bản 2 tháng 1 kỳ, gồm 2 phần: Văn học trong nước và văn học nước ngoài, phát hành rộng rãi trên toàn quốc (giá bán 60.000đ/cuốn) - số 1 của tạp chí

(tháng 9 và tháng 10 năm 2013) trân trọng giới thiệu với bạn đọc những sáng tác mới nhất của các nhà văn: Ma Văn Kháng, Đỗ Chu, Nguyễn Khắc Trường, Khuất Quang Thụy, Vũ Quần Phương, Lê Văn Ngân, Phùng Khắc Bắc, Lữ Thị Mai, Phương Lưu, Hà Quảng, Khuất Bình Nguyên, Nguyễn Chí Hoan, Văn Chinh, Đỗ Bích Thúy, Phó Đức Tùng, Nguyễn Ngọc Tư, Đoàn Minh Phượng... (Văn học trong nước), Todorov... 7 truyện ngắn mini Trung Quốc (Văn học nước ngoài).

Tạp chí **Nhà văn và Tác phẩm** mong muốn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của các nhà văn, bạn đọc, các tổ chức doanh nghiệp và cá nhân để tờ Tạp chí có thể đứng vững trong cơ chế thị trường, làm sinh động và phong phú thêm đời sống văn học và văn hóa trong giai đoạn hội nhập và phát triển đất nước.



Bạn đọc có nhu cầu mua dài hạn xin đặt tại bưu điện gần nhất hoặc liên hệ với tòa soạn:

TẠP CHÍ NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM
Địa chỉ: 65 Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (04).3942 3111, Email: nhavanvatacpham@gmail.com

TM BAN BIÊN TẬP
TỔNG BIÊN TẬP
Nhà văn NGUYỄN TRÍ HUÂN

THÔNG BÁO

ĐẶT MUA BÁO QUÝ IV-2013

Trong quý IV-2013, báo Văn nghệ phát hành các số báo sau:

Báo Văn nghệ: có 13 số. Từ số 40 đến số 52.

Giá bán 9.800đồng/kỳ X 13 số = 127.400đồng.

(một trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

Báo Văn nghệ trẻ: có 13 số. Từ số 40 đến số 52.

Giá bán 9.800đồng/kỳ X 13 số = 127.400đồng.

(một trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

Tổng cộng tiền báo quý IV cho các ấn phẩm báo Văn nghệ là: 254.800 đồng (Hai trăm năm tư nghìn tám trăm đồng).

Bạn đọc và các tác giả có nhu cầu mua báo Văn nghệ đăng ký với bưu điện, các điểm phát hành báo gần nhất hoặc liên hệ trực tiếp với bộ phận phát hành của tòa soạn theo:

Điện thoại: (04)62 702 642.

Địa chỉ: Tòa soạn báo Văn nghệ. 17 Trần Quốc Toản – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Bưu điện Việt Nam xin trân trọng thông báo:

Cũng trong tháng 9-2013, Bưu điện Việt Nam tổ chức nhận đặt mua báo chí xuất bản quý IV-2013.

Kính mời các cơ quan, đoàn thể, trường học và độc giả trong cả nước đến các cơ sở Bưu điện nơi gần nhất để đặt mua.

Mọi chi tiết xin quý khách vui lòng liên hệ tại các cơ sở Bưu điện trên toàn quốc.

Rất hân hạnh được phục vụ!

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Tổng biên tập: KHUẤT QUANG THUY ● Phó tổng biên tập: THÀNH ĐỨC TRINH BẢO

● Tòa soạn, Trại sự: 17 Trần Quốc Toản - Hoàn Kiếm - Hà Nội. ● Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642

● Email: thukybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvvn@gmail.com; vanhocnucngoai.vn@gmail.com; bannghehvatvn@gmail.com.

● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại: (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax: (058) 3825867. ● In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

● ISSN 0866 - 0815 ● MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội ● Trình bày: PHẠM MINH HẢI

● Giá: 9.800 đồng.